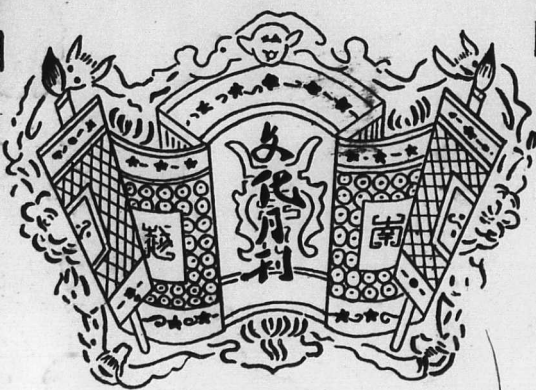


VĂN-HÓA

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG



BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

Jan/Feb.

LOẠI MỚI — SỐ 28 THÁNG 1-2 NĂM 1958

MỤC-LỤC

(V. H. N. S. SỐ 28 THÁNG 1 VÀ 2 NĂM 1958)

	Số trang		Số trang
I. — Văn-Hóa Việt-Nam		(<i>Bùi-Lương</i>)	92
— Nụ cười-ủy các tiết-lễ Việt-Nam (<i>Tân-Việt-Điều</i>)	1	— <i>Thi - ca</i> : Nhị, Trung kháng chiến (<i>Đạm-Quang</i>)	94
— Trước thềm năm Mậu-Tuất (<i>Phan-Quân</i>)	17	— Đề tranh Hoa điều ngày xuân (<i>Huyền-Mặc</i>)	95
— Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa (<i>Nguyễn-công-Huân</i>)	19	— Cảnh mùa xuân (<i>Huyền-Mặc</i>)	95
— Thủ chơi đồ cờ (<i>tiếp theo</i>) (<i>Vương-Hồng-Sên</i>)	25	— Kinh buổi sáng (<i>Bà Mai-Oanh</i>)	96
— Những giai-thoại về cón khuyển xưa và nay (<i>Trúc-Lâm</i>)	38	— Vịnh Phong-Lan (<i>Bà Văn-Khanh và Bà Hồng-Thiên</i>)	96
— Đoàn-thị-Điền (<i>tiếp theo</i>) (<i>Phạm-xuân-Đó</i>)	51	— <i>Điều-Văn</i> (<i>Đạm-Nguyên</i>)	98
— Giá-trị nghệ-thuật trong ca-dao (<i>tiếp theo</i>) (<i>Phạm-văn-Diêu</i>)	59	II. — Văn-Hóa Thế-Giới	
— Cây đa bên cội (<i>Hương-Giang</i>)	70	— Đạo-đức kính quốc-văn giãi-thích (<i>tiếp-theo</i>) — (<i>Nghiêm Toàn dịch thuật</i>)	99
— Những trang sử vẻ vang của dân-tộc Việt-Nam (<i>Nguyễn-Cao-Kim</i>)	75	— Bàn về Vũ-trụ (<i>Ứng-Trình</i>)	106
— Xuân đồng quê trong ca dao (<i>Nguyễn-Quang</i>)	80	— Vài tục-lệ ăn Tết từ Đông sang Tây (<i>Tam-Hóa</i>)	109
— <i>Truyện ngắn</i> : Đầu ghềnh cuối bãi (<i>Thềm-Đất</i>)	83	— Đề di đến một sự trao đổi rộng rãi về văn-hóa giữa các nước Á-Châu (<i>Bản dịch bài của Công-Chúa Marst Parbatra</i>)	114
— Chơi Việt cải-cách (<i>tiếp theo</i>) — (<i>Nguyễn-Nhiên</i>)	85	— Văn truyện thám - hiểm không-trung (<i>Chàng-Hai</i>)	118
— Quốc-ngữ đỉnh-ngoạ		III. — Tin-tức Văn-hóa	
		— Tin trong nước.	132
		— Tin ngoài nước.	136

Tranh - ảnh trong số này

- Lễ tổng-cụu nghênh-tân
- Hoa Thủy-Tiên





NGUYÊN-ÛY CÁC TIẾT-LỄ VIỆT-NAM

TÂN-VIỆT-ĐIỀU

DẤ N-tộc nào cũng có ít hay nhiều tiết lễ, từ nghìn xưa để lại. Có những tiết lễ có tính cách địa phương; có những tiết lễ được cử hành long trọng trên toàn quốc, với nhiều tục lệ đáng quý.

Phàm đã gọi là một nước có văn hiến thì phải ghi nhớ và bảo tồn những tiết lễ, phản ảnh dân-tộc tính và chứng tỏ trình độ văn minh của dân tộc ấy. Vì lẽ đó, chúng ta cần phải hiểu rõ nguyên ủy các tiết lễ của nước ta, cùng những tục lệ cổ truyền do tổ tiên chúng ta để lại.

Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu nguồn gốc, ý nghĩa và tục lệ của mỗi tiết lễ sau đây :

- 1) TẾT NGUYÊN ĐÁN
- 2) TẾT TRẠNG NGUYÊN
- 3) LỄ HÀN THỰC
- 4) LỄ THANH MINH
- 5) TẾT ĐOAN NGỌ

- 6) LỄ THẮT TỊCH
- 7) LỄ TRUNG NGUYÊN
- 8) LỄ TRUNG THU
- 9) LỄ TRỪNG CỬU
- 10) LỄ SONG THẬP
- 11) LỄ TÁO QUẢN

I.— TẾT NGUYÊN ĐÁN

Lễ nguyên Đán, hay nói một cách nôm na là ngày Tết, lấy nguồn gốc từ đời Ngũ-Đế Tam-Vương, nhưng ngày tháng lại khác, không như bây giờ.

Đời Tam-Vương, nhà Hạ ưa chuộng màu đen, thì chọn đầu tháng Dần là tháng đầu năm để ăn Tết. Còn nhà Thương ưa thích màu trắng, lại lựa tháng Sửu là tháng chạp. Đời nhà Châu ưa sắc đỏ, lại chọn tháng Tý là tháng mười một.

Các vua chúa nói trên, theo ngày giờ, lúc mới tạo thiên lập địa, nghĩa là giờ Tý thì có trời, giờ Sửu mới có đất, giờ Dần sinh loài người mà đặt ra ngày Tết khác nhau.

Qua đời Đông Châu, đức Khổng Phu Tử theo nhà Hạ, đời ngày Tết vào tháng Dần để cho thiên hạ ăn Tết nhứt định, Nhưng nó không được dễ yên, vì lễ đến đời nhà Tần, tháng Tết lại nhảy qua tháng Hợi, tức là tháng mười.

Cho đến khi nhà Hán lên ngôi trị vì thiên hạ, theo chủ trương của Đức Khổng Phu Tử, lấy tháng Dần là tháng giêng để thiên hạ ăn Tết, làm ngày nhứt định cho đến ngày nay.

Hơn nữa, các vua chúa đều nhìn nhận, trong một năm có bốn mùa là xuân, hạ, thu, đông, mà chỉ có mùa xuân là tươi đẹp hơn cả, khí trời mát mẻ, êm đềm hơn.

Đời nhà Hán, ông Đông-phương-Sắc cho rằng, ngày tạo thiên lập địa, có thêm giống gà, ngày thứ hai thêm chó, ngày thứ ba sanh heo lợn, ngày thứ tư sanh dê, ngày thứ năm sanh trâu, thứ sáu sanh ngựa, thứ bảy sanh ra loài người, thứ tám sanh ra ngũ cốc,...

Cho nên, ngày Tết kê từ mồng một đến mồng bảy, và riêng ở Việt Nam tháng giêng là tháng nghỉ ngơi. Trong thời gian bảy ngày Tết, nhà cửa quét sơn lại, mới đẹp, dọn lư hương bàn thờ, thắp nhang khói để tưởng niệm vong linh ông bà, giòng họ.

Đúng mười hai giờ khuya đêm ba mươi tháng chạp là ngày giờ giao thừa, giờ ấy ông bà và những người bà con xấu số mới được phép vua Diêm-Vương cho về thăm viếng bà con. Giờ này mới đúng là năm cũ lui bước để cho năm mới đến. Đêm giao thừa, mọi nhà đều thắp đèn sáng trưng trên bàn thờ, có nhang khói tỏa ra thơm ngát khắp đó đây.

Cha mẹ, vợ chồng con cái cháu chắt đoàn tụ lại đông đủ để lạy ông bà, mà người ta gọi là mừng tuổi ông bà năm mới. Giờ này pháo cứ dè dè nổ khắp mọi chỗ, các cậu bé bận áo quần mới nhảy múa tung tăng, không chịu ngủ, đợi cho đến ngày mai là ngày mồng một, ngày đầu của năm mới.

Ngày này, người ta sẽ bận áo quần mới đẹp đến nhà bà con cô bác, thắp nhang trên bàn thờ, lạy ông bà, rồi không quên chúc nhau năm mới làm ăn thịnh vượng, phát tài, phát lộc, như thi sĩ Tú-Xương đã ghi trong mấy vần thơ :

... *Lẳng lẳng mà nghe họ chúc nhau,*

Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.

Phen này ông quyết đi buôn cối.

Thiên hạ bao nhiêu đứa già râu.

Đầu năm có lệ xông đất nghĩa là ai đến thăm trước sẽ mang lại sự may mắn hay sự rủi ro, tùy theo địa vị tánh tình của người ấy. Họ muốn có những người hiền từ, đến xông đất nhà họ, để cho cả năm họ được mọi sự lành.

Vì thế, ngày đầu năm, tức là ngày mồng một, kẻ làm cha mẹ thường hay ngăn cấm con cái mình không được qua nhà hàng xóm, trừ ra những người có thành tích tốt đẹp mới đi xông đất nhà bà con hay bạn bè trong ngày mồng một, không thì người ta đợi ngày mồng hai...

Những câu đối đỏ, những cây nêu cắm lên trước nhà có nghĩa trừ ma tống quỷ có thể đến quấy nhiễu. Nhưng người ta lại nói, nửa phần đất Việt-Nam ngày xưa là Chiêm-Thành, nên sau cuộc Nam tiến, người Việt có tục lệ cứ mỗi lần Tết đến, là cắm nêu để nhớ việc mở mang bờ cõi.

Thế rồi, từ đời này qua đời nọ, trên mấy chục thế-kỷ, cho tới ngày nay, khoa học càng ngày càng phát minh mạnh mẽ, tục lệ ngày Tết thêm vô bớt ra, mà ý nghĩa của nó vẫn còn nguyên vẹn.

II.— TẾT TRẠNG NGUYÊN

Đến ngày 15 tháng giêng thì cử hành lễ Tết Trạng Nguyên, Trước cảnh đẹp của mùa Xuân, nhà vua có lệ ban đêm hội họp các Trạng Nguyên trong nước đãi yến tiệc trong vườn Thượng-Uyển, để xem hoa thưởng nguyệt, làm thơ xướng họa. Song mãi đến ngày nay, ta lại gọi là Tết Thượng-nguyên, để thiên hạ tấp nập đi lễ bái chùa, đèn, miếu vũ, dâng cầu phúc cầu may trong đầu năm mới. Vì thế-nhân có câu: 'Lễ Phật quanh năm, không bằng ngày rằm tháng giêng...'

Giả thuyết thứ hai là theo tục lệ của Tàu, ngày này là ngày của tướng Nông-trí-Cao, gốc người Vân-Nam, bị tử trận khi đem quân sang đánh nước ta.

Giả thuyết thứ ba là ngày kỷ-niệm của con cái vua Xích-Đế khi xưa vào rừng hóa kiếp làm con chim bồ-các, bên Tàu gọi là chim Thước, làm tổ để ở, đúng ngày rằm tháng giêng thì lại hóa ra Tiên rồi bay lên trời vậy...

III.— LỄ HẠN THỰC

Lễ này, người ta gọi là lễ Lưu-Trường Khúc Thủy, được cử hành vào ngày mồng 3 tháng 3. Cứ theo tục lệ đời thượng cổ bên Tàu, vào ngày tháng này, dân chúng rủ nhau ra bờ sông, bờ ao, bờ hồ, để xem mức nước cao hay thấp.

Thường thường hằng năm, vào ngày mồng 3 tháng 3 các Tỉnh-trưởng ra lệnh cho dân chúng phải bày hương án trên các bờ sông hồ ao để làm lễ, đặt tên lễ là Lưu Trường khúc Thủy.

Tới đời nhà Hán, sử chép rằng vào ngày ấy, các bà hoàng hậu, công chúa, tôn nhân... đều ra bờ sông làm lễ, rồi lại đi hái một ít lá dâu đem về cho tắm ăn để kén được thêm tốt tươi.

Con trai thì nhau đua thỏ, con gái thì nhau thả hoa xuống nước. Nếu các nhành hoa mỗi khi xuống nước kết được thành hình giống con vật, thì được thưởng và được các cậu con trai kén chọn, về xin phép cha mẹ đi cưới làm vợ chánh thức.

Đến đời vua Tấn-văn-Công, Tết này lại mang Tết Hạn Thực để nhớ lại ngày giỗ ông Giới Tử Thôi. Năm 654, trước Tây lịch, Thái tử Tấn-trùng-Nhĩ bên Tàu lên ngôi trị vì, sau bị giặc đuổi thua chạy, nhờ ông Giới Tử Thôi đem quân cứu thoát được nạn.

Lúc dẹp loạn xong, vua liền khao thưởng quân sĩ có công trong việc dẹp giặc, quên lãng mất người có công to trong việc này là ông Giới Tử Thôi. Vì thế, ông này giận vua đem mẹ vào rừng ở biệt.

Mãi về sau, vua sực nhớ lại công đức của ông, liền sai quan quân đi tìm ông về Triều làm quan, ông nhất định không về, cho đến ngày mồng 3 tháng 3 vẫn tìm không được ông.

Vua muốn triệu ông về ngay không được, liền ra lệnh cho dân đốt sạch khu rừng, để ông sợ không có chỗ ẩn nấp mà ra về. Nhưng ông nhất định cùng mẹ treo lên cây cao làm mồi cho ngọn lửa thiêu đốt chết luôn. Động lòng đau thương người có công to cho vương tộc, vua đặt tên khu rừng cháy này là khu rừng Giới sơn và ra dụ để cho dân chúng lấy ngày tháng này để kỷ niệm cái chết đáng tiếc của vị quan đã có công lớn.

Cho nên, bên Tàu, từ đây cứ trọn tháng ba, dân chúng lại kiêng ăn thức nóng ăn toàn đồ nguội, nhưng mãi về sau, nhận thấy tục lệ không tiện đối với bà già trẻ em, nên chỉ kiêng có một ngày mồng 3 mà thôi.

Sách Ngụy thư chép rằng : về đời Hậu Hán, thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch, vua lại ra lệnh cấm dân chúng không được ăn thức ăn nguội và phải ăn thức ăn

nóng trong sáu tháng để kỷ niệm ông Ngũ Tử Tư, một vị quan to có công dày với nước, bị chết đuối.

Dân chúng phải theo lệ vua, nếu không tuân lại bị tù tội, lưu đày.

Về sau, vua thấy lệnh rất chênh lệch quá, hai ông đều có công nhiều với nước.

Vì chỉ kỷ niệm ông Ngũ Tử Tư mà quên mất ông Giới Tử Thôi, hai ông là hai bậc trung thần, một bị chết cháy, một bị chết đuối. Như vậy, không được công bằng. Nặng bên này lại nhẹ bên kia, làm sao được, nên vua liền nghĩ ra cách ăn bánh chay, bánh trôi là lưỡng tiện hơn cả.

Vua hạ lệnh bắt dân chúng đến ngày mồng 3 tháng 3, làm bánh chay bánh trôi để cúng là vì, theo cao ý của vua, muốn làm bánh chay bánh trôi, phải bỏ bột vào nước đun cho chín, rồi vớt ra bỏ vào nước nguội mới đem ra ăn được.

Như thế, thật tiện cả hai bên, một thứ đồ cúng mà đem ra giỗ được cả hai ông.

IV.— LỄ THANH MINH

Lễ Thanh Minh thường nằm vào tháng 3 âm lịch hằng năm, cũng gọi là Lễ mờ.

Nhưng, khác với Lễ mờ của người Tây phương là một ngày buồn bã, nhớ lại người còn kẻ mất, ngậm ngùi thương tiếc... lễ Thanh-Minh của người phương Đông là ngày ca ngợi sự tươi đẹp của tạo vật, của mùa xuân, đồng thời nhớ đến những kẻ đã khuất bóng.

Căn cứ phong hóa tập quán từ ngàn xưa để lại, từ bên Tàu truyền qua, lễ Thanh-Minh lại có nghĩa chia sớt đồng đều tình thương nhớ người sống đối với người quá cố trong sự đi thăm viếng, vun mả quét mả.

Mùa đông mưa gió lạnh lùng quá, thì mùa xuân tươi đẹp lại đến, tạo vật đổi thay, cây cối đâm hoa. Cho nên nhà văn nổi tiếng của nước Việt, Tô-Như Nguyễn-Du tiên sinh, trong danh phẩm Kim-Vân-Kiều đã ca tụng lễ Thanh-Minh như sau :

... ngày xuân con én đưa thoi.

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh tận chân trời...

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Thanh-Minh trong tiết tháng ba,

Lễ là tảo-mộ, hội là Đạp-thanh.

Gần xa nô nước yến oanh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập đầu tài tử gái nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.
Ngõn ngang gò đồng kéo lên,
Thoi vàng hồ rúc, tro tiền giấy bay...

x²x

Vì thế, cứ mỗi độ xuân về, trong tiết tháng ba, trai thanh gái lịch, người ta đua nhau đi thăm mộ má. Ở Thủ-đô, dân chúng thường viếng lăng Ông Bà Chiêu, tức là Tà-quân Lê-văn-Duyệt ở Gia-Định rất đông đảo, để cầu xin sự may mắn.

V.— LỄ ĐOAN NGÔ

Vào mồng 5 tháng 5 âm-lịch là ngày lễ Đoan-Ngô.

Sử chép rằng : xưa kia bên Tàu, về đời nhà Sở, ông Khuất Nguyên là vị quan to rất thông minh và liêm chính. Mỗi khi vào triều châu, bàn bạc quốc sự, ông đều bị vua bài bác vì những nghị thần xúi dục.

Vì thế cho nên ông bức tức, chán đời, có làm một bài thơ hận lòng, gọi là 'Hận ly tao' để lại trước ngày ông ra sông Mịch-La buộc đá vào mình nhảy xuống sông tự tử, đúng vào ngày mồng 5 tháng 5.

Được tin, hối hận và rất thương tiếc, vua liền ra lệnh sức dân làm cỏ đê ra tận bờ sông cúng ông và ném cỏ xuống sông cho ông hưởng.

Nhưng bao nhiêu cỏ ném xuống đều bị các tôm tép cá ăn mất hết trơn trọi.

Ông về báo mộng để vua hay cơ sự như thế, là bao nhiêu cỏ ném xuống sông đều cá ăn hết, nếu còn nghĩ tới tình vua tôi, khi ném cỏ xuống cho ông hưởng thì phải lấy lá bọc lại, rồi buộc bằng chỉ ngũ sắc, kéo sự cá tôm ăn mất đi.

Được tin báo mộng của ông Khuất-Nguyên, vua hạ lệnh cho dân chúng phải làm như lời ông vậy.

Vì thế, vào ngày mồng 5 tháng 5, bên Tàu, dân chúng làm cỏ cúng linh đình trên các bờ sông, lấy lá bọc lại, có buộc chỉ ngũ sắc ném xuống giòng nước để kỷ niệm ông Khuất-Nguyên.

Nhưng đối với nước ta, lễ Đoan-Ngô đã trở thành nghĩa khác. Đến ngày

mồng 5 tháng 5, trong buổi sáng tinh sương, chưa ăn uống gì, mỗi người thì nhau ăn hoa quả xanh tươi để giết sâu bọ, rồi nhuộm móng tay móng chân. Đàn bà thì đeo bùa đeo dấu, trẻ con thì đeo chỉ ngũ sắc xin ở các nhà chùa yếm bùa cho, đóng dấu vào các vật áo mặc để trừ khử ma quỷ, cho con nít ăn chơi mau mạnh.

Dân chúng lại ăn cơm rượu nếp, bôi vôi vào cổ...

Cứ đúng trưa, đến giờ Ngọ, mỗi người lại đi lên rừng lên bụi, hái lá chặt cây đem về phơi khô làm thuốc, mà ta thường gọi 'lá mồng năm.'

Các loại sâu bọ : rắn rết, ếch nhái, thằn lằn...trong giờ ngọ đều kiếm đường trốn mất, vì chúng biết vào ngày giờ nói trên, có người đi bẻ lá động cây, không thể nào ăn được. Vì vậy, người ta lại bảo : giờ ngọ ngày mồng 5 tháng 5, không bao giờ có thằn lằn, rắn rết, ếch nhái. . .

VI).— LỄ THẮT TỊCH

Đúng vào ngày mồng 7 tháng 7 âm lịch là ngày lễ Thắt-Tịch.

Nói một cách văn hoa hơn, lễ Thắt-Tịch nhắc nhở mối tình dang dở của Ngưu-Lang và Chức-Nữ. . .

Theo truyền thuyết, chàng với nàng mặc dầu yêu nhau khăng khít, trót thề non hẹn biển, để cùng nhau trăm năm buộc một giải đồng, nhưng trót trêu thay địa vị của mỗi người lại cách biệt nhau ra. Ngọc-Hoàng Thượng Đế, thấy vậy, chấp thuận cho hai người lấy nhau.

Từ đó, Ngưu-Lang không còn chăm nom trâu bò nữa, và Chức-Nữ trở nên biếng nhác không chịu lo canh cửi vá may, kéo tơ dệt vải cho dân có vải may áo mặc. . .

Vì vậy, Ngọc-Hoàng Thượng-Đế đâm ra giận, làm cho chàng và nàng cách biệt hẳn nhau, lấy sông Ngân-Hà chia đôi hai đàng.

Nhưng lại còn ban một chút ân huệ là, trong mỗi năm, vào đêm Thắt-Tịch, Ngọc-Hoàng cho phép Ngưu-Lang được gặp Chức-Nữ một lần mà thôi, nhờ cầu Ô-thước để sang sông trao tình.

Cho nên, thế-gian đồn rằng, trong ngày lễ Thắt-Tịch, chim quạ lại trở về trời đội đá bắc cầu cho Ngưu-Lang, Chức-Nữ gặp nhau.

Trong ngày mồng 7 tháng 7, người ta lại không thấy chim quạ đậu trên cành cây, giả thuyết nói trên lại càng làm cho dân chúng tin thêm nữa.

Miệng thế lại còn nói thêm, mỗi bận gần đến mồng 7 tháng 7, Chức-Nữ sung sướng vui tươi, mong cho mau tới ngày để gặp lại Tình-quân, làm việc gặp bội, nên tơ trời bay khắp nơi.

Có một thi-sĩ vì quá rung cảm mỗi tình của Ngưu-Lang Chức-Nữ, đã làm bài thơ :

... *Thương thay Chức-Nữ Ngưu-Lang.*
Trong đêm gặp gỡ mơ màng khóc nhau
Tục truyền tháng bảy mưa Ngâu
Con trời lấy đứa chăn trâu cúng phỉền,
Một rằng là duyên hai rằng là nợ
Mối xích thằng ai gỡ cho ra
Vụng về cũng thế Cung Nga
Trăm khôn ngàn khéo chẳng qua mục đồng
Hay là sợ ế chồng chẳng tá ?
Hơi đâu mà kén cá chọn canh
Lấy ai ai lấy cũng đành
Rề Trời đâu cả đến anh áo buồm.

x^xx

VII. — LỄ TRUNG NGUYÊN

Lễ này thường cử hành vào ngày rằm tháng bảy âm lịch.

Sách "Mục Liên cứu Mẫu kinh điển âm" chép rằng : ngày xưa, La Bộc, con ông Phó Tường là người rất thông minh và hiếu thảo với cha mẹ. Ông mồ côi cha từ lúc nhỏ, bà mẹ của ông là bà Thanh Đề rất tham lam và gian ác.

La Bộc tuy đã lớn, nhưng vì con một, nên sớm tối, ông vẫn luôn luôn hầu bên cạnh bà và không bao giờ xao lãng công việc.

Cho mãi về sau, vì gia đình túng thiếu quá, ông xin phép mẹ qua mua bán ở tỉnh Kiên-Liên để sanh nhai. Chẳng bao lâu, vì chịu khổ mua bán cần kiệm làm ăn, ông đã trở nên giàu có rồi thu xếp sửa soạn về quê nhà thăm mẹ.

Gom góp một số tiền khá lớn, ông sai người ở đưa về một ít cho mẹ, rồi ông về sau.

Vốn có tánh hay hoang phí, sẵn tiền của con gởi về cho, bà đem phung phí tiêu xài hết, rồi giả vào chùa niệm phật ăn chay, chẳng bao lâu số tiền đã hết sạch, định bụng sắp đặt, hễ con về có hỏi số tiền ấy thì bà sẽ trả lời rằng đã đem cúng vào các chùa đình miếu vũ cả rồi.

Khi về tới nhà, đứa ở là Ích Lợi thưa lại rằng số tiền đã đưa cả cho bà cụ. Nhưng bà con lối xóm lại kể đầu đuôi câu chuyện như vừa nói ở trên.

Nghe rõ câu chuyện tuy là người con có hiếu, La Bộc liền ngã quỵ xuống đất máu ra lai láng khắp mình.

Thấy vậy bà mẹ lo sợ vội vàng cứu chữa, sau đó bảy ngày, bà liền đi sang thế giới bên kia...

Chôn cất mẹ xong, La Bộc thương nhớ khóc lóc ngày đêm, rồi làm nhà bên mộ mẹ trong 3 năm trời mới thôi. Các loài vật như loài chim thấy vậy đến đậu chung quanh La Bộc và mỗi con lại tha ít đất để lên ngôi mộ mẹ ông.

Chẳng mấy chốc ba năm tang đã mãn, La Bộc qua nước Ki-Đô là nơi Phật ở, quý xuống tàu rằng : "Mồ côi cha mẹ, cô độc một mình, cúi xin Đức Phật cho phép tôi ở lại đây tu luyện theo hầu..."

Phật thấy La Bộc hiền hậu, lại có hiếu đễ, nên ưng thuận sai thầy Kha-na cắt tóc ông, đặt tên là Đại Mục Khiên Liên và cho vào tu ở chùa Lã-Bí trong rừng Quit-Son.

Vâng lệnh Đức Phật, Mục Liên thẳng đến chùa Thiên Giai là nơi có âm hồn ở lại trông thấy có cha là Phò-Tướng, mà mẹ không thấy lòng ông lại càng buồn bã thêm.

Nhớ thương mẹ, ông khóc lóc. Đức Phật hiện lại bảo rằng : "Mẹ nhà người xưa kia tuy rằng mộ đạo, nhưng tham lam và điều ngoa, nên đã bị đày xuống địa ngục rồi..."

Tiền thế, Mục-Liên lại xin phép Đức Phật cho xuống địa ngục tìm mẹ. Thoát tiên, ông xuống ngục Hung Giai, ngục Khôi Hà, rồi hết ngục nọ đến ngục kia, chỗ thì quý sứ chém người, chỗ thì mổ xé, chỗ thì bỏ cối xay, chỗ đốt vạc dầu, và trăm ngàn cách hành hạ tội nhân kẻ không hết được.

Tuy đã qua nhiều ngục thất, nhưng ông không tìm ra được mẹ, đoạn ông liền hỏi một chú quỷ.

Thấy người lạ mặt, chú quỷ này liền loan tin cho các chú quỷ khác đến thấy Mục Liên là một Phật tử liền quý xuống hỏi rằng : "Thưa, ông là ai ?"

Mục Liên trả lời :

— Được phép Đức Phật cho xuống đây tìm mẹ tôi tên là Thanh Đề, vợ ông Phò Tướng, quê ở Vương xá Lữ.

Nghe ông nói, quý liền đưa ông đến ngục A Tỳ thì quả nhiên thấy mẹ bị giam tại đó, Mục Liên xin phép quý cho mẹ ra để thăm mẹ. Vì chịu khổ quá mẹ nói với con những điều khổ hạnh than thở, khóc lóc, ù-ê, và nhờ con cứu giúp ra khỏi ngục chùng nào hay chùng ấy.

Vàng lờn, Mục Liên đưa mẹ ra khỏi ngục, thì quý không cho, bảo rằng phải có lệnh Đức Phật mới được, Mục Liên liền vội vàng trở về đương gian cầu xin với Phật.

Đức Phật thấy Mục Liên người con hiếu hạnh, liền chấp thuận ngay và nói rằng :

“ Nhà ngươi cứ an lòng, trở về Vương xá, ta sẽ hóa kiếp cho mẹ ngươi làm con chó đẻ nhà ngươi được gặp...”

Vàng lờn, vừa đến nơi Mục Liên đã thấy con chó cái cứ quẩn quít bên ông để xin lỗi. Ông hiểu ngay đó là mẹ. Ông liền hóa phép cho làm người. Và không nghĩ đem lời lẽ ngọt ngào mà không kém phần hiếu hạnh để khuyên răn mẹ nên thật thà, rủ lòng theo chân lý đạo Phật.

Kể từ đó về sau, hai mẹ con ngày đêm ăn chay niệm Phật rồi tự nhiên đêm rằm tháng bảy, bà mẹ hóa tiên lên trời. Mục Liên thấy vậy vội vàng theo mẹ và cầu xin Đức Phật xá tội cho cả 7 đời họ hàng của ông nữa.

Dựa trên sự tích này, bên Tàu, cứ đến rằm tháng bảy, các chùa đèn miếu vũ đều làm chay chạy đàn, phá ngục cho các tội nhân, gọi là Tết Vũ Lan. Và, ở nước ta cúng bái, gọi là ngày lễ vong nhân xá tội.

VIII. — TẾT TRUNG THU

Sách chép rằng bên Tàu đời vua Duệ Tôn nhà Đường, niên hiệu Văn-Minh đặt ra ngày tết Trung thu. Đêm rằm tháng tám, đêm mà trăng sáng tỏ khắp nền trời vua Duệ Tôn ngự chơi ngoài thành trong đêm thanh gió mát, cảnh vật lại xinh đẹp, mãi cho đến khuya thì bỗng nhiên lại gặp một ông già, đầu tóc trắng như bông gòn, tay cầm gậy đi lại gần đến nhà vua. Lanh trí, vua biết ngay đó là một vị Tiên ông giáng thế.

Sau khi đôi đèn thủ lễ, Tiên ông liền hỏi :

— Nhà vua có muốn lên cung trăng chơi không ?

Vua liền nhận lời ngay. Tiên ông liền đưa cái gậy lên trời hóa phép ra một cái cầu vòng một đầu lại dính trên cung trăng, còn đầu vòng kia lại dính xuống đất. Tiên ông và Đường Minh hoàng trèo lên cầu vòng đi chẳng bao lâu đã đến nơi. Vua thấy phong cảnh đẹp vô song, khác hẳn và riêng biệt một cách lạ thường hơn ở dưới trần, thứ nhất là các tiên nữ đẹp không thể tả được, đẹp còn hơn một bài thơ hay; nhảy múa đó đây tung tăng trong bộ áo cực kỳ lộng lẫy với muôn ngàn màu sắc kim tuyến, thật là vui mắt quá...

Đây là Cung quang nơi ở của các chư tiên. Nhà vua say sưa với bao nhiêu cảnh đẹp mê hồn, nhưng bỗng chốc, Tiên ông lại đưa nhà vua về lầu ngủ.

Khi về đến đây, nhà vua những tiếc nhớ, không bao giờ quên đi được, cái ngày có một không hai trong đời làm vua của Ngài, những giờ phút êm đềm thơ mộng ngập ngất trong khi viếng cung trăng, những kỷ niệm khó phai mờ trong trí của nhà vua được, nên nhà vua liền đặt ra tết Trung Thu.

Vốn có một tâm hồn nghệ sĩ rung cảm trước muôn ngàn cảnh đẹp của trời đất, nhưng sau khi được đi viếng cung quang, chỉ hằng lại làm cho nhà vua say sưa hơn nữa, đem lòng yêu mến tha thiết và luyện tiệc cảnh đẹp.

Nguồn gốc Tết Trung Thu chỉ có thế, cho nên bên Tàu cứ mỗi khi đến rằm tháng tám, dân chúng lại đua nhau làm thứ bánh trái theo hình mặt trăng trên lại có hình con rồng, hay hình hoa quả và những cái lồng đèn, tối lại đem ra chưng bày giữa sân suốt đêm.

Họ lại tưởng tượng cho mặt trăng là vợ của mặt trời, mà cho ngày Tết Trung Thu có ảnh hưởng rất nhiều với chị em phụ nữ. Đêm rằm tháng 8 là đêm trăng tròn xinh đẹp có nghĩa là đêm nên vợ nên chồng, đem đây hoa mộng của mỗi tình nồng nàn tha thiết yêu nhau.

Các văn hào thi bá, các tiểu thuyết gia... thường ca ngợi đêm rằm tháng 8 trăng tròn đẹp, để nói lên những mối tình đượm đà của trai thanh gái lịch.

Muốn tận hưởng thú đêm trăng rằm tháng 8, thiên hạ đua nhau rước đèn kéo quân, múa lân khắp nơi mọi chỗ để đánh giá trị cái đêm đẹp vô song, mà một năm chỉ có mỗi lần thôi vậy.

Có nhiều giả thuyết nói về ngày rằm tháng tám, nhưng chúng ta có thể nói ra đây câu chuyện sau này để cống hiến bạn đọc bốn phương, nhất là các bạn ngoại quốc được hiểu rõ thêm văn hóa Đông phương; về đời Đường bên Tàu có một bà lão tuổi đã cao mà không có con cái, họ hàng lại ở xa vắng. Trong một khu rừng hẻo lánh, bà sống cuộc đời tẻ lạnh, quanh năm chỉ tháng lấy nghề may vá áo quần đem về chợ tỉnh bán để nuôi thân già.

Một hôm, bà ta đến tận làng họ, nhận lãnh áo quần đem về để may khi trở về, trời lại tối, thấy trong các nhà cửa làng mạc dân chúng thì nhau thấp đèn sáng rực với cỗ bàn bánh trái ăn uống vui vẻ tới khuya. Lấy làm ngạc nhiên, bà ta hỏi một người trong làng, thì mọi người trả lời rằng đó là tục lệ của nhà vua đặt ra để thưởng vàng trăng đẹp đêm rằm tháng 8.

Bà lão liền nghĩ rằng mặc dầu tuổi đã cao, gặp ngày lễ trăng rằm, ta nên đi mua bánh trái hoa quả và thấp đèn lên để thưởng trăng, cho bỏ đời già.

Lúc trở về nhà, ngang qua một khu rừng vắng, bà lại gặp một con sư tử sống ở đây lâu năm đã thành yêu tinh, hằng năm ăn thịt không biết bao nhiêu người rồi. Tiếng ghê sợ của con yêu tinh này đã đến tai vua và dân chúng tìm đủ cách giết nó mà không được.

Sư tử thấy người lần bước vào rừng trong đêm vắng trăng sáng, liền xông ra bắt để ăn thịt.

Lão bà thấy vậy liền lo sợ tiếc công mua sắm lễ vật chơi rằm mà chưa ăn được, nên bà vội vàng quỳ xuống khóc lóc, van xin rằng: cho bà về nhà bày lễ ra trông trắng đẹp xong rồi sẽ đến hiến thân cho sư tử.

Đường như hiểu thấu tâm hồn người vô tội, đau khổ vì cuộc đời lẻ loi, sư tử liền quay đi nơi khác để cho bà lão về tới nhà yên lành vô sự.

Khi ăn uống xong, vầng trăng đã mờ dần trong mây trắng, bà lão nhớ lại đến giờ tận số, liền khóc thảm thiết, tiếng kêu lên làm động lòng loài vật và đồ đạc trong nhà của bà, thì đột nhiên có một con rít dưới gầm giường bò lên như ra hiệu nói với bà đừng có sợ, để rít lo cứu cho bà khỏi chết, cái cối xay bên góc nhà cũng tự nhiên lại quay tít...

Thấy những sự lạ lùng đang diễn tại trong nhà, bà lấy làm lo sợ, nhưng tưởng có thần thánh ra hiệu phù hộ cho bà thoát khỏi chết vì sư tử, nên bà mới yên tâm, lại lên giường nằm ngủ đến sáng.

Sau đó chốc lát, đúng lời hẹn sư tử lần mò nhẹ nhàng đến giường của bà lão nằm định đưa hai chân trước lên choàng thân hình của bà lão đem ra ăn thịt thì con rít bò tới đốt vào đuôi con ác thú. Sư tử đau buốt quá, lật mình ngã lẳng xuống đất, chẳng may chạm phải cái cối xay để gần đó bị vỡ đầu chết tươi.

Thấy con ác thú định giết bà đã chết rồi, ba mừng rỡ quá, vội vàng đi báo cáo cho dân chúng biết, dân chúng đua nhau đến xem, đèn đuốc sáng trưng, trông coi sư tử, rồi họ đem vào nạp vua để lấy thưởng.

Nghe rõ con ác thú đã từng giết hại lương dân, mà chưa trông thấy bao nên sau khi được thấy liền hạ lệnh cho dân đem theo, girom trường giáo mác, chấp đèn đuốc, khiêng sư tử đi khắp châu thành phố cho dân gian và quan quân trông coi.

Vì lễ đó, nên đến ngày rằm tháng tám, bên Tàu lại có tục rước sư tử giả để nhớ lại ngày bắt được sư tử, cho nên nước ta bắt chước theo phong hóa lễ lạc của người Tàu cứ đến rằm tháng tám lại thì nhau mua bánh trái trà mứt đem về cúng rồi ăn uống xem trăng lên, và lại hay múa sư tử, múa lân và đốt đèn khắp nhà.

Người lớn hát trống, quân, bên trai và bên gái hát lên những câu tình tứ ghẹo mãi đến sáng, một đêm để đượm tình duyên ái cùng như vua Đường Minh đã gặp các tiên nữ trên cung trăng.

Tết Trung Thu bây giờ ở nước ta có nghĩa là tết của nhi đồng.

IX.— LỄ TRÙNG CỬU

Dứt lễ Trung Thu rồi mới nhảy qua lễ Trùng Cửu vào ngày mùng 9 tháng 9. Người ta tự hỏi, tạo hóa cũng khéo xoay vần, các lễ lạc đều tuần tự diễn ra trong những ngày lễ hàng năm như tết Nguyên-Đán vào ngày mùng 1 tháng giêng, lễ Hàn Thực vào ngày mùng 3 tháng 3, lễ Thất Tịch vào mùng 7 tháng 7 và lễ Trùng Cửu đúng vào ngày mùng 9 tháng 9...

Vì chưng có câu: "Trùng cửu đáng cao" để nói lên sự luyện tiết không còn bao nhiêu ngày giờ nữa, mùa thu đẹp, con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô... sẽ tàn mất để mùa đông đến.

Tháng 9 là tháng cuối cùng của mùa thu, nên các văn hào thi bá, mặc khách tao nhân bốn phương, để mến tiếc mùa thu, cùng nhau lên non cao đồi rộng nhìn bầu trời trong đẹp, lá vàng rụng mà trong 1 năm chỉ có 3 tháng ngắn ngủi quá, rồi nhường cho mùa đông lạnh lẽo đến.

Bầu rượu, ngồi bên tảng đá, cùng nhau năm ba thi hữu, chén này hết đến chén kia để ca ngợi mùa thu, làm thơ xướng họa để thưởng cảnh thu đẹp với thu phong.

Tạo vật cỏ cây đều tươi đẹp, khoe màu trong những ngày cuối thu mà các văn nhân nghệ sĩ đã từng ca ngợi và mến tiếc mùa thu chóng tàn.

Sử chép, rằng bên Tàu, đến ngày mùng 9 tháng 9, ngày lễ Trùng cửu, cũng như lễ Thanh Minh, thiên hạ nô nức vui chơi, kẻ lên núi cao, lội suối, người chơi bãi bể. Người lại thi nhau thả diều giấy lên cao vút. Các công nương mỹ nữ, trong xiêm y lộng lẫy đi hái lá dâu, thì ngày lễ Trùng cửu là một ngày lễ đầy gió lạnh và sương mù.

Các triều thần, các đại phú hào, các quan liêu phong kiến của chế độ xưa thường ăn lễ Trùng cửu, còn hàng dân giả không bao giờ có nghĩ tới ngày mùng 9 tháng 9 là ngày gì.

Người ta lại nêu lên những giả thuyết nói về ngày mùng 9 tháng 9, ngày lễ Trùng cửu thì nên hái bông hoa quả đem về trưng bày thờ để tránh những tai biến bất thường có thể xảy ra trong mình...

Các bậc văn nhân trong ngày này, thường thưởng thi nhau tía cây, chiết hoa, đốt đèn lên, rồi uống rượu ngâm thơ, rượu cúc một vài chung, để nói lên những vần thơ hay những vẻ đẹp của mùa thu...

X.— LỄ SONG THẬP

Lễ Song thập là ngày lễ gần cuối năm, theo tục lệ của nhà Phật, đó là hạ

nguyên. Lại nữa, theo một giả thuyết không được vững chắc, ngày mồng 10 tháng 10, trên Thiên đình Ngọc hoàng thượng đế sai Sứ thần Tam-Thanh xuống kinh lý trần gian để tổng kết những điều lành dữ trong một năm qua, dâng lập hồ sơ biên bản tâu lên Ngọc-Hoàng minh xét.

Vì thế, nên dân chúng mới lập bàn thờ hương án, để rước điều lành tránh điều dữ trong dịp thăm viếng của Sứ thần Tam Thanh.

Lễ bực lòng thành, dân gian thường luôn luôn cứ mỗi ngày mồng 10 tháng 10, là nấu cơm canh trước là cúng ông bà cha mẹ qua đời và cầu xin Trời Phật phù hộ cho tai qua nạn khỏi, mạnh giỏi.

XI.— LỄ TÁO QUÂN

Lễ đưa Táo quân thường đúng vào ngày 23 tháng chạp, cò bay ngựa chạy từ đồng ruộng đến thị thành, khắp nơi mọi chỗ trong nước ta, một ngày, một giờ, một lúc, dân chúng đều làm lễ đưa Táo quân.

Tục truyền lại rằng, ngày xưa, ở nước ta có hai vợ chồng nhà nọ, chồng tên là Trọng Cao, vợ là Thị Nhi. Đôi vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không con cái, nên tình yêu đương ngày càng thêm tế lạnh, thường cãi cọ nhau luôn mỗi ngày. Trong một cuộc cãi vã, mặt mắt ngon giận mất khôn, vợ chồng đấm đá nhau. Người vợ thấy chồng đánh đập mình tàn nhẫn quá, thừa lúc chồng đi vắng, bỏ nhà ra đi không ngày trở lại nữa.

Chị này đi đến ngã ba đường cái, cảm thấy trong mình mệt mỏi, liền ngồi xuống nghỉ chân một chỗ. Trong trí đang còn nghĩ vẩn vơ, buồn bã, bỗng nhiên có một người con trai đẹp để đi ngang qua, thấy đường vắng lại có người đàn bà đẹp ngồi. Gã thanh niên này tên là Phạm Lang, khi thấy người đàn bà đẹp liền chông ghẹo. Trước chị còn không chịu, sau vì nghe những lời đường mật của Phạm Lang, êm tai, liền ưng thuận. Thế là chàng Phạm Lang ghẹo được chị Thị Nhi về ăn ở với mình làm vợ chồng.

Khi Trọng Cao trở về thì người vợ lại đi mất, vội vàng đi lùng tìm kiếm để xin lỗi vợ dặng về đoàn tụ, sống chung cùng nhau, nhưng tìm mãi vẫn không thấy vợ ở đâu cả mà xin lỗi. Thế rồi, ngày này qua ngày khác, anh ta bỏ cả công ăn việc làm, đi tìm vợ khắp mọi nơi.

Tìm mãi chẳng thấy vợ mà tiền trong túi để tiêu xài lại gần hết, anh phải đi ăn mày cho qua ngày tháng, trong trí mong có ngày sẽ gặp được vợ, thì may sao anh đến ăn xin một nhà nọ. Vì đi nhiều ngày đường sá xa xôi, mệt nhọc quá, bụng đói; sức yếu ngã gục xuống thềm nhà của Phạm Lang mà anh vẫn không biết đó là nhà của người vợ trước của mình, nay ăn

ở với Phạm Lang. Trong lúc Phạm Lang đi vắng chỉ có người vợ của anh ta còn ở nhờ mà thôi, tức là Thị Nhi. Khi người ăn mày ngã ở của thềm nhà mình, vội vã chạy ra xem, thì nàng nhận là người chồng cũ của mình, nàng lấy làm hối hận và thương tiếc nhiều lắm, bèn vục vào nhà, nấu cơm thết đãi tử tế.

Nhưng nàng bỗng dột mình, sự nhớ lại Phạm Lang, người chồng mới nếu bắt được thì lời thối lắm, nàng bèn bảo người chồng cũ ra ngoài đóng rom mà nằm ngủ, cứ an tâm tạm trú độ một vài hôm để chị ta có đủ thì giờ thu xếp hành lý, tìm cách trở về cùng nhau sống lại cuộc đời êm đẹp.

Rủi thay, khi Trọng Cao đã tìm ra được vợ, lại là ngày tận số của chàng, vì đêm hôm ấy, sau khi Phạm Lang làm ngoài đồng về, sự nhớ đến ngày mai không có tro bỏ ruộng, liền ra đồng châm lửa đốt đồng rom cho cháy để ngày mai dặng lấy tro, thì vào giữa lúc ấy Trọng Cao đang ngon giấc, mà chị vợ cũng đang ngủ ngon ở nhà.

Khi được biết Phạm Lang đốt cháy đồng rom, nàng vội vàng chạy ra để cứu Trọng Cao nhưng muộn rồi, lửa bốc cháy to quá, Trọng Cao đã thành người thiên cò.

Thị Nhi thương tiếc Trọng Cao, quyết xông vào để cứu người bạc số. Vì lửa nóng quá, không kịp chạy ra khỏi được, nên cũng bị ngọn lửa liếm cháy nàng luôn.

Phạm Lang đứng ngoài trông thấy vợ xông vào đồng lửa mà không thấy ra liền nhảy vào tìm, thì ngọn lửa cũng thiêu cháy luôn. Người ở Phạm Lang thấy chủ bị ngọn lửa thiêu hủy, liền chạy vô cứu, cũng bị chết cháy nốt.

Như thế ngọn lửa vô tình giết chết mất bốn mạng người trong một lần.

Sáng mai thiên hạ hay tin ấy cho là một điều quái lạ, và tin rằng những người ấy chết sau này linh thiêng lắm. Bởi vậy, từ đó về sau dân chúng làm bếp ghép bằng ba hòn đá đều nhau bắt ba góc và một hòn để ở giữa để kỷ niệm ngày chết của Trọng-Cao, Phạm-Lang, Thị-Nhi và dứa dầy tó. Dân chúng lại đặt tên cho Phạm-Lang là Thổ-Công trông nom việc trong bếp, Trọng-Cao là Thổ-Địa trông nom việc trong nhà, và Thị-Nhi là Thổ Kỳ trông nom việc chợ búa cho đàn bà, hoặc việc sanh sản, màu vật ở vườn đất v.v...

Thổ Công thường gọi là thần Trương Đản hay Tứ quách

Cứ đến cuối năm, vào ngày 23 tháng chạp thì lại lên trời châu Ngọc Hoàng để tâu những công việc hàng năm của mỗi gia đình mà thần đã có bòn phận trông nom suốt năm qua.

Trong ngày 23 tháng chạp, người ta thấy dân chúng làm lễ, mua sắm lễ vật như nón, mũ, áo, vàng bạc giấy, nhang đèn giấy tiền...

Thời gian về châu Ngọc Hoàng, Thổ công phải ở lại để nhận lãnh sự vụ lệnh mới, rồi trở về xó bếp mà tiếp tục công vụ là 6 ngày, ngày 30 tháng chạp là ngày ông bắt tay vào việc.

Ngày 30 tháng chạp thiên hạ lại còn làm cỗ để ăn mừng, ta gọi là cỗ tất niên.

Bên tàu, lễ 23 tháng chạp có từ đời thượng cổ, nhưng họ cũng gom chung tất cả các vị Thần Thánh về chung hưởng một lễ, chứ không như bên ta. Vì họ cho trong ngày 23 tháng chạp, tất cả các vị Thần Thánh mà Ngọc Hoàng Thượng Đế bỏ đi nhậm chức khắp nơi trong thế gian cùng nhau về một lượt để châu Ngọc Hoàng, nên họ gọi 23 tháng chạp là ngày tết Bách thần triều Thiên.

NGÀY XUÂN MỪNG BẠN

Ngày xuân, có một vị hàn nho rất buồn lòng vì có bạn nhà giàu mời đến dự tiệc vui mừng. Biết bao thân bằng cố hữu đến, kẻ mừng tiền, người tặng vật. Minh chả lẽ đi không, mà không đi thì không tiện, thôi đành

*Giàu có thiếu gì tiền, đi một vài quan coi chẳng tiện ;
Sang không thì cũng bạc, kiếm dăm ba chữ để làm duyên.*

Ông liền lấy một tờ giấy đỏ, mài mực viết đôi câu đối :

*Có tôi có hơn, hơn tôi có ;
Không đi không phải, phải đi không.*

Rồi ông sang mừng bạn. Hiểu lòng nhau, người bạn giàu cả cười hớn hở coi vài chữ bạn mừng quý hơn cả bạc vàng, và đã ân cần niềm nở tiếp đãi người bạn tri-giao.

H. VĂN THUẬT



LỄ TÔNG-CỤU NGHÊNH-TÂN



HOA THỦY-TIÊN

TRƯỚC THÈM MẬU-TUẤT

PHAN-QUÂN

QUẢ đất vẫn xoay, ngày tháng trôi chảy, năm này hết, năm khác đến. Phần nhiều các dân-tộc cho đó là lẽ thường, thế mà đối với người Á-đông, nhất là người Việt-nam, thì mỗi lần thay cũ đổi mới, tống cựu nghênh tân, là một lần trong lòng con người cảm thấy rạo rức vì ước mong, vì hy vọng.

Xu cát, tị hung, cầu thành, trừ bại, là cái tâm-lý chung của toàn-thê dân-tộc trong mỗi dịp Tết đến, Xuân về. Và trong tình-thế của một giai-đoạn mới dựng cờ độc-lập, đương dẫn thân vào công cuộc kiến-thiết quốc-gia, cái lòng kỳ vọng ấy lại càng nồng-nhiệt biết chừng nào!

Năm Đinh-Dậu đã qua với sự an-ninh trong toàn cõi, những cố-gắng, tiến triển của toàn dân ở mọi ngành hoạt-động.

Trên cái đà vươn mình lên ấy, năm Mậu-Tuất ắt được trông thấy những tiến tới quan trọng hơn.

Hai lần Mậu-Tuất gần như vừa qua, năm 1838 và năm 1898 đã là hai năm tốt đẹp cho Việt-nam. Lần trước (1838), sự ngoại-giao với Âu Tây bắt đầu với một sứ-bộ sang tận Ba-lê; lần sau (1898), công cuộc kiến-thiết theo lối mới khởi thủy: đường xe lửa thiết-lập, công-nghệ mở mang.

Mậu-Tuất xưa đã "tốt", Mậu-Tuất nay ắt "lành".

Nói về phương-diện Văn-hóa, chúng ta mừng thấy trong năm Đinh-Dậu vừa qua, mọi bộ-môn đều tiến-triển khá-quan, đối với một nước mà cảnh suy đồi do bao năm chiến-tranh loạn lạc chưa tiêu tan hẳn vết tích.

Hội-họa, mỹ-thuật sản-xuất nhiều tác-phẩm giá trị trình-bày trong những cuộc triển-lãm lớn lao được công chúng người Việt cũng như người ngoại-quốc hoan-nginh; nhiều hãng phim ảnh do người Việt-nam chủ-trương ra đời, hoạt-động; những cuộc thi văn-chương được tổ-chức; trong những hội-nghị văn-hóa quốc-tế, Việt-nam chiếm được chỗ ngồi danh-giá. Và nhất là hạng thanh, thiếu-niên nam, nữ, tỏ ra vẫn giữ y nguyên một dân-tộc-tính đặc biệt của Việt-nam: rất hiếu học. Ở thành-thị cũng như thôn quê, đã xây cất thêm nhiều trường học công, tư, mà đầu đầu cũng chật ních học trò. Hai trường Đại-học đồng thời thiết lập thêm để đủ cho nhu-cầu của thanh-niên mong tiếp tục việc học ở các ngành chuyên-môn cao cấp.

Năm Mậu-Tuất này, ngân-sách về Giáo-dục được tăng-gia, Việt-nam sẽ tiến được nhiều bước dài hơn nữa trên ngành ấy.

Cũng về văn-hóa, năm Đinh-Dậu đã ghi một điểm quan trọng mà chúng ta không thể không nhắc đến. Ấy là công cuộc phục-hưng văn-hóa Á-đông mà Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã đề xướng và đem thương thảo với nhiều vị Quốc-Trưởng trong những cuộc viếng thăm các nước ấy.

Ai cũng biết rằng thế-giới ngày nay đang lâm vào một cơn khủng-hoảng trầm-trọng, ấy chỉ vì đã mất thế quân-bình trong văn-hóa: quá chuộng khoa-học và xao-lãng đạo-học, trọng vật-chất mà không quý tinh-thần. Vì đó, cố-nhiên, nhân-loại phải đi đến tình-trạng mà chính người Âu-châu xưa kia đã nói trong câu cách-ngôn: « Khoa-học mà không có lương tâm chỉ làm bại hoại tâm hồn ». (*Science sans conscience, n'est que rtenne de l'âme*). Không có lối nào thoát khỏi cơn khủng-hoảng này ngoài việc nâng cao đạo-học để tâm sáng tỏ lương-tâm, đem đạo-đức mà điều hòa văn-hóa quá thiên về khoa-học của ngày nay. Văn-hóa Á-đông là một nền văn-hóa trọng đạo học sẽ đóng được vai tuồng quan-hệ trong công cuộc ấy.

Muốn thế, người Á-đông và riêng Việt-nam ta trước hết phải phục-hưng nền văn-hóa cổ-truyền mà trong mấy mươi năm nay vì hoa mắt bởi những hào-nháng của văn-minh mới, chúng ta đã để nó lu mờ, hao hụt đi. Phục hưng nó được, chúng ta mới đem giúp các dân-tộc khác để gây lại sự quân-bình trong văn-hóa thế giới.

Sự đề xướng của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa có một ý nghĩa cao-rộng. Năm Đinh-Dậu chúng ta mới đem ý-kiến ấy ra bàn luận, năm Mậu-Tuất này chúng ta phải nghĩ đến việc thực hành. Đây là một công trình trọng đại kết quả không chỉ có liên quan đến vận mạng nước nhà, mà còn quan hệ đến văn-minh, đến hòa-bình thế-giới nữa. Rồi đây, dân-tộc Việt-Nam có làm tròn được nhiệm-vụ không?

o°o

Trong khung-cảnh đầm-ấm của ngày Xuân Mậu-Tuất, ngửi mùi hương trầm ngào ngạt, người Việt-Nam đều cảm thấy rào-rạt trong tâm hồn bởi một cái gì huyền bí mãnh liệt mà đượm vẻ thiên-liêng. Ấy là tiếng gọi muôn thuở của giống nòi, nhắc-nhở con cháu: « Tiến lên! Hãy giữ cái tinh-túy của tổ-tiên, đất nước! »

Tiến lên, giữ cái tinh-túy của tổ-tiên, đất nước. Bằng cách nào hơn bằng Văn-hóa, và bằng văn-hóa đạo học cổ truyền của dân-tộc thấm-nhuần thấu đáo để điều hòa với văn-hóa khoa-học của Âu-Tây. Có nhiệt tâm theo đuổi con đường ấy thì chúng ta mới gây lại được thế quân-bình trong cuộc sinh-hoạt và giúp thế-giới gây lại được thế quân-bình ấy để vượt qua khỏi những khó-khăn hiện tại và kiến tạo hòa-bình chung.

Ấy là điều chúng ta phải quyết chí thực hành trong năm Mậu Tuất.

CHƠI HOA ĐÀ ĐỀ MẤY NGƯỜI BIẾT HOA...

DUY-VIỆT

T

RONG truyện Kiều của Nguyễn-Du tiên sinh đã có câu:

Dưới trần mấy mặt làng chơi

Chơi hoa đã đề mấy người biết hoa...

cố nhiên hoa đây là nghĩa bóng của hoa. Hoa đây chỉ người đàn bà đẹp, một giai-nhân nghiêng nước nghiêng thành... Nhưng, nếu ta muốn, thì ta cứ hiểu danh-từ hoa là những bông hoa tươi thắm, đủ màu rực rỡ, đầy hương thơm ngào ngạt mà ta thấy ở rừng, ở đồng nội, ở trong vườn mà nhất là những bông hoa ta thường thức trong dịp Tết Nguyên-đán, lúc đầu xuân.

Ta chơi hoa lúc tân xuân để ta tận hưởng cảnh vui tươi của tạo-hóa, khi mà vạn vật gặp tiết trời ấm áp, trút bỏ hình thù thô than để đượm vẻ xanh tươi, cây cối, đâm trời nảy lộc, muôn hoa đua nở.

Trong thú thường xuân, chơi hoa có lẽ là tao nhã hơn hết. Cổ nhân đã nhận-định thú chơi hoa đề thường xuân:

Đào hoa khai nhất đoá

Thiên hạ cộng tri xuân,

(Một đoá hoa đào nở. Ai ai đều biết là chúa xuân đã tới.)

Ở miền Nam nước Việt, đến Tết nhờ có nhiều thồ ngời ở trên Cao nguyên và dưới đồng bằng nên có thể sản xuất được mấy giống hoa đẹp.

Xuân Giáp-Ngọ tôi đã nói về những loại hoa đặc biệt ở Bắc cũng như ở Nam như hoa thủy tiên, hoa mai vàng. Xuân này xin luận về mấy thứ hoa mà ta có thể chơi dịp Tết nguyên-đán ở miền Nam nhiều tươi sáng.

HOA ĐÀO ĐỎ

Đà-lạt, vùng cao nguyên và các tỉnh miền Trung phần như Quảng-tri, Huế thì hậu mát mẻ cho nên cây đào cũng mọc được. Tết đến mà cảm một cảnh đào hoa nở tung lãn với nụ chim hàm tiếu thì thật là thi vị... Tết Việt-Nam. Cây đào thuộc họ cây hường, loại cánh xếp. Có nhiều thứ đào: đào ăn trái thì hoa đỏ nhạt, đào Tàu hoa kép và đỏ thắm, đào thất thốn cây thấp và cánh nâu, hoa đỏ thắm. Hoa đào thật là biểu hiệu của cảnh Tết Á-đông, khiến ta ngắm cành đào, nghe tiếng pháo đêm trừ tịch phải tránh lòng nhớ đến cảnh;

Xưa kia cửa đông then cài
 Ở trong nhường có bóng người mặt hoa.
 Mặt hoa sánh với đào hoa,
 Chủ nhân, hồng sắc lộ là kém tươi.
 Bấy nay chẳng thấy bóng người,
 Hoa đào khi trước còn cười gió đông.

oOo

HOA HỒNG

Trong loại các hoa trồng làm cảnh, có lẽ hoa hồng được nhiều người ưa nhất, vì cây hoa hồng tương đối cũng dễ trồng, hoa hồng có thể nở quanh năm và hoa đã đẹp lại có hương thơm. Trồng ngoài vườn dưới nắng hay cắt đem cắm lọ để trong nhà, bóng hồng trông đều đẹp và có vẻ tao nhã.

Hiện nay trên thế giới có tới 200 giống hoa hồng, mỗi thứ có một tên rất kêu, rất đẹp do người trồng đã gây nên giống đặt ra. Nhưng hết thảy giống hồng thuộc hai loại: Loại hoa hồng thấp (lùn) và loại hoa hồng leo. Trong hai loại ấy có thứ mọc rời, có thứ hoa mọc chụm lại thành chùm. Tại Việt-Nam các nhà làm vườn và chơi cảnh thường trồng thứ hồng: *Hồng Nam*, thấp hay cao, bông lớn cánh to thơm, nhiều màu, đỏ thắm, đỏ nhạt, trắng điểm hồng, vàng; loại hồng này thường ra hoa về mùa đông, xuân và hoa rất bền.

Hồng Nhut, có thứ thấp có thứ cao, bông mỏng hơn bông hồng Nam, cánh nhỏ, thơm, màu thông thường là màu hồng nhạt hay trắng. Thứ này ra rất nhiều hoa, về tháng 5, 6 Dương lịch, có loại ra hoa quanh năm. Trồng ngoài vườn thì đẹp nhưng cắt để cắm lọ trong nhà không được bền. *Hồng bạch*, thấp bông nhỏ, cánh trắng và thơm. Cắm lọ không bền. *Hồng quế*, thấp, bông nhỏ, cánh nhỏ, đỏ tươi, rất thơm, ra hoa quanh năm, rất dễ trồng và bền; làm thành bó hay cắm lọ rất bền. *Hồng vàng*, giống hồng quế, nhưng hoa màu vàng; giống nay khó trồng.

Các loại hồng thường có gai, tuy nhiên có một vài giống không gai.

Tết đến cắm mấy bông hồng đỏ thắm bên cạnh đèn mai vàng không phải là không đẹp và khiến ta nhớ đến bài của Tu Trai vịnh hoa hồng:

*Hỏi ai đẹp sánh đoá hoa hồng.
 Hàm tiêu trêu người sừng mắt trông.
 Hương sắc vẹn toàn nơi thượng uyển,
 Báu thân đành phải có gai chông.*

HOA CÚC

Cây cúc thuộc về loại hoa cánh xếp "com-pô-dê", tên khoa học là *chrysan-*

themum indicum. Trên thế giới, ngày nay có hàng trăm thứ cúc do các nhà chơi cúc gây ra. Tại Việt-Nam cũng có nhiều giống cúc, thứ thì của ta có từ lâu như Cúc ướp-trà, cúc mốc hoa nhỏ và thơm, có thứ thì nhập cảng từ Trung-Hoa, Nhật Bản và Pháp, nay đã chịu thủy thổ rồi. Những cúc ấy có thứ hoa to, hoa nhỏ, hoa trắng, hoa vàng, hoa đỏ, hoa tím. Hoa cúc mà ta thường chơi về dịp Tết là giống cúc bông to gọi là cúc đại đoá. Cúc ấy ra hoa từ mùa thu nở đến Tết. Có nhiều thứ cúc đại đoá; Giống cúc ai cũng ưa chơi thì có bông to, màu vàng hoặc trắng, cánh nhỏ và mỏng, uốn chuyên, nhà chơi hoa đặt tên Nguyệt-hạ-cúc, Lập-biên-cúc, Tây-thi-cúc, Bồi-cúc. Hai loại cúc đặc biệt bông lớn quý và đẹp nhất là cúc hoa vàng gọi là Hoàng mao và hoa trắng gọi là Bạch mao. Cúc trồng bằng ngọn hay nhánh nhỏ ở gốc đâm ra và có thể trồng bằng hạt. Trồng cúc nên lấy bùn hồ ao phơi khô cho ải rồi trộn với phân mục và khô dầu để bón, hoa sẽ to và đẹp. Từ lúc trồng đến lúc có hoa là bốn tháng. Muốn cho hoa cúc mau nở và hoa to thì bón bằng phân hóa học phức tạp hay nước làm lông heo. Cúc trồng chậu bày trong phòng khách, hai bên lối đi, ngoài sân, trước cửa nhà nom rất ngoạn mục và biểu lộ được vẻ đầm ấm, cố kết của gia đình.

Nói đến cúc to liền tưởng đến ý nghĩ cao siêu của các cụ tiền bối tính ưa ăn đặt nên thích chơi hoa cúc. Khi xưa cụ Trương Hán Siêu đời Trần làm về tướng, lúc về hưu đã dựng nhà trên núi Non Nước thuộc tỉnh Ninh-bình, trồng vườn cúc rồi sớm chiều vui thú với hoa.

Chơi hoa cúc ta thấy cành lá và hoa lúc nào cũng dính liền nhau; cánh hoa cúc có đặc sắc là không bao giờ rụng khỏi dò hoa, xum họp khi tươi thắm cùng héo úa lúc tàn mưa. Chính vì đặc tính ấy mà các cụ nhỏ ta khi xưa đã ưa chơi cúc, vì cúc tượng trưng cho chí khí tuổi già, biểu lộ được lòng trung chính bất diệt đến chết không thôi của các cụ đối với bề trên, với nước, với đạo Nho.

Đến Tết Nguyên-đán, ngắm bông cúc vàng rung rinh trước gió, ta nhớ đến câu Kiều:

*Sen tàn cúc lại nở hoa,
 Sầu dài, ngày ngắn, đông đã sang Xuân.*

Hoặc bài thơ của sư Huyền Quang vịnh cúc hoa:

Vong thân vong thế dĩ vô vong
 Tọa cửu tiêu nhiên nhất pháp lương
 Tuế văn sơn trung vô lịch nhật,
 Cúc hoa khai xứ tức trùng dương.

(Dịch nôm của Ông Đình Văn Cháp).

*Thân thể nào hay có với không,
Một giường lạnh ngắt kẻ ngồi trông.
Giữa non năm cuối quên ngày tháng,
Mách tiết trùng dương cúc nở bóng.*

Đây nữa là một bài vịnh hoa cúc của Vô danh

Thu tông nhiên xá tự Đào gia
Biển sát ly biên nhất tiệm tà
Bất thị hoa trung thiên ái cúc
Thử hoa khai hậu cánh vô hoa

(Tam dịch (N.D.H.))

*Bụi thu vẩy bọc tựa Đào gia (I)
Lưng dậu hoe hoe dựa bóng tà.
Chẳng phải trăm hoa riêng mến cúc,
Những vì sau cúc chẳng còn hoa.*

(I) Đào gia : Nhà ông Đào-Uiên-Minh người tính thích cúc.

THỎ LAN VÀ PHONG LAN

Có hai loại hoa lan mà ít lâu nay ta hay chơi, ấy là *lan đất* hay *thỏ lan* và *lan khô-mộc* hay *phong lan*.

Lan đất cũng như phong lan thuộc cùng một họ lan óc-kít-dê (orchidées). Lan đất trồng bằng nhánh và ở đất. Có nhiều giống khác nhau do lá, do hoa, nhiều tên mỹ tự : *Hắc lan* (hoa có đốm chấm đen) *Tổ tâm*, *Nhất đềm* (cánh hoa có một chấm), *Loạn đềm* (có nhiều chấm). *Hạc đỉnh*, *Tử lan* (hoa tím) v.v..

Phong lan trồng trên cành cây, không trồng ở đất vì thế nên gọi là *khô mộc*. Phong lan sống gửi ở các cành cây tươi hay khô. Phong lan mọc ở các rừng núi Cao nguyên như Dalat, Blao, Ban-mê Thuột, Pleiku, Quảng-trị v.v.. Có nhiều giống Phong-lan mà người ta lấy ở rừng về rồi đặt những tên rất hay, nào là Thủy-tiên, Bích-kiều dưới cáo, Tai trâu v.v...

Hiện nay, từ khi cao-trào chơi phong-lan được phát-huy sau nhiều cuộc trưng bày những đóa hoa phong-lan tuyệt mỹ, nên có lẽ không mấy nhà là không có một cành lan treo lơ lửng dưới mái hiên hay gài trên tường ở phòng khách, gây nên một cảnh thơ mộng, như bài thơ vịnh bông phong-lan của thi-sĩ :

*Núi rừng ẩn dật cảnh thanh u.
Hương gió đầu cây tốt mật mù.
Biết chẳng mặc ai, hoa cứ nở,
Mùi hương vương giả tiếng nghìn thu.*

HOA THUỘC DƯỢC

Cây thuộc dược thuộc loại cánh xếp, sống lâu năm, có rễ to gọi là củ. Lá xanh nhợt, có khía rộng và răng cưa. Cây trồng bằng hạt hay cắm cành. Hiện nay có hơn 30 loại hoa thuộc dược do hay giống sinh ra : Một giống gọi là *DAHLIA VARIABILIS* có hoa lớn, kép nghĩa là nhiều hàng cánh trồng lên nhau ; một giống gọi là *DAHLIA COCCINEA*, rễ nhỏ và hoa nhỏ, cánh đơn. Giống hoa kép đẹp hơn hoa đơn. Người ta đã gây ra nhiều giống thuộc-dược, có giống hoa trắng, có giống hoa vàng, đỏ tươi, đỏ nhạt, xanh, tím v.v... Có giống cao, có giống lùn. Hoa thuộc dược khá bền và trồng chậu hay cắt cành cắm lọ độc bình cũng đẹp. Xưa kia ở Á-Đông người ta gọi thuộc dược là 'khả ly hoa' hay (tiền đưa) cho là tiêu biểu tình yêu sự nhớ nhung cho nên mỗi khi tiễn nhau đi xa, bạn hữu thường tặng nhau một cành thuộc dược. Ta hãy đọc hai bài thơ đây của T.T.T. vịnh hoa thuộc dược :

— I —

*Cách xuân ngày tháng chẳng bao lâu,
Thuộc dược mừng xuân nở đủ màu.
Sánh với lan, mai là bạn hữu,
Tình xuân đượm thắm bẻ đưa nhau.*

— II —

*Hoa Thuộc dược ba mươi một giống,
Tiếng xưa đồn gốc ở Quảng lăng.
Vườn xuân hoa nở dăng dăng,
Tím, vàng, đỏ, trắng lại xen lăm màu.
Đơm nhiều cạnh tròn an như đĩa,
Điềm nhị vàng nửa nửa vương tơ.
Gió đưa ong bướm vẫn vô,
Lá rung hoa múa hững hồ trước sân.
Khiến cho khách du xuân ngoạn thưởng,
Năm cánh hoa tưởng tượng thiên công.
Khen cho đằm chuyết lạ lùng,
Chẳng khuôn mà rập mười bóng giống mười.
Hoa tươi khách cũng thêm tươi...*

HOA TÚ CẦU

Có lẽ ít người biết hoa tú cầu chỉ mọc ở nơi cao, khí hậu mát mẻ như trên vùng Cao Nguyên, (Dalat, Blao, Banmêthuột v.v...) Nhưng mấy năm nay, cứ đến Tết, hoa Tú cầu cũng được «hạ sơn» để cống hiến bạn «hái hoa» thường

thức trong mấy ngày đầu xuân. Tú-cầu thuộc loại cây mọc lâu năm, lá to, hình bầu dục hay hình trái tim, viền răng cưa, hoa mọc thành chùm lớn, có hai màu, màu xanh da trời đậm trắng hay màu hồng nhạt. Có loại Tú-cầu hoa xanh lúc ban ngày và đổi ra màu hồng khi chiều tối. Hoa Tú-cầu thuộc họ hydrangea hortensis. Tú-cầu trồng bằng lối cắm cành như thực-dược. Muốn cho hoa Tú cầu được xanh thắm thì tưới bằng nước lá có pha ít phèn chua.

Tết đến có chậu hoa Tú-cầu bày cảnh không phải là không đẹp. Tú-cầu có lá xanh tươi mọc chụm lại bọc lấy cành hoa xanh thắm làm cho cảnh xuân đã đẹp lại thêm đậm ấm.

*Kết chùm toét nở giống hoa trang,
Buổi sáng xanh xanh ửng ánh vàng.
Khen ngợi Hóa công thù dật khéo,
Xuân về cổng hiển giữa nhân gian.*

HOA LÁ ĐƠN

Hoa Lá-đơn gọi theo âm điệu tiếng Pháp là Glaieul, được nhập cảnh vào nước ta đã hơn bốn chục năm nay, và đã chịu thủy thổ trên vùng Cao-nguyên có khí hậu mát dịu. Có người gọi hoa lá-đơn bằng danh từ hoa "dẻ-quạt" hoặc "hoa kiếm", vì lá mọc thành hình dẻ quạt và giò hoa dài như thanh kiếm.

Hoa Lá-đơn thuộc loại Iridées và tên khoa học là Gladielus. Trồng Lá-đơn bằng củ (rễ hợp lại thành củ) năm này sang năm khác, củ mẹ sinh ra củ con, củ cháu, ở các nơi mát mẻ, lá-đơn mọc rất khỏe. Có nhiều giống Lá-đơn, hoa đủ màu. Có thứ Lá-đơn hoa trắng, có thứ hoa đỏ, có thứ hoa vàng, tím, xanh. Hoa Lá-đơn trồng ở trên Đalat rất to và đẹp, không kém gì hoa trồng ở các nước ôn đới. Tuy hoa Lá-đơn mới được nhập cảnh vào xứ ta, nhưng vì hoa đẹp và lịch sự, nên được nhiều người ưa chuộng và sử dụng trong đủ các trường hợp. Ta có thể nói rằng ngày nay hoa Lá-đơn là hoa yêu chuộng của hết thầy gia đình phong phú trong dịp lễ Giáng-sinh và Tết âm-lịch cũng như Tết dương-lịch. Lọ xứ trắng nước- xanh hoặc nâu mà viền mấy bông Lá-đơn đỏ, để trên bàn đọc nom thật là đẹp mắt, ai cũng phải ưa và thấy lộ vẻ thanh cao :

*Bình cầm La đơn ngó phải ưa,
Đủ màu nhạt thắm cánh say sưa.
Lá như mũi kiếm chong hai phía,
Trông thấy hình in rẽ quạt thưa.*

oOo

Đến Tết ta thưởng xuân, ta làm cho cảnh gia đình đậm ấm, vui tươi bằng cách chơi hoa. Ta chơi hoa rồi ta đem lòng yêu hoa, và ta biết đề di dưỡng tính tình, dịu dặt tâm hồn và chí khí ta, ngõ hầu biểu lộ cá tính của một dân tộc ham chuộng những cái thanh cao, thuần túy và tươi sáng...

THÚ CHƠI ĐỒ CỒ

(Tiếp theo V.H.N.S. số 27)

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

BÂY giờ mời các bạn đi với tôi theo gót anh chơi đồ cồ : còn ai lụm cùm đáng cười hơn anh này ! Với một gương mặt chăm chú, đôi mắt dăm-dăm, anh chàng xam xúi đi ngó xuống đất, tâm trí chỉ tưởng đến vật sở thích mua chưa được, ngoài ra phi trời long đất lở, vấn đề bom nguyên-tử bom khinh-khí sẽ tới đâu, nước cờ nên chiến hay nên hòa, vấn không cần biết đến !

Anh ta, có khi mua được vật lạ, trọn ngày ngồi tò mò xem xét tỷ-mỷ, dòm bằng con mắt thật mẫn nhãn rồi lấy kính phóng đại ra xem nữa, quên cả thời gian cả cơm nước, để học một nước men mới, một nước thuốc màu lạ, một " cách vẽ " (craquelé) hay nói nôm là một da rạn nứt nẻ khác thường, và trải bao tuế nguyệt, mấy thứ này biến trở ra thế nào ! Không ! tôi không thể tả được ra hết cái dầy công của nhà chơi đồ cồ, và chỉ có những nhà chơi đồ cồ " hạng nặng " mới hiểu nhau mà thôi !

Kề ra nghề chơi thật lắm công phu. Nhưng ai không ưa sẽ cho là phiền phức, là vương dờ, không khác nào những người không thích hoa sẽ ghét lẫn sắc và hương.

Anh làm vườn cấp-ca cấp-cùm xin hay nài được giống lan quý đem về trồng, rồi ngày ngày đem vun phân tưới nước, sấm soi sắn sóc, bắt sâu tĩa lá cho đến khi hoa nở hoa cười, có khác nào anh chơi đồ cồ tìm được món lạ đem về, o-bế tung-tiu, mượn thợ bịt miệng phòng khi đụng chạm không sức mẽ, kiếm cây tốt tiện chun dài, chăm nom gần bó làm nên đồ ngoạn-hảo. Công của anh làm vườn và công của anh chơi đồ cồ tóm lại là chỉ để thỏa lòng mua cái lạ mắt ưa nhìn, chuộc lấy một tiếng khen của người đồng điệu hoặc biết đầu chùng, chuộc tiếng cười mỉa mai của người ngoại cuộc !

Thanh cao mà nhã nhặn, thú vị lại phong lưu, cần nhắc vấn bằng, nhưng so sánh cho cùng anh chơi đồ cồ được cao hơn anh trồng hoa một bậc, vì đồ cồ thì càng ngày càng quý và vẫn thuộc số ít, mua sấm được là có công như cứu lên được mớ di-vật còn sót lại của cru thời, làm sao cũng chiếm số nhiều, lại có thể nhờ khoa-học và do tay nhơn tạo càng thêm màu sắc, càng sanh sôi mãi mãi. Thêm nữa, hoa thiếu sắn sóc đã thấy phai màu, không quý bằng món trân- ngoạn đầu tang thương đến mấy cũng giữ được phong- độ xưa. Riêng ý tôi, một món đồ xưa là một bằng chứng cồ thời, bề di như ai xé mất một trang sử liệu !

Tuy vậy hoa quả khiêng-vật và đồ cò vẫn đi đôi với nhau vì đều là đại-diện khoa tâm mỹ. Bông tốt cắm trong bình thơ như có gái nghèo không có y phục trang sức. Bình quý không giắt hoa đẹp khác nào áo gấm treo trên giá còn đợi mỹ-nhân xô tay vào. Nhưng chơi hoa mấy kẻ, biết đồ xưa có mấy người?

Thú chơi đồ cò không phải dễ dàng như các bạn tưởng và hầu hết những người tự xưng là thông thạo đều không phải thật sành sỏi lão luyện hết cả đâu.

1) Có người sắm ít tiền mà hô thật mắt, lục-lạo cùng thôn quê xô chợ, gạt kẻ chất phác mua rẻ, mặt đồ di-tích của ông bà người ta rồi đem về o-bế, trau chuốt thêm bày những chuyện vô lý phi thường : bình cắm hoa không héo, tô, đĩa đựng thịt cá không ươn, v.v....

Làm chi vậy? — Đặng sau này bán cho đắt tiền. Những người ấy là tay chơn-bộ hạ của lái buôn đồ cò, khác nào họ Mã họ Sở trong khoa chơi cò ngoạn, không có cùng không được, mà có nhiều chỉ làm nhẹ giá một thú phong lưu. Chớ nên quên người nào chơi đồ xưa mà còn kiểm cái màu nhiệm vô lý của vật xưa thì còn tầm thường lắm. Đồ xưa quý tại cách chế tạo thời cò khéo léo nay đã thất truyền, tuy khoa học kim thời tinh xảo đủ mặt nhưng vẫn chưa nhái nước men hay thể chất món đồ sứ được y như cũ. Đồ xưa quý tại công khéo giữ gìn mấy trăm năm toàn hảo, khách chơi càng mua giá cao là như có ý thưởng công chủ cũ khéo giữ nhiều đời, bây giờ trao lại mình một đồ ngoạn không sứ không men. Đến như việc muốn được hoa tươi và thịt không hôi thúi, thì đó là một vấn-đề khác nữa, xin hãy hỏi các nhà khoa học, các dược-sư thiếu chi thuốc thần hiện giúp ta vừa ý muốn.

2) Lại có người ưa mua sắm lung-tung, bày la liệt đầy nhà, lớp tú trong tú ngoài, lớp ngăn trên ngăn dưới, thậm chí để cả dưới ván ngựa gầm giương, nhưng người thô làm gì cũng thô, không biết ắt giáp gì, xưa hay nay không rõ, giả hay thật nào tường, miễn nghe con buôn tán tụng rằng thật quý thật xưa là lập tức bỏ tiền ra mua, mua lấy mua để, mua không suy nghĩ; thật là tay diên của bị đồng tiền hành, nhà giàu khoe nhiều bạc. Thấy người chơi thì bắt chước chơi theo, chớ không phân biệt ngọc đá vàng thau, nghe cái tô vẽ tích « Khương-Thượng-diệu-ngư » tưởng là tô quý có tự đời Tây-Châu phật Trụ; thấy cái chén có họa hình hai tướng cầm chùy giáp chiến với nhau, đỉnh ninh là đồ cò chế tạo từ đời Tùy, đời Đường để nhắc tích Lý Nguyên-Bá so tài cùng Bùi Nguyên-Khánh ! Những nhà ấy chỉ để cho mấy chú khách buôn đồ sứ gạt lấy tiền về làm trò cười trong giai-thoại khoa chơi cò ngoạn.

3) Trên hai hạng đó lại có một hạng kẻ cũng lạ lùng là hạng quá tin đời đến bị người đời lợi dụng tấm lòng tốt, rồi tự nhiên trở nên chán nản về thể-

thái nhân tình : chơi với bạn trai lừa, chơi với bạn gái bị gái quít ! Lối bạn ra tòa, không biết tòa có cho phần lỗi về bạn, phần phải về mình chưa ? Đưa đàn bà ra tụng đình cho vỡ mặt nhau ra thì mình cũng chưa ắt khỏi dính mùi hôi hám ! Với cái tâm lý ấy, sẵn thêm bụng chán đời và mê triết lý thì bước qua chơi cò ngoạn rất dễ, vì một mai biết cái sứ kia không thật, hoặc cái tô nọ không xưa, thì mình còn cách trả thù riêng, là cầm món đồ đáng ghét ấy giơ lên cao rồi buông cho nó rơi xuống đất, mặc cho sứ tan tô bể, mất tiền thật nhưng cũng được chút học khôn, hơn là bị người lừa dối cắn răng mà chịu !

4) Mà cần gì phải chán đời mới ưa chơi đồ cò ? Còn những hạng này : nhà sử-gia văn-vật, nhà khảo cứu chuyên môn, nhà giáo dạy khoa tâm-mỹ, họ sắm riêng tìm học, để nghiên cứu cho há-hê, cho rộng sự nghe thấy, chớ không phải chủ tâm mua để chờ bán lấy lời nhiều, hoặc là nhà nghệ sĩ ham chuộng những cái gì đẹp, mua để trang sức trong nhà cho thêm duyên, hoặc nhà tòn cò, ái cò, mua với mục đích cứu vớt theo sức mình những vật báu không muốn thấy nổi gót tân phú ông lưu vong ngoại quốc.

Những người này mới thật là nhà chơi đồ xưa, chơi theo sở thích của mình chớ không đợi tiếng khen, và chưa ắt gì mấy trường giả ý tiền đời được với họ như ưg gì họ đã dày công mua sắm.

Tóm lại, người chơi đồ cò không cần phải là giàu, cốt ở nét chớ không ở sự đa kim ngân, nhưng sẵn tiền rồi rộng tha hồ mua sắm thì càng hay : khác nào như gấm thêu hoa, lấm duyên kén tốt chọn xưa càng màu !

Tiêu thuyết Pháp, trong bộ « Le crime de Sylvestre Bonnard » tác-giả Anatole France kể tích một ông hàn-lâm có tánh ưa chơi sách quý, khi trở về già định bán kho sách làm của hồi môn cho đứa con gái nuôi, nhưng vào giờ chót, cảm lòng không đậu, chỉ lên cất lên một quyển sách nhỏ mà chịu lương-tâm cắn-rứt cả đời. Trong truyện có đoạn rất khéo, nhắc truyện một mỹ-nhân theo chồng đi khắp xứ để mua vỏ hộp quẹt hiếm có. Đức ông chồng là một phú gia quá nhiều tiền, đến phải tìm cách giết thì giờ bằng một thú phong lưu mới lạ là vừa đi tìm vật sở thích tức thị là vỏ hộp quẹt cũ không còn ai lưu trữ, vừa đi châu-lưu các nước cho rộng thêm kiến-thức và cho khuây khỏa cái buồn của những triệu phú năm không trên đồng vàng,

o^o

Bây giờ, xin thử hỏi các bạn, khi gặp những món như vậy, bạn có mau mau bỏ tiền ra mua chẳng ?

— Như loại tô uống nước trà Huế, vẽ tích « Bá-Nha, Từ-Kỳ » có bài thơ nôm :

« Hai gã bạn tri-âm,
« Vui thay một khúc cầm !

« Non cao cùng nước biển,
« Rằng đề it ai ngâm ».

(Vô danh thi)

Bạn há chẳng cho tôi có thơ nôm thú-vị hơn loại tôi chữ Hán, mặc dầu hai câu :

« Cao sơn lưu thủy trường,
« Nhứt khúc ngộ tri-âm ».

hoặc một kiêu nửa có đề hai câu :

« Tô đồng khinh tháo động,
« Lưu thủy ngộ tri-âm ».

đều hay cả, nhưng hay theo điệu của người Trung-Hoa.

Tôi định cho hai kiêu sau do hai lối sứ khác nhau làm ra, nhưng kiêu nào làm trước kiêu nào nhái theo sau, thứ thật tôi không biết.

Tôi thứ nhất có bài ngũ ngôn tứ tuyệt nôm là của người Việt-Nam ký kiêu, cho lối sứ Giang-Tây làm, còn hai loại tôi kê sau là của người Tàu đem qua đây, đối với chúng ta dân Việt, không quý tôi bằng có đề thơ quốc-văn thâm thúy.

Còn như tôi và bộ chén trà kiêu « Mai-Hạc » thường thấy, có đề hai câu lục bát nôm :

« Nghêu ngao vui thú yên hà,
« Mai là bạn cũ, hạc là người quen ».

Câu thơ này, theo sự công nhận của nhiều học-giả trong nước thì đồng một tác giả với Kim-Vân-Kiều bát hủ, và đặc biệt hơn nữa là do tay thợ khéo Trung-Hoa làm trước mắt cụ Nguyễn-Du khi cụ được cử làm chánh sứ sang Tàu vào năm Gia-Long thứ 12 (Tây-lịch 1813) và khi cụ ghé viếng một lò sứ danh tiếng của các vua đời Mãn-Thanh. Dựa theo thuyết này, chúng tôi xin nói thêm rằng đồ « Mai-Hạc » làm lần đầu là đồ làm năm 1813 và đó là gốc tích « đồ sứ Mai-Hạc » chánh hiệu. Phải đề ý cho lắm mới phân biệt được với « đồ ký kiêu Mai-Hạc » là đồ chế tạo những năm về sau do các sứ-thần Việt-Nam qua Trung-Hoa đặt làm thêm cho trong Nội phủ dùng. Khó phân biệt nhất là hai kiêu đều ký một hiệu « Ngoạn-Ngọc ». Nhưng cũng nhờ vậy mà chúng ta biết hiệu « Ngoạn-Ngọc » đồng thời với hai Vua Gia-Long và Gia-Khánh (đầu thế kỷ thứ XIX). Còn như tôi và chén trà « Mai-Hạc » kiêu chế riêng cho người Trung-Hoa dùng, thì hai câu thơ nôm đời tôi là hai câu thơ chữ :

« Hàn mai xuân tín tảo » (mai lạnh sớm báo tin xuân)
« Tiên học tháo vi đầu » (hạc kêu trước tiếng chim khạc),

Khi này, tôi có nói dưới đây những đồ kiêu Mai Hạc đều thấy ký hai chữ « Ngoạn-Ngọc » và dựa theo đó, tôi định cho Ngoạn-Ngọc là hiệu một lò sứ danh chuyên làm đồ sứ đồ sành ở dưới đời hai vua cực thịnh Càn-Long và Gia-

Khánh đời Mãn-Thanh (thế kỷ XVIII, XIX Tây lịch). Nhưng đây cũng chỉ là một ước-định mà thôi và khi nào có dịp khảo cứu các đồ ký một hiệu như nhau trữ tại các viện bảo tàng Pháp-quốc và Anh-quốc rồi mới có thể quả quyết được. Đề chứng minh sự phân vân của nhà khảo cứu, tôi xin nói luôn đây rằng tôi mới gặp được một cái đĩa xưa toàn hảo, loại đĩa bàn kiêu Mai-Hạc, dưới đáy đề bốn chữ « KIM TIÊN KỲ NGOẠN », tôi cho là lạ nhất. Người chủ của cái đĩa định ninh với tôi rằng kiêu này do một hoạn quan mỹ danh là « KIM » thời chúa Tĩnh-Đô-Vương Trịnh Sâm ký kiêu cho thợ Trung hoa làm, tức là còn cỡ hơn những bộ Mai-Hạc ký « Ngoạn-Ngọc » đến ba bốn chục năm về trước. Tiện đây, tôi xin chất-vấn các học giả cao minh xin dạy cho biết thuyết này có đúng như vậy chăng ?

Còn như khi nào bạn gặp một cái tô vẽ sơn thủy, có núi, có sông, lại có một con đò đưa lác-lẻo ngoài khơi, bên kia là một khách lơ độ đường đứng chờ..., kể bên có bài ngũ ngôn bát cú nôm viết ra làm sáu hàng bảy chữ (vì thiếu hai chữ câu chốt, nên thợ giặm thêm hai chữ « Càn Bái ». Bài thơ ấy như sau :

Một thục nước in trời,
Đò ai chiếc lá khơi ?
Non cao xem vội vội,
Dòng biển thấy vui vui.
Mãng khừ Thương-Lang khảy
Ở đây từng khách chơi.
Mơng chờ yên sóng gió,
Qua lại mực ngời đời. — Càn bái.

Xin hỏi cái thú nhệ nhàng nên thơ ấy có cảm-kích bạn chăng ? Bạn có muốn sắm một bảo vật như vậy để ngắm nghía ngắm-soi khi trà dư tửu hậu chăng ? Đến như bạn chịu khó đôi chút, đọc thêm vài pho sử sách nước nhà, nghiên-cứu truyện xưa tích cũ cho khá-khá, khi bạn biết được bài thơ trên đó, tác giả không chừng là một thi-sĩ kiêm triết lý gia, đúng ra là một ông hoàng đủ điều-kiện đề nối ngôi vua sau khi vua Tự-Đức thăng-hà, nhưng người vẫn thối-thác, bởi vì ghét cảnh :

Nhứt gian lưỡng quốc nan vu **Thuyết**
Tứ nguyệt tam vương triêu bất **Tường**.

(ám chỉ lúc ấy, sông Hương chia kinh-thành Huế ra đôi san hà : một bên là Nam-Triều, bên kia là quân đội Pháp chiếm đóng ; và trong bốn tháng có đến ba ông vua nối nhau trên ngai vàng, không rõ đó là thuyết gì, nhưng quả là một điềm bất tường hiển-nhiên) ; nói rõ ra là thời kỳ rối-beng khoảng năm 1883-

1888, đến nỗi vua Hàm-Nghi bỏ ngôi kháng chiến, bạn há không ngậm-ngùi cho số phận tác-giả và khâm-phục chí thanh cao của người : thà mai một làm hàn-sĩ hoặc ông hoàng nghèo, hơn là làm vua không mấy chốc mà lấm tai-nàn thấy trước mắt,

Thà rằng :

«... mong chờ yên sóng gió,

«... qua lại mặc người đời !

như vậy mà hay hơn. Không khéo các bạn sẽ chép miệng than cho cuộc thế tuàn hoàn, không có chi là mới, đến nỗi cái thuyết «trùm chẵn đắp mền» (ai kéo qua bên nào, mình ở giữa cũng khô lo!), thuyết đợi chờ ấy, nay xem qua hai câu trên, thì đã cú rích từ mấy mươi đời vương kia mà !

Nhắc lại, trên đây là ba kiểu đồ sứ có thơ nôm mà tôi được thấy là : tô Bá-Nha Tử-Kỳ, bộ chén trà Mai-Họa, và tô có đề bài thơ «Một thức nước in trời», v.v... Ngoài ra tôi chưa thấy kiểu nào khác ba thứ đó, xin các bạn rành hơn dạy cho.

Nếu bạn thích thơ hay, tôi xin giới thiệu một cái bình tích bé tí-hon vẽ sơn thủy, đáy đề hiệu «Ngọa-Ngọc» có hai câu :

Nhứt âm thanh khí vị,

(một hợp đủ thẩm giọng),

«Vật đức thiêu nhơn tri»

(vật ít người biết giá trị)

Xin hỏi bạn há không muốn dùng trà trong một cái bình khí-phách như vậy sao ?

Và trong một cái đĩa trà «da trắng trứng diệp, nước thuốc men chàm», vẽ một bên là hoa mai và hoa mẫu đơn giao cành, đối với bên kia là hai con chim lạ thường, hai đầu hai cánh riêng biệt nhưng thân thể thì có một. Ấy là ngụ ý tích ;

«Tạ thiên ty dục điều»

(trên trời làm chim liền cánh),

«Tạ địa liên lý chi»

(dưới đất làm cây liền cành).

tức là nhắc lại lời thề của vua Đường-Minh-Hoàng ước nguyện với Dương-quí-Phi, mà cụ Nguyễn-Du đã thâu gọn vào những câu thần tình :

« Trong khi chấp cánh liền cành,

« Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên,

« Mái tây đề lạnh hương nguyệt,

« Cho duyên dằm thắm ra duyên bẽ bàng. » (K,V.K.)

Hỏi bạn ngậm câu thơ ấy đã được khoái nhĩ, mà bạn có muốn nhấp trà trong chén «chấp cánh liền cành» cho thêm khoái khẩu nữa chăng ?

Lại như bạn nào muốn cao-khiết thì hãy ráng tìm cái ngỗng cồ-kính da rạn «Bát-tràng», vẽ một nhánh mai và một nhánh tre. Đó mới là một kiểu đặc sắc

nhứt trong mỹ-thuật Việt-Nam : nhánh mai biểu hiệu nét yêu điệu yêu-khieu của phụ-nữ nước Nam, còn nhánh tre là cái nhẽ-độ thanh cao của nho sanh xứ Việt ruột trống là thuyết hư vô đạo Lã-Trang, lòng ngay là phong độ nhà Nho, mắt tre là mực-thước người quân-tử. Trong Kiều sẵn câu ;

« Một nhà sum hợp trúc mai,

« Càng sâu nghĩa bề càng dài tình sóng », cũng ám chỉ tích ấy,

Những vật này, bạn nào muốn xem thì phải học chơi đồ cổ cho thật là lão luyện trước đi, và khi nào bạn thấy bạn mến thích đồ xưa đến bỏ ăn, bỏ ngủ, chùng ấy bạn hãy tìm đến tôi, tôi sẽ lấy ra nghiên-cứu cho đã tậ.

Bạn nào ham mua sắm đồ bán xứ thì hãy lựa những vật tôi vừa kê trên là những đặc phẩm của Việt-Nam. Còn bạn nào ưa thích đồ sứ Tàu thì tha hồ chọn lựa, vì từ Bắc vào Nam, đất Việt đôn tàng-trứ rất nhiều đồ cổ Trung-Hoa Hiện nay nước Tàu thiếu sự tự do, việc giao thông không dễ-dàng như trước, nên đồ cổ ngoại của tư-gia có được bảo vệ cùng chăng, chúng tôi không rõ.

Trong xứ ta, vùng Thanh-Hóa lọt trong khu Việt-Cộng, nên số phận những đồ trú-danh Đông-Thanh, làm từ đời Đường đời Tống, đồng thời với tướng Cao-Biền, tướng Địch-Thanh, có còn tồn tại như xưa trong các ngôi mộ cổ, hay đã phan-phui dưới lưới cước của quân trộm đạo mà tứ tán ra nước ngoài hết rồi ?

Riêng kinh-thành Huế còn lưu-trử được khá nhiều đồ men xanh Thanh-triền và Nguyễn-triền : ấy là một kho tàng tài-liệu vô giá mà chúng ta cần nên thận trọng giữ gìn cho kỹ-lưỡng. Ở Nam-Việt, vùng Hà-Tiên còn rải-rác đồ da men đá đời Mạc-Minh, theo gót giang-hồ Mạc Cửu và Mạc Thiên-Tứ tới đây. Hai tỉnh miền Nam, Sa-déc Vĩnh-long, còn rất nhiều đồ sành đồ kiêu triều Gia-Long, Minh-Mạng và Thiệu-Trị, do các công thần nhà Nguyễn đem về. Tại Chợ-lớn và Mỹ-Tho qua vùng Đồng-Nai và Biên-Hoà, một đôi khi còn di-tích Minh-triều theo gót lưu vong của các tướng Dương Ngạn-Địch, Hoàng Tiễn mà tụ hội vào Nam.

Các bạn thích vật lạ thì hãy mua thứ đĩa hai đáy trong chứa được nước sôi để cầm nóng cho thức ăn lâu nguội. Những vật ấy nguyên của các Công-ty Ấn-độ hoặc Trung hoa (Compagnies orientales des Indes ou de la Chine) chế tạo bên Âu châu (Anh-quốc, Hòa lan v.v...) hoặc ký kiểu cho lò Giang Tây làm từ thế kỷ XVII, XVIII, khi các nước Tây-Âu bắt đầu giao thiệp với các xứ Đông á và Ấn-độ một cách hòa nhã, lúc người da trắng và dân da vàng da đen vừa quen biết nhau. Lúc ấy Đông và Tây thường đổi chác với nhau bằng những phẩm vật hiếm lạ, và trong những quý phẩm ấy, thông dụng hơn hết là đồ bằng đất nung có tráng men gọi là đồ sành.

Theo tôi, tưởng nên phân-biệt đồ sành ra ba hạng như vậy :

— đồ sành là thứ thường, Pháp gọi là *porcelaine* ;

— đồ tốt và khéo hơn, từ ngoại quốc đem về để làm kiêu-mẫu cho các lò nội hoá, tức là "đồ kiêu" (Pháp gọi *objets, articles d'échantillon* ;

— Trên hết là đồ thật tinh-xảo, chế tạo riêng để dâng vua chúa, gọi là "đồ sứ" (Pháp gọi *cadeaux diplomatiques*).

"Sứ" tôi dùng đây là chữ "Sứ". Hán tự, viết khác và nghĩa khác với chữ "Sứ" nôm đồng nghĩa với chữ "bát". (Từ) tức là đồ gốm làm bằng thổ trắng, có tráng men bóng : *ấm sứ, bát sứ, đĩa sứ...*

Tôi dám khuyên các bạn, nếu may mắn trong khi châu-lưu đây đó, tốt phước gặp được những vật vừa kể như trên trong các thôn quê hẻo lánh, xin hãy eùu vớt hoặc mua lên, vì những đồ sứ Công-ty Ấn-độ tụy thô-khếch, tụy về bằng rập (*par procédé de décalcomanie*) vụng về, tụy không vẽ tay sắc sảo như đồ sứ Trung-hoa, dầu, đó cũng là di tích cổ thời, ghi một giai đoạn trong sử Việt. Xin đừng vì chút giận nhỏ, đồ thừa đó là dấu vết thực dân để lại, rồi đập bẻ nó ra từng mảnh vụn, hoặc đốt nát ra tro bụi hay chà đạp cho đã nư, cho tan tành dưới gót giày. Làm như vậy, đã không xứng danh một dân tộc biết tồn cổ lại thêm đắc tội với nhà viết sử về sau.

Dầu tan ra miếng, đồ sành cũng còn "sắc lém như gương" và gõ chơi cũng có tiếng canh canh (1). Sự cho chúng mình sống trong giai đoạn thực

(1). — Bài thơ «miếng sành», tục truyền của Phò-mã Trĩ, triều Tây-Sơn (Việt-Nam Sử-lược của Trần-tợng-Kim, trang 40 có nói : «*Tướng-Tây-Sơn là phò-mã Nguyễn-vân-Trĩ*»).

- *Sa cơ một phút hóa tan-tành*
- *Thiên hạ đều kêu cái miếng sành.*
- *Sắc-lém như gương người gốm mặt,*
- *Rán sao ra mỡ chúng hay danh.*
- *Ghe phen sắp cột nằm trên cát,*
- *Có thuờ làm chông đứng vách thành.*
- *Chàng khánh đầu ai không dám sánh,*
- *Gõ chơi cũng có tiếng canh-canh !*

Bài thơ này nhiều người nói là của Phò mã Trĩ, triều Tây-Sơn. Người họ gì không ai biết (câu này viết trước khi đọc Việt-Nam Sử-Lược Tr. t. Kim) chỉ định chừng ứng ra đánh giặc, chẳng may thất trận, về bị coi rẽ, công hạn mà tan tành như miếng sành bể, cái chỉ ước ức còn bông bột trong hai câu phá, thơ (1,2). Dầu vậy mặc dầu, sức còn dư tài còn bén nhọn và lòng chiến đấu hăng hái có thừa, ; tâm sự này thổ-lộ trong cặp trạng (3,4). Qua cặp luận (5,6) phò mã nói mình vẫn còn sang trọng vẫn còn nằm trên đài tiên các, vẫn ăn trên ngai trước, vì là phò mã đương triều, đường đường một viên mãnh-tướng sức đủ chống đỡ thành-trị, bình giặc còn...kiêng sợ người làm. Qua câu chuyện; (7,8); người ngụ ý tụy nay không bì với hàng chung đỉnh; bạc công-huân; chó vẫn là người hữu-dụng. Không đánh thì thôi; đánh vẫn còn kêu inh-òì ! Chỉ hiên-ngang; oai hùng dũng lậ-lệ có dư.

dân lên đường tự do, nay cảnh tượng thái bình đã thấy trước mắt, không khéo giữ của ông bà để giao trả mớ gia tài "Văn-hóa" nguyên vẹn cho con cháu về sau thì tránh sao khỏi lời phê cương trực của nhà chép sách.

Các bạn cũng không nên quá sợ làm lạc rồi nhứt nhứt không dám sắm không dám mua, vì có làm mới học khôn và mấy ai trong trứng khôn ra bao giờ Theo tôi, đọc trăm bộ sách khảo cứu công phu, không kinh nghiệm bằng bôn thân lặn lội tìm tòi mua chắt tụy học tụy suy nghiêm lấy. Và lại cái thú vui của nhà chơi đồ cổ há không phải ở chỗ lục lạo, đi kiếm đi tìm, nhứt là giỡn với cái vầy may của mình, một mình mình gặp, riêng một mình mình biết và không bỏ lỡ cơ hội tốt ;

Người săn mãnh thú nghê kinh,

Tôi săn mãnh bát, mãnh sành, mặc tôi ;

Muốn cho các bạn yên tâm mà thấy rõ cái làm vẫn thường chơi khăm với những nhà thông thái, tôi xin thuật chuyện vừa xảy ra ít lâu đây bên Pháp mà nhà khôi hài cù không cười lại là một thợ điêu khắc vô danh một tỉnh quê. Anh này lựa một khối cẩm thạch trắng tinh hảo, anh dụng công trở hình một mỹ nhân nhái y kiểu xưa thật khéo. Đoạn anh lấy búa lớn khê mạnh tay ba chỗ yếu điểm, và gọng gang anh lấy thủ cấp cùng hai cánh tay đá của người ngọc đem chôn giấu có nơi. Xong rồi anh mượn khoảnh đất ấy lập vườn, anh thuê công nhon khai phá. Và việc sẽ đến phải đến ; dân làm vườn tự nhiên đào được khối đá không đầu anh đã chôn giấu từ trước. Việc ấy đồn rùm ra, tiếp theo đó các báo chí cũng sa vào bầy rập, phóng viên và ban điều tra đến tại chỗ và khi về đồn vang phờ lớ Nhờ cách diễn trò khéo léo của nhà điêu khắc báo đời ấy mà khối đá nọ được kính cần khiêng lên và nhờ các nhà thông thái khảo xét. Mấy ông này, ông thì mang kính gọng vàng, ông mang sách khảo cứu xộn xộn, họ xúm nhau tra tìm theo phương pháp khoa học, họ thí nghiệm từ chất đất dính theo pho tượng, họ chiếu vào kính phóng đại (loupe), nào kính hiển vi (microscope), họ coi đi coi lại từ hạt bụi, từ sự đạt tinh (patine), từ cái hờm cái nhớp lâu năm, họ giải rõ nọ là đá chôn lâu đời thì cận cấu màu sắc biến đổi làm sao, vân vân và vân vân, sau rốt, họ hồ hào tuyên bố ồm-tôi là pho tượng thật cổ thật xưa, không khác đây là pho tượng Venus de Milo thứ nhì nay mới gặp nữa (tượng Venus de Milo tìm được năm 1820). Anh thợ điêu-khắc nhà ta đợi cho họ bớt khoe tài và ý cũng không muốn giỡn nhây, bèn moi đất lấy đầu và cánh tay rập vào hình đá và khiếm-tốn cho pho tượng mỹ-nhân vốn tay anh sáng-tác. Thôi rồi còn gì cái thể diện của mấy ông thông thái thuờ nay nức tiếng dưới gầm trời này và báo hại các ông nào có những tay làm giám định (expert) trong vụ pho tượng trời đánh này, đến nay mỗi lần nhắc tới vẫn nôi da gà, nuốt bánh mì chưa tron giọng !

Những sự sơ suất như vậy cũng hiếm thấy và vẫn để làm giai-thoại trên tức các nhà khảo-cổ mà thôi. Ta khoan coi về cái học sô-đắc của mấy nhà thông thái ấy, vì tỷ như trong vụ bức tranh danh tiếng như ở viện Le Louvre tại Paris, tức là tranh La Joconde bị mất cắp năm nọ, đến khi bắt được, các cụ giáo-nghiêm đem bức tranh ra bày cuộc khảo-xét giữa công chúng. Các cụ trình năm nào tranh này đã được bôi bỏ lại, nhọn dịp đó các cụ đã lấy một mớ bột sọ ngoài bìa tấm tranh cất lên giữ kỹ, nay lấy ra dọn lại: rõ-ràng y hệt, bỏ xe mấy tao, mỗi tao lớn bao lớn, xe mấy ngoài làm vậy mới thành một tao, v.v... và nước thuốc dầu vẽ La Joconde nguyên là chất gì, cách nay mấy trăm năm, đầu ấy biến màu ra sao, thật là ly-kỳ, thật là công-phu hy hữu.

Tóm lại, đức tánh cần nhứt trong thú chơi đồ xưa là sự dè dặt. Đùng bắt chước một ông quan nọ, ham chơi đồ sơn mài, đương thời mua sắm lung-tung, và quí nhất là một bức hoành sơn son mạ vàng có bốn chữ Tàu chói lọi. Mãn hạn làm việc bên Việt-Nam và đến tuổi về hưu, ông ta diu-dắt hai tiêu-thơ đường bệ về xứ và dọn đẹp trang-nhà ở thành Paris. Nơi đại thánh đường, ông cho treo bức hoành lên cao, hiêu-hiêu tự đắc nhà có một vật kỳ quan hãn hữu! Hai tiêu thơ một ngày một lớn như "điều đương thẩm lá", thế mà "đài trước bình vẫn chờ mãi người buông đạn ngọc". Hoa xuán thồn mồn về tằm, không người gặm hỏi, kịp một: hôm nọ có một hươu-quan người Việt, nhơn du-lich lên Pháp, ghé thăm. Tiên sanh đọc bốn chữ trên bức hoành, tốc trên muốn bay, lật đặt xin chủ nhà cho gỡ xuống mau mau, vì bốn chữ cổ kính đọc là « HỒNG LẬU ĐỆ NHỨT ».

Đốt nhưng muốn làm mặt sành đời, quan mua bức hoành trong một cuộc giao-giá tại nhà tâm-tâm, và bắt chấp hỏi ai, thấy đẹp cứ việc treo chơi, nào ngờ tấm bảng hiệu xúi-quẩy xóm Khâm-Thiên đến nay còn ma-lực làm hỏi duyên hai cô gái quí.

oOo

Bài này kể đến đây đã khá dài, tôi vừa định kết thúc, bỗng đâu dịp may hiếm có, tôi được hân-hạnh tiếp rước một nhà học-giá xứ ngàn năm văn vật và cùng nhau bàn luận rất lâu về thú chơi đồ-ngoạn.

Ông thuật cho tôi nghe chuyện một nhà chơi đồ xưa xứ Bắc.

Một bữa, nhà chơi đồ-ngoạn vừa thức giấc trưa, bèn lấy bộ chén quí nhứt và cái bình "Thế-Đức" gan gà mà nội Hà-thành đều biết tiếng, ra đọc âm. Sập gụ ông ngồi thì kê gần một lỗ độ chường một thước tây vương vức, khoét trong ván lầu và chung quanh có câu-lơn con tiện giáp vòng, chỗ này ngày thường dùng để rút thu những hàng hóa tăng dưới lên tầng trên cho khỏi khiêng gánh ngã thang bề bộn. Tuần trà đã tàn, ông lấy khăn tay ra như mọi bữa và

lau từng "chén tốt", "chén tương", "đĩa dầm", "đĩa bàn", lần lần ông lau đến cái bình Thế-Đức. Ông đồ xúc trà vào ống nhỏ, ông tráng nước nóng vào bình, rồi ông súc, ông lấy khăn lau đi lau lại nhiều lần, trung-tu o-bế còn hơn trứng mỏng nhưng chưa vừa lòng, vì đây là một tập quán ngày ngày vào giờ trưa ông chơi giỡn với cái bình tích cụng nhứt trên đời. Ông đã quen tay lắm rồi nhưng bữa nay vì đầu xui khiến và ông làm thế nào không rõ mà cái nắp bình vướng vào chéo khăn lau ông không hay, bất ngờ ông giữ mạnh chiếc khăn định cạo chung một cách trịnh trọng cái lễ cầu kỳ "lau bình tích". Xảy nghe một tiếng phịch nho-nhỏ, đồng thời ông thấy cái nắp bình nhảy vọt lên cao rồi rơi ngay theo lỗ trống xuống tầng dưới. Ông toát mồ-hôi, ông cầm cái bình còn lại, tay ông run-run, đoạn nghĩ sao trong trí không ai đoán được, duy thấy ông ngó ngay lỗ trống mà quăng vớ theo, cái bình mờ-cối nắp. Chuyện ông làm từ khi xảy ra đến kết thúc không hơn năm phút đồng hồ, nên không ai ngăn cản kịp. Thoạt có tiếng trẻ nhỏ dưới nhà reo ầm lên, ông thò đầu ngó xuống thấy cái bình vỡ nát, mảnh văng tứ tung trên gạch và bỗng đầu đứa cháu nội lên sáu với tay vào giò tre lấy ra cái nắp bình nguyên vẹn vừa mừng rú vừa nâng cao khỏi trán cho ông nội xem. Ông không nói nửa lời, nhưng từ đó ông như người mất hồn, chẳng bao lâu thì mất.

Nhà học-giá kể tới đây, lòng tôi bồn chồn vor-vẩn, không thể nín được, tôi bèn hỏi với:

— Thưa ông, chẳng hay nhà chơi đồ cổ ông vừa nói đó năm ấy độ bao nhiêu tuổi.

— Xấp-xì sáu, bảy mươi, ông đáp.

— Tuổi ấy sao còn nóng thế? tôi thung-dụng trả lời. Tay chơi đồ xưa lão luyện thì khác, nhứt là không khi nào làm vậy đâu. Phải tập cho bền chí và biết nhẫn nhịn chớ! Nắp bình bề, ta chờ tìm cái khác; ấy chẳng qua là một cuộc thử thách trong nghề. Phong thả rồi cũng sẽ gặp nắp khác vừa vặn thay vào. Rủi ro tìm kiếm không ra thì dần lòng rần nhin cho quen, tội mình làm mình chịu, phải tới nơi cái bình đầu mà hành phạt nó như thế kia. Chớ chi nhà chơi đồ-ngoạn ấy còn mạnh giỏi và vào trong Nam, tôi sẽ mời về nhà chỉ cho xem cái lộc bình có vẽ nhánh lựu và tàu lá chuối, hiện nay tôi chung trên đầu tú sách. Bình này lúc tôi còn làm việc tại tỉnh Sa-đéc, thân phụ tôi ở Sóc-trang cấp ca cấp cùm ôm lên cho tôi làm của gia truyền và vì vậy tôi quí nó hơn cả các vật tự mình mua sắm. Tánh tôi thích chơi hoa huệ, bữa kia huệ tàn tôi lấy bình ra thay nước. Tôi lác các ý tài, bình trơn trượt vọt khỏi tay rớt xuống sân: thôi còn gì cái bình quí của ca tôi! Trong lòng tôi tức thương, tiếc, giận, ngổn ngang bời bời. Tôi ôm cái bình nước mắt giàn-giụa,

tức tối và uổng cho một vật mới đây còn toàn hảo nay vì mình sơ ý, đã có
tỳ và giảm giá-trị rất nhiều; biết làm vậy, thà để bình dơ như trước mà còn
hay hơn! Rồi tôi nghĩ lại thêm thương tiếc công cha tôi mãi tin tưởng vào một
đứa con bất tài như tôi làm vậy! Và rồi đây tôi ăn làm sao nói làm sao với các em tôi bây
giờ? Tôi hăm hừ hậm hực, cứ kể ra một tội là tự gieo vào đầu một cái, tôi làm
trò cười như vậy một cách thần nhiên trước mắt tôi tớ, rồi tôi tay é đầu sưng
mà xem đi xem lại nào cái lộc-bình đầu có lành được như xưa! Sau hết, tôi ráp
mảnh bê đầu vào đó, hàn gắn kỹ càng, rồi từ ấy mặc dầu biến cố tôi không rời
cái bình bê kia. Kể ra tôi bán đồ cò-ngoạn của tôi khá nhiều. buôn đi sắm lại
không ít, mà không bao giờ tôi bớt kính trọng cái lộc bình vô dụng kia. Mỗi
lần ra vào, thấy nó như nhớ lại cái bất tài của mình (mà các bạn vẫn còn
lắm), và thêm thương cha mẹ mà không cho ai biết. Hôm nay nhắc tới chuyện
này tôi có lời xin lỗi các bạn, tự tôi không dám khoe đã tìm được lối bí-
quyết trong khoa chơi cò-ngoạn, nhưng thú thật nhờ làm bê cái lộc bình này
mà tôi học được một thuật xử-thế huyền diệu, không chỉ đã giúp tôi nhiều lần
thoát nguy trên đường đời. Thuật ăn-nhăn, nhịn nhục.

oOo

Thưa quý bạn,

Tôi đã trót lựa một vấn-đề khó-khan không hứng thú và lạm-dụng lòng
tốt, làm mất nhiều thì giờ của liệt-vị, xin tha thứ. Dám khuyên các bạn từ đây
hãy để ý nhiều hơn trước đến những cò-vật trong xứ. Chớ nên gọi đó là "đồ
truyền thống giai cấp" cho thêm náo lòng và hãy quý trọng lấy như những
tài liệu về khoa sử-địa.

Một nhà chánh-trị, gần đây, bàn về mỹ-thuật, đã có câu: "Văn-minh
chúng ta tự hào thừa hưởng, là một văn-minh tâm cảm".

Tôi xin nói điều rằng: "Thú chơi cò-ngoạn là một cách riêng biệt vừa bảo-
tồn quốc-túy, vừa di-dưỡng cái văn-minh tâm-cảm đã nói trên đây".

Xét ra, những hoang-mang hay bất cập rồi cũng tiêu ma hết. Mặc dầu
biến cố, lịch sử vẫn đi tới trước và đã dạy rằng càng thử thách, văn hóa và
tiền đồ dân tộc Việt-nam càng tỏ rạng hơn xưa. Đập, phá, đốt, hủy, không
khó. Khó nhất là bảo tồn. Chúng ta phải biết dung dưỡng cái cũ trước đã, để do
đó phát huy cái mới và xây dựng nền tảng tinh-thần một quốc gia lành mạnh.
Phong trào cải thiện và canh tân xã-hội hiện nay, với nguyên-tắc triệt để cách
mạng, dạy ta nên lựa lọc kỹ-càng trước khi bắt tay vào việc. Hãy xem gương
các nước tiến bộ trên hoàn cầu, như nước pháp vẫn sưu-tầm cò vật thời Louis

XIV Napoléon, v.v... Nga, Nhật, Tàu, vẫn khéo giữ gìn những cò vật các đời
vua chúa trước chúng tôi dám khuyên các bạn hãy suy-xét lại mà cương
quyết ủng-hộ và gắng công bảo-vệ từng món một, những di-tích và cò vật hiện
hữu, để dùng làm tài-liệu, làm bằng chứng, chuẩn-thăng dọn đường cho khoa
mỹ-thuật thuần-túy Việt-Nam sau này.

Biết chừng đâu mỗi cò vật, cò-tích chẳng là một tài-liệu duy-nhứt cho
khoa sưu tầm cò-học, trong đó ẩn một quốc hồn chưa khám phá, và như vậy,
tất nhiên ta phải thận-trọng lắm và chớ vội hủy-diệt, kéo ngày sau ăn-
năn không kịp.

Giúp nước có nhiều đường lối, mà phương pháp phá-hoại sao hay sao
khéo bằng phương-pháp bảo-tồn.

Nói thêm nữa là thừa.

Riêng tôi, tôi chỉ muốn được an phận tùy duyên, an phận "chơi đồ xưa
mót", và già đời được an phận "giữ món đồ xưa":

Không chi, tôi cũng được tiếng trung-thành với thú chơi cò-ngoạn.

HỢP THO

Trả lời chung các bạn Văn-Nghệ

Văn-Hóa Nguyệt-San rất hoan-ngheh những bài do các Bạn gửi tới, và trân trọng nhắc
mấy nguyên-tắc dưới đây:

- 1— Bài chép vào một mặt giấy, viết hay đánh máy rõ ràng và có đủ dấu.
- 2— Ban Biên-tập có nhiệm-vụ sửa chữa các bài, nếu cần.
- 3— Bài đăng hay không, đều không có lệ trả lại bản thảo.

V. H. N. S.

NHỮNG GIAI THOẠI

VỀ CON «KHUYỀN» XƯA VÀ NAY

TRÚC-LÂM

NAY xuân Mậu-Tuất đã về giữa lúc hoa mai đua nở dưới trời Nam. Lòng người rạo-rực đón Xuân sang thời tiếng pháo nổ ran, gần xa xen lẫn tiếng gà gáy chó sủa khắp nơi, khiến như giục-giã tinh hồn ai...

Trong lòng người dân Việt dễ bằng khuâng thơ thần nhất là những ai tin tưởng về lý-số "cảm tinh con chó", không biết con vật này có đóng vai tuồng quan-trọng gì trong vận-mệnh của họ chăng? Riêng đối với soạn giả bài này, chợt liên-tưởng đến mấy chuyện kỳ thú hoặc vui cười về chó đáng kỷ-niệm của người xưa và nay, đã xảy ra hoặc ở Đông-phương, hoặc ở Tây-phương, nên vui bút lược-thuật sau đây, để hiến bạn đọc món quà tinh thần, đáng cho ta suy ngẫm lúc từ-hậu trà-dr...

1— LỖ TẠI NGƯỜI HAY TẠI CHÓ?

Theo sách Liệt-Tử, Dương-Bổ gặp hôm trời nóng bức, đi ra ngoài chơi mát.

Khi ở nhà ra, thì mặc áo trắng, nhưng đi được nửa đường, gặp trời mưa quần áo bị ướt sạch. Dương-Bổ phải vào ẩn mưa ở nhà một người quen. Thấy Dương-Bổ ướt cả người, họ bèn cho mượn chiếc áo thàm.

Một lúc trời tạnh Dương-Bổ mặc áo thàm về nhà. Chợt tới cửa, con chó trông thấy, vừa cắn vừa sủa. Dương-Bổ giận quá, toan cầm gậy đánh cho bỏ ghét giống chó cắn chủ.

Người anh là Dương-Chu chạy ra ngăn bảo : « Đừng đánh oan nó làm gì ! Nó đuôi em như thế cũng phải. Ví thử con chó trắng nhà ta, lúc đi thì trắng lúc về thì đen phỏng em thấy sự đổi trắng thay đen có khỏi ngờ vực mà đuôi đi không ?)

Vậy xem truyện này, lỗi tại ai, tại người hay tại chó ?

oOo

2— DỪNG CHÓ BẮT CHUỘT.

Theo sách Lã-Thị xuân thu nước Tề (1) có người xem tướng chó rất giỏi.

(1) Một nước chư hầu lớn hồi Chiến-quốc Xuân-Thu, ở vào địa phận tỉnh Sơn-đông ngày nay (của nước Trung-Hoa).

Nhà láng giềng nhờ mua một con chó hay nghề bắt chuột, Anh ta lưu tâm một năm trời mới mua được, liền bảo nhà láng giềng :

• Con chó này tốt đây . .

Nhà láng giềng tin lời nuôi con chó mấy năm mà vẫn không thấy nó bắt chuột, mới ngờ lời phàn nàn với anh ta. Anh ta cười bảo :

• Con chó tốt lắm đây ; nhưng cái chí của nó ưa bắt hươu nai, cày cáo, chó đầu muốn bắt chuột. Bây giờ muốn cho nó ưa bắt chuột thì phải cùm chân sau nó lại. .

Nhà láng giềng y lời làm theo như trên, quả sau con chó rất lành nghề bắt chuột.

Xem như thế người có tài mà làm được việc hay không, phần lớn chính nhờ ở người biết dùng, và tùy theo trường hợp, biết khuyến khích hoặc biết hạn chế cái tài của người sẵn có, không đến nỗi để người có tài trở nên vô dụng.

oOo

3— LỖ CHÓ CHUI.

Án-Anh làm quan Đại-phu nước Tề, vâng mệnh vua sang sứ nước Sở. Ông rất có tài hùng-biện. Thấy ông tới nước, Sở-Linh-Vương bảo riêng các vị triều thần rằng : « Án-Anh người gầy, thấp, bé nhỏ, cao chưa đầy 6 thước mà gần xa các nước chư hầu đều phải tôn trọng là người hiền. Nay xét duy có nước Sở cường thịnh hơn cả, vì thế ta muốn làm cho Án-Anh phải xấu hổ và đồng thời tỏ rõ uy danh của nước Sở, các khanh nghĩ xem có diệu-kế gì chăng ?

Viện thái-tê là Viễn-khai-Cương bèn tâu trình mật kế. Tức thời, vua cho khoét một lỗ thủng ở bên cửa đồng thành độ sáu thước, rồi ra lệnh cho quân sĩ đóng chặt cửa thành lại khi sứ nước Tề đến, cố ý khiến Án-Anh phải chui qua lỗ khoét đó mà vào. Ông nhường các quan đi đón ông vào trước, ai ai cũng phải khom lưng mới qua được, các quan đều buồn cười có ý chế nhạo, chờ đến lượt ông qua đó thì cười rầm lên mà chế diễu. Biết vậy, ông không chịu vào. Vua Sở ở trong hỏi rằng : « Lỗ hồng đó, quan Tướng quốc chui qua cũng rộng chán, hà rất phải mở cửa, hay cho rằng còn to quá chẳng nên chừa bằng lòng ? » Ông đáp « Đó là lỗ chó chui, chứ không phải cửa người qua. Có sang nước chó mới vào cửa chó, chứ sang nước người phải đi cửa người. » Vua Sở lấy làm hối-hận, tự phàn-nàn rằng : « Ta muốn làm nhục hẳn, ai ngờ hẳn lại làm làm nhục ta. »

Rồi vua Sở truyền mở rộng cửa thành đón Án-Anh vào.

4— HIỀU LẦM SÂU RA CHÓ.

Thi hào Tô-Đông-Pha, tên Tô-Thức, làm quan đến chức Thượng-Thư đời Tống. Một hôm ông đến thăm Tê-Tướng Vương-An-Thạch, nhưng không gặp Tê-Tướng ở nhà. Ông nhắc trông trên bàn giấy thấy hai câu thơ :

Minh nguyệt sơn đầu khiếu
Hoàng khuyên ngọc hoa tâm.

Ông cho là vô nghĩa và tự hỏi : 'Trăng sáng (minh-nguyệt) sao lại kêu ở đầu non ? Chó vàng (hoàng-khuyên) lẽ đâu nằm giữa lòng hoa ?' .

Ông đứng suy nghĩ một lát, rồi cầm bút sửa mỗi câu thơ một chữ như sau :
Minh nguyệt sơn đầu chiếu,
Hoàng khuyên ngọc hoa âm.

Nghĩa là :

Trăng sáng soi đầu núi
Chó vàng nằm bóng hoa.

Mỗi câu chữa có một chữ, cùng vần mà câu thơ bỗng trở nên dễ hiểu, có nghĩa hẳn hoi, nghe trông cũng thông lẫm.

Sửa xong hai câu thơ, Tô-đông-Pha cáo từ. Nhưng Vương-an-Thạch về thấy bài thơ bị sửa, cho họ Tô sửa thể làm câu thơ hóa tầm thường. Họ Vương chỉ cười nhạt, chê Tô-đông-Pha kiến-thức hẹp hòi, đầu hiểu được ý thơ.

Về sau, Tô-đông-Pha có tội, bị cách chức Vương Tê-Tướng vô tình hay cố ý (không rõ) đày họ Tô đi một nơi xa, thuộc đất Hoảng-Châu, tỉnh Hồ-Bắc.

Tới chỗ an-trí, họ Tô mới chịu thơ của họ Vương và nhận rằng kiến-văn mình còn thua xa. Thực vậy, đến đó chiều chiều ông thường được nghe một giống chim lạ hót ở đầu non và buổi sáng một thứ sâu vàng cắn hại hoa quả.

Ông hỏi thăm thổ dân mới biết giống chim địa phương này gọi là « minh-nguyệt » còn thứ sâu kia gọi là « hoàng-khuyên ».

Nhớ đến câu thơ cũ của thi-sĩ họ Vương, ông mới hối hận vì câu truyện sửa thơ vô ý-thức của mình, vì câu :

Minh nguyệt sơn đầu khiếu
Hoàng khuyên ngọc hoa tâm.

thực nghĩa nó là :

Chim minh-nguyệt hót trên đầu núi,
Sâu hoàng-khuyên nằm giữa bóng hoa.

chữ 'minh-nguyệt' và 'hoàng-khuyên' đâu có phải là 'trăng sáng' và 'chó vàng'. Thế mới rõ : 'đọc muôn cuốn sách đầu bằng đi muôn dặm đường' đáng là câu ta nên ghi nhớ.

oOo

5— CHÓ CỨU CHỦ.

Trong trận chiến tranh giữa Nam-Hàn và Bắc-Hàn, hồi đầu tháng 11 năm 1952, một viên thượng-sĩ trong đội xung phong Nam-Hàn kịch chiến trong một đêm tối trời lạnh, bị quân Bắc-Hàn bắt được, giam làm tù binh.

Năm ngày sau, đồn quân Bình nương bóng thấy viên thượng-sĩ này trốn thoát được trở về.

Sau khi nghe viên này thuật truyện mới rõ là nhờ con chó cắn hai tên quân dẫn ông ta đi đào đất, ông ta mới thừa dịp mà thoát thân được. Con chó sau rồi cũng trốn chạy theo chủ về. Việc này đến tai Tổng Thống Lý-thừa-Văn. Tổng Thống bèn hạ lệnh cho viên thú-y đem con nghĩa khuyển về nuôi nấng và cấp cho ăn uống đặc biệt hơn các thú vật khác.

Gần đây, vào ngày 4 tháng 3 năm 1957, ở nước Ý-Đại-Lợi, cũng xảy ra một truyện ai nghe cũng phải cảm động vì việc hy sinh của một con chó để cứu chủ.

Hai đứa trẻ con một nhà nông ở vùng Marroncino (gần La Mã) được cha mẹ sai đi giúp một việc cần. Vừa tới nơi đồng ruộng vắng vẻ, gần một khu rừng cây cối rậm rạp, thì một lũ 5 con chó sói ở đâu nhảy ra toan vồ ăn thịt. Tức thì con chó 'béc-giê' (Berger) do hai em bé giắt đi theo, nhảy tới ứng phó. Tuy không lớn bằng chó sói, nhưng rất gan dạ, một mình nó quyết tâm chặn cản lại với 5 con sói, để cho tiêu chủ có đủ thời giờ chạy thoát.

Trời thì rét, đàn chó sói thì đói dạ và rất hung ác. Chúng nó bao vây đề vồ cắn con chó 'béc-giê'. Không sợ sệt, con chó 'béc-giê' vẫn dương đầu tìm cách chặn từng con, không cho con nào rượt theo hai em nhỏ. Nhờ vậy, hai em bé mới về nhà cấp-báo cha mẹ biết. Được tin, một đoàn thanh niên trong vùng kéo đi ngay để tìm giết chó sói và cứu nguy cho con «béc-giê». Song le lúc đến nơi, đàn chó sói đã đi hết, chỉ còn lại thấy con chó «béc-giê», hay nói cho đúng chỉ còn cái đầu và mấy khúc xương của con nghĩa khuyển, vì con này đã bị bầy sói ăn hết thịt.

Xem kỹ dấu chân chó, người ta nhận xét thấy con «béc-giê» đã cương-quyết tranh đấu cho đến hơi thở cuối cùng để bảo đảm cho hai em bé đủ thời giờ thoát nạn chạy kịp về nhà. Liệu đã mấy người nêu cao gương anh dũng và hy sinh như con nghĩa-khuyển này chưa ?

oOo

6— CHÓ QUÝ HƠN CẢ VOI VÀ SƯ TỬ.

Ngày xưa, vua Alexandre nước Hy-lạp đem quân đánh một xứ tại

Ấn-Độ. Ông vua xứ này sau có biểu vua Alexandre một con chó khỏe lạ thường. Vua thử tài sai chó ra đánh nhau với loài thú dữ. Con chó này không chịu, vua bèn hạ-lệnh chính-pháp. Ông vua kia lại biểu vua Alexandre một con chó khác khỏe hơn, có thể đánh được cả voi và sư-tử. Nhà vua rất quý tài-lực con chó và khi nó chết, vua còn cho lập đền thờ.

Gần đây, theo một tạp-chí Mỹ thuật truyện, một nhà triệu-phú Mỹ sang du-lich ở Bắc-Phi vào năm 1951, và bỏ tiền ra mua những con thú lạ về nuôi.

Nhà triệu-phú này lấy làm hoan-hỉ vì đã mua được một con chó ngũ-thê với giá 3.000 mỹ-kim; đồng thời, ông cũng mua thêm 3 con sư-tử, nhưng mỗi con giá có 1.000 mỹ-kim thôi.

Giống chó ngũ-thê này, ngay chính ở xứ Bắc-Phi từ lâu đến giờ cũng chưa từng thấy có sinh-sản.

Người chủ con chó ấy là một nhà giàu, chỉ-dịnh đòi một giá thật đắt để cho nhà triệu-phú Mỹ nản lòng không thể mua được. Không ngờ, nhà triệu-phú hiếu-kỳ không tiếc tiền, bỏ ngay 3000 mỹ-kim mua liền và ông còn cho thế lá rẻ, vì như ý ông, giá con chó ngũ-thê này đáng 20.000 mỹ-kim mới xứng.

oOo

7— TÀI ĐÓNG PHIM CỦA CHÓ

Các bạn ưa xem chớp bóng đều biết tiếng và chuộng tài đóng phim của con chó « bực-giê » Đức Rintintin đã nhiều lần tỏ rõ trí thông-minh và lòng can đảm của nó. Chủ nó là Lec Duncan một hạ-sĩ ở phi-đội Huê-kỳ, đã bắt nó ở phi-trưởng Tonl (bên Pháp) hồi tháng 9 năm 1918, trong lúc đi tìm một một thửa đất rộng để làm thêm sân bay. Ông chịu khó chăm nuôi nó, và có lần đã hy-sinh 1/3 lương để mua sữa nuôi chó.

Sau khi giải ngũ, Duncan quay về xứ Californie, đem theo được cả chó Rintintin cùng về. Rintintin hết lòng chiều chủ và được chủ săn sóc huấn luyện rất thành thực. Một người láng giềng quý của chủ nó là Charles Jones là một nhiếp ảnh-viên quay phim, nhận thấy nó có thể đóng phim được, nên có điều-định với chủ nó về việc này. Duncan nhận lời, và trong một cuốn phim về cuộc thi chó nhảy cao, con Rintintin được nhất, nhảy cao tới 3m58. Nó chạy cũng rất nhanh, như tên bắn, và trong cuốn phim đầu nó đóng trò, chủ nó đã nhận được số tiền lãi là 350 mỹ-kim. Một lần khác, Rintintin đóng trò trong một cuốn phim ngắn, đứng trên cao 9 thước tây, mồm ngậm một quả tạ nặng 1kg300 nhảy xuống đất nhẹ nhàng như không.

Từ đó, Duncan chuyên dạy chó Rintintin đóng phim. Hãng điện-ảnh War-

ner Brothers nhận việc đóng phim của hai thầy trò Duncan khởi-nghiệp rất nhanh, vì mỗi truyện phim có Rintintin đóng giá độ 50.000 mỹ-kim, mà tiền lãi thu tới 400.000 mỹ-kim.

Rintintin đóng phim rất lành nghề, không kém gì người, nó cũng rất thông minh: muốn giao cho đóng một vai trò gì dù khó-khăn đến đâu, chủ nó chỉ cần giảng bảo qua, hoặc cầm miếng phần vẽ lên bảng chỉ-dẫn mọi điều cần thiết là nó nhập tâm ngay.

Không bao lâu, chủ nó trở nên nhà triệu-phú, không những nhờ vì tài Rintintin đóng phim, lại còn nhờ những hợp đồng ký-kết với nha Vô-tuyến truyền-hình và các hãng buôn dùng hình Rintintin để đặt tên hàng hóa. Chủ nó rất mẫn-nguyện và chính nó có lẽ cũng tự-hào đã làm hài lòng hàng triệu khán-gia màn bạc khắp năm châu. danh tiếng đâu kém những minh-tinh lành nghề.

Gần đây, ở Hollywood (Mỹ), người ta còn mở riêng một trường huấn-luyện chó đóng phim. Số « tài-tử 4 cẳng » này, lành nghề hiện giờ ở phim-trường Hollywood có tới 250, mà lương-bổng cho các « nghệ-sĩ » đó vào khoảng 250 000 mỹ-kim. Nghệ-sĩ 4 cẳng xuất-sắc nhất gần đây là con chó Lassie. Con Lassie đóng phim một cách hoàn toàn khéo-léo, không kém gì con Rintintin thuở trước, và nhờ tài nghệ diễn-xuất, nó đã thu về hàng năm cho chủ một số tiền là 50,000 mỹ-kim.

Nổi tiếng trên màn bạc, Lassie lại còn được mời đến các đài phát-thanh giúp việc để diễn những vở bi hài kịch về chó. Thanh-danh của nó mỗi ngày một lan rộng, thực đã làm rạng rỡ cho hạng « tài-tử bốn chân » này.

oOo

8— TÀI TRINH - SÁT CỦA CHÓ

Xưa và nay, chó vẫn được coi là bạn chí-thiết bảo-vệ cửa nhà và gia-súc cho loài người. Gần đây, người ta đã lợi-dụng tài thính mũi mầu-nhiệm của chó và đã huấn-luyện một cách khoa-học để phục-vụ quân-đội và các cơ-quan an-ninh.

Những nước bên Âu-châu đã từng thí-nghiệm việc dùng chó vào công cuộc tìm ra manh mối các vụ án. Ngày nay, chó được huấn-luyện rất thành-thực sắp vào cơ-ngữ hần hỏi để tìm vết tích, theo rõi bắt kẻ phạm tội gian phi, hay tìm manh mối về những vụ nghi-án.

Trong quân-đội, chó giúp đặc-lực để tìm ra kẻ phá-hoại, báo trước cuộc phục-kích, canh gác các yếu-diểm quân-sự (kho đạn dược, kho súng, trường bay, kho quân-cụ...), đi tuần-tiểu hoặc làm thông-tin viên. Nhờ thân-hình thon và thấp cùng tài nhanh nhẹn đặc-biệt, chó đã vượt

qua muôn ngàn hiểm-nghèo trên những nẻo đường rất khó đi lại mà không bị địch-quân hay biết hoặc bắt được.

Ở Mã-Lai, người Anh ưa dùng chó đề canh gác, tuần-tiểu, xung kích và dò đường. Ở Triều-Tiên, chó đã làm giảm được 50% số thiệt hại về quân-sĩ và cứu-vãn được hàng triệu mỹ-kim về quân-cụ.

Ở Pháp, người ta đã mở những trung-tâm huấn-luyện những chó ra trận ở Lynx và Suippes. Riêng ở Suippes, 2.000 chó trận được huấn-luyện, và đã được gửi đi Bắc-Phi giữ nhiều nhiệm-vụ riêng biệt như :

- 1) vận tải dụng cụ và đạn dược ;
- 2) kéo xe một mình hay từng đoàn (chở từ 150 đến 300kg.)
- 3) liên lạc mang thư tín ;
- 4) cứu thương ;
- 5) canh gác tù binh hoặc địa điểm quân-sự ;
- 6) mở đường hoặc dò mìn ;
- 7) theo binh sĩ đi tuần tiểu và dò tìm nơi địch quân mai phục ;
- 8) quấy rối và bắt địch phải xuất hiện.
- 9) nhảy dù, truy kích hay xung kích.

Nói tóm, tài trình sát của chó đã giúp cho quân đội biết bao nhiêu nhiệm vụ nguy hiểm khó khăn.

oO

9— DÙNG CHÓ LÀM CẢNH BINH.

Tại Tích-Lan (Ceylan), năm 1948, người ta đã huấn luyện chó trở nên những "cảnh-khuyên" lành nghề. Muốn thế người ta lựa chọn những con chó thông minh thính mũi, có sức dẻo dai bền bỉ, dễ dạy, nhanh nhẹn và gan dạ. Chó thuộc giống Alsace và Labrador được nha Cảnh sát Tích Lan ưa dùng hơn cả, vì chúng gồm đủ những đức tính nói trên. Huấn-luyện-viên phải là người kiên nhẫn và có biệt tài mới dạy dỗ thuần thục từng bầy chó (12 con) của Tích-Lan, khiến chúng chỉ nguy hiểm đối với kẻ phạm tội mà thôi.

Trong mấy năm gần đây, bầy cảnh-khuyên này đã lành nghề cộng sự cùng nha cảnh sát Tích-Lan. Chúng nghiêm nhiên trở nên một bộ phận quan trọng trong guồng máy trình thám của xứ này (như tìm tội phạm, tìm những tài sản, đồ vật bị trộm cắp v.v...). Cảnh sát Tích-Lan, cũng như cơ quan ở các nước khác nhận thấy chó còn đặc lực hơn người ở chỗ cảnh cáo kẻ gian-phi. Thực thế, một cảnh khuyển lực lưỡng với bộ răng nhọn hoắt, đôi tai linh động, cặp mắt dữ dội và hiểu chiến, thoát một cái lay đã nhẩy lên vỗ họng kẻ gian phi, khiến hẳn kinh hoàng rụng rời hơn là họng súng chia vào người.

oO

10— TÀI LÀM XIẾC CỦA CHÓ.

Ngoài những biệt tài nói trên của chó, như tài trình sát viên, tài đóng phim ảnh v.v... chó còn có thể làm những trò vui lạ rất tài tình, không kém chi những tài-tử trong các gánh xiếc.

Nhờ sự huấn luyện khéo léo, có những con chó biểu diễn rất ngộ nghĩnh trên lưng ngựa, trong khi ngựa chạy nước kiệu. Lại có con chó, như con Tobby ở nước Đức, biết giữ thăng bằng để cho 3 cái chén và 3 cái đĩa trên đầu không đổ vỡ. Nó còn hiểu hết cả tiếng Đức tiếng Anh, cũng biết làm nhiều trò vui giống như người. Lại có con, như con Chouchou ở nước Hung-gia-Lợi, biết lái xe hơi, đánh máy chữ và đánh đàn dương cầm rất tự nhiên và nhanh nhẹn.

Ở một gánh xiếc nước Pháp, có một con chó xù được khán giả đặc biệt hoan nghênh vì lối đi dầy và nhẩy dầy giữa không trung của nó. Con chó này có thể nhẩy từ sợi dây này sang sợi dây khác rất nhẹ nhàng, không té ngã bao giờ. Nhờ trò biểu diễn này; đoàn xiếc đã thu được rất nhiều tiền của người đi xem

oO

11— NẠN NUÔI CHÓ DỮ Ở THỔ-NHĨ-KỲ

Nước Thổ-nhĩ-Kỳ, sau khi tuyên cáo chế-độ Cộng-Hòa vào năm 1922, đã có lần phải thắt mắc lo giải-quyết đem thả lên đảo Oxya 60.000 con chó giống Skilo để tránh một tai-nạn lớn cho dân.

Vốn giống chó Skilo là một giống chó Thát-Đát, theo quân Mông-Cổ sang xâm-lược Thổ-nhĩ-Kỳ, rồi bị bỏ lại ở nước này. Chó Skilo hình dáng gần như sai-lang, tính rất hung-ác. Chúng ngang-nhiên tự-tập ở các đường phố, tranh nhau, miếng ăn, cắn sủa ầm ỹ làm mất cả sự an-ninh và giảm về mỹ-quan của thủ-đô Thổ-nhĩ-Kỳ. Trong thời quân-chủ bộ Lục-quân phải phụ trách việc nuôi giống chó này. Đến thời Cộng-hòa, việc ăn uống của chúng đã chiếm một ngân khoản khá-nặng trong ngân-sách, nên Quốc-Hội Thổ phải đem ra thảo luận. Mới đầu, Quốc-Hội dự tính giết chúng cho nhẹ gánh, nhưng các tín-đồ Hồi-giáo trong nước lại kịch-liệt phản đối. Giữ nuôi giống này thì không ai nuôi nổi, vì chúng hung hăng tham ăn vô cùng; bỏ chúng thì chúng sục sạo khắp nơi; mà nếu giết chúng lại một khu-vực riêng, thì chúng cắn sủa inh ỏi suốt ngày đêm, dân-chúng không sao chịu nổi.

Cuối cùng, Chính-Phủ đành phải dùng tàu chở tất cả giống chó này tới đảo Oxya là một hoang đảo giữa bể cả. Quân-đội Thổ hàng ngày vẫn phải lo cung cấp lương thực cho chúng, tưởng thế là đủ, nào ngờ lại khuấy quên không nghĩ đến việc cung cấp nước ngọt. Vì thế chỉ nửa năm sau, 60.000 chó Skilo chết mòn mỏi, chỉ còn sống-sốt một vài con...

Song cũng bớt được một tai nạn cho dân Thô-nhĩ-Kỳ.

oOo

12— NHỮNG CUỘC « ĐẤU CHÓ » Ở NHẬT

Tại Nhật-Bản, ở sân vận-dộng Omiya, một châu-thành nhỏ tại phía bắc Đông-Kinh (Tokyo), có lập một trường « đấu chó », rất nổi tiếng. Những cuộc đấu chó này, vốn có từ xưa ở Nhật và nay đã thành một tục-lệ.

Cứ mỗi năm ba lần, đúng vào ngày tháng ấn-định trước, có mở tại nơi đó những cuộc tranh-hùng của chó, chẳng khác chi mấy những cuộc chọi chim chọi gà hoặc chọi trâu ở nước ta.

Trong những cuộc đấu tài thử sức này, không những người ta nô nức đi xem cho biết con nào vô-dịch trong lúc cắn nhau, lại còn thích xem con nào cắn lộn mà có nghệ-thuật.

Điều lệ tranh đấu rất giản-dị : hễ khi nào tranh-hùng (thường kéo dài đến 20 phút), nếu một trong hai con rên la lên tiếng, con đó sẽ coi là bị thua cuộc, miếng đòn nguy hiểm nhất trong cuộc đua tài là tấp được vào hai lỗ tai của địch.

Đò cũng là một cuộc giải-trí riêng của người Nhật và còn thêm có ý-nghĩa đáng khen, vì trong cuộc tổ-chức tranh hùng của loài khuyển, số tiền thu vào cửa sẽ sung vào quỹ cứu-trợ những chó đau-yếu hay bị bỏ hoang vô thừa nhận.

oOo

13— ĐÀI KỶ-NIỆM CHÓ TẠI PHÁP

Tại Pháp, trong hồi đại-chiến thứ hai, một người Pháp (không rõ tên) có nuôi được một con chó, đặt tên là Fido. Nó rất mến chủ nó, và ngày ngày phòng-đoán giờ chủ nó đi làm về, tự nó ra bến xe ô-tô-buýt để chờ đón chủ nó,

Bỗng một hôm, chủ nó không may bị tử-nạn trong một trận dội bom của phe địch vào năm 1943. Từ đó dù không còn thấy bóng dáng người chủ nó ở bến xe mỗi khi tan việc sở, nhưng ngày nào cũng như ngày nào, con nghĩa Fido vẫn không quên đến chỗ cũ để chờ đón người chủ thân yêu của nó đã ra đi, không hẹn ngày... Ròng rã suốt mười bốn năm trời, con chó Fido vẫn không quên được mối sầu ly biệt và không ngày nào người ta thấy vắng mặt nó tại bến xe.

Rất cảm thương lòng trung-nghĩa thành-tín của nó, nên dân làng Muco-Di-Mugello đã tặng-thưởng huy-chương cho chó Fido. Mới đây dân làng Borgo-San-Lorenzo, cũng đã xây đài kỷ-niệm cho con nghĩa-khuyển này.

Dầu sau, chó Fido không chút vui mừng khi được khen-thưởng, vì đời nó đã mất một người chủ thân yêu nhất mà không sao tìm lại được ở cõi trần-gian.

oOo

14— BIA KỶ-NIỆM CHÓ TẠI VIỆT-NAM.

Nhà Chí-sĩ Phan-bội-Châu, khi buộc lòng lui về ở Bến-Ngự, có nuôi hai con chó rất có nghĩa : một con tên Vá, một con tên Ky.

Con Vá, Cự có viết lịch sử nó, tiếc nay thất lạc chưa tìm được nguyên cảo. Có lần, người ở trong nhà thấy Cự ngủ mê, lén vào nơi giường cự nằm, đánh cắp chiếc ví đựng tiền, song vừa bước ra khỏi cửa phòng, con Vá nhảy xổ tới cắn đũa gian phi lòi lại, và sủa lên. Nhờ thế cự giật mình tỉnh dậy, còn đũa gian phi bị bắt quả tang cũng hết đường chối cãi.

Cự quý hai con chó vô cùng. Khi nó chết, Cự có dựng cho nó tấm bia kỷ-niệm.

Trên bia mộ con Vá cự đề :

— « Nghĩa-dưng cầu Vá chi chủng .

Còn tấm bia khắc lời minh chữ Hán như sau :

« Duy dưng giả kiên cường tác đấu, duy nghĩa giả tận trung ư chủ, ngôn giả đa hành hữn câu, nhân thả nhiên, hưởng ư cầu duy như bàng nữ kiem nhi hữu. Khởi hược thù tai, diện nhân tâm thú dụng thi thể nhiên, thụ bi như mộ .»

Bia dịch ra quốc văn như sau :

« Vì có dưng nên liều chết phẫn đấu, vì có nghĩa nên trung thành với chủ, nói thì dễ, làm thì khó, người còn vậy, hưởng gì chó.

Ôi ! con Vá này đủ hai đức đó, há như ai kia mặt người lòng thú ; nghĩa thế mà đau, dựng bia mộ nó.

Trên bia mộ con Ky cự đề :

« Nhân trí cầu chi chủng .»

Còn tấm bia khắc lời minh chữ Hán như sau :

« Cận nhân giả thường bản ư trí, cận trí giả thường bản ư nhân, nhân trí lưỡng bị nan hỷ tai ! Há vật súc nhân nữ kiem nhi hữu. Đồng sự nhất chủ tác cốt nhục thị chi, vô miêu cầu chi giới, nhân dã. Kiến phí kỳ chủ tác cừu địch chi, hóa lợi bất năng nhĩ. trí dã, Nhân thả trí, như vật nhi nhiên. Thiên hồ ! Thiên hồ ! Như mai bất thọ ! Thụ lộc sở cảm ư như mộ. Bĩ nhân nhi thú giả, thi như đương hà như ! Nam lịch Đinh-sửu-nguyệt nhật, chủ nhân Sào-Nam chí.

Bia dịch ra quốc-văn như sau :

« Người hơi có đức nhân thường kém về phần trí ; người hơi có đức trí thường hay kém về phần nhân. Vừa trí vừa nhân thật là hiếm thấy ! Ai ngờ con Ky này đủ hai đức đó : thấy không phải chủ thì xem bằng cừ thù, chẳng bao giờ vì miếng ăn dẫn dụ, thực là trí đó !

Trí vừa nhân, nhân vừa trí. trong giống súc và người, e đến may mới thấy ! May sao sao vội chết ! Hỡi trời ! Hỡi trời ! Lòng ta đau đớn phải tặc mấy lời. Đau đớn quá ! Đau đớn quá ! Kia những hạng muông người ! »

Giữa thời đại ấy mà lợi lộc dễ làm đen lòng người, đọc những bia mộ hai con chó của cụ Phan-sào-Nam, ai nào không khỏi tê tái chua xót trong lòng !

oOo

Ngoài những truyện về chó kể trên đây, hoặc truyện ngụ-ngôn, hoặc truyện cổ thật, lược-thuật cách xử-thế tiếp vật của người xưa và nay, hoặc minh-chứng lòng trung thành, trí thông-minh hay nét hung-ác tham-tàn của loài chó, tôi xin lược kể thêm sau đây ít nhiều câu tục-ngữ ca-dao, và thi-ca Việt-Nam có liên-quan đến truyện chó nhà chó người, có ngụ-ý cảnh-tình trào-lộng hoặc chiêm-nghiệm của người đời, âu cũng là đĩa mứt ngũ-vị, đủ các vị cay chua ngọt bùi, hiến thêm bạn đọc giữa buổi xuân về.

oOo

A— THÀNH-NGŨ, TỤC-NGŨ, PHƯƠNG-NGÔN

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| — Chó cắn quanh | — Chó cắn ma, |
| — Chó cắn trộm | — Chó trèo chạn |
| — Chó đen như mực | — Chó già giữ xương |
| — Chó ngáp phải ruồi | — Chó nhầy bàn đợc |
| — Chó chết hết căn | — Chó chết hết truyện |
| — Chó cùng dứt giậu | — Chó cắn áo rách |
| — Chó chạy đường quai | — Chó đá vẩy đuôi |
| — Chó treo mèo đậy | — Đánh chó nó chúa |
| — Chó chui gậm chạn | — Chó khờ mèo lạc |
| — Chó chạy cong đuôi | — Chó chạy trước hươu. |
| — Chó quen liếm mắt | — Chó có vẩy lĩnh |
| — Hàm chó vó ngựa | — Chửi mèo quèo chó |
| — Lén voi xuống chó | — Mèo đàng chó điếm |
| — Chó săn chim mồi | — Chạy như chó dại. |

- Đã khó, chó cắn thêm.
- Chó kiêng nhai xương chó,
- Buồn phân bán cho chó.
- Đánh chó đá vãi phân
- Voi đủ, chó cũng đủ,
- Gà què bị chó đuổi.
- Chó tha đi, mèo tha lại,
- Chó liềm da, gà liềm xương.
- Chó ghe có mỡ đặng đuôi.
- Chó nhà nào sủa nhà nấy.
- Chó cắn thì chia con ra.
- Treo đầu dê bán thịt chó,
- Lâu-bầu như chó học xương.
- Loanh-quanh như chó nằm chờ.
- Ngoe-nguầy như chó vẩy đuôi.
- Nhăng-nhăng như chó cắn má.
- Gặm-gù như chó cắn trộm.
- Tiu-ngheo như chó cụt đuôi.
- Chồm chộp như chó tiền rươi,
- Léo-nheo như chó đẽo thớt.
- Lầm-lầm như chó ăn vụng bột.
- Gặm gù nhau như chó với mèo.
- Lâu nhàu như chó ăn vãi mắm.
- Rậm-rạt như chó tháng bảy.
- Năng thảng ba, chó già lè lưỡi.
- Chó giữ nhà, gà gáy trống canh,
- Chó cậy gần nhà, gà-cậy gần chuồng.
- Chó có từ phân, người mới từ cửa.
- Chó dại có mùa, người dại quanh năm.
- Mài dao dạy vợ, giết chó khuyến chồng.
- Chó bậy bán cò, đờ mặt tương.
- Một tiếng kêu cha, ba tiếng kêu chó.
- Bán gà trời gió, bán chó trời mưa.
- Dâu dừ mắt họ, chó dừ mắt láng giềng.
- Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì giầu.
- Chơi chó, chó liếm mắt ; chơi cò, cò mổ mắt.
- Gái phải hơi trai, như thài lòi phải phân chó.
- Con không chê cha mẹ khó,

Chó không chê chủ nghèo.

- Lạc đường thì nằm dưới chó,
Lạc ngõ thì nằm dưới trâu.

B— CA ĐAO.

- Chó đâu có chó sủa không,
Chẳng thẳng ăn trộm, cũng óng ăn mảy.
- Mèo hoang lại gặp chó hoang,
Anh đi ăn trộm, gặp nàng bứt khoai.
- Chó gầy hở mắt người nuôi,
Tớ gầy, hở mắt chúa tôi chẳng là.
- Trách thay con chó sủa dài,
Sủa nguyệt sơn đầu, sủa bóng trăng thanh.
- Tuổi tuất là con chó cò,
Năm khoanh trong lò, đầu dit lọ lem.
- Con gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi.
Con chó khóc đứng khóc ngồi,
Mẹ ơi! đi chợ mua tôi đồng riêng.
- Sống ở trên đời, xơi khúc đời chó,
Chết xuống âm-phủ, biết có hay không?
- Đi đâu sao chẳng cầm que,
Đề chó cắn què, còn khóc kêu chi?

C— THI CA.

- Xưa còn răng cứng, mong ăn vụng,
Nay đã hàm tro, hết gặm xương. (Chó già)
- Văn văn xác còn phơi lần đần,
Thúi-tha danh hỡi nổi lêu-bếu. (Chó chết trôi)
- Chó chực bữa cơm, rơi nước mắt,
Chuột rình hũ gạo, rụng lông nheo. (Cánh nhà nghèo)
- Một lòng thờ chúa ngân cân nặng,
Bền vững ai lay cũng chẳng dời. (Chó đá)

ĐOÀN-THỊ-ĐIÊM

(1705 — 1748)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 27)

PHẠM-XUÂN-ĐỘ

II VĂN-PHẨM.

— Ngoài các lời xướng-họa kể trên, sách "Đoàn-thị thực-lục" còn chép: "Trong khi nhàn-hạ, bà ngâm nên thiên hay, câu đẹp, kể hàng chục hàng trăm". Trương-truyền bà đã cùng chồng, xếp đặt thi văn của bà làm ra thành tập. Song các bài ấy, phần nhiều soạn bằng Hán-tự, nay không còn bút tích gì.

— Bà còn chép những truyện lạ của nước ta, những truyện truyền-kỳ như: "Hạt-khâu linh-tử" tức là nữ-thần Chế-Thắng, "Vân-cát thần-nữ" tức là bà Liễu-Hạnh, "An-ấp liệt-nữ" tức là vợ thứ Đinh-nho-Hoàn, "Yến-anh đố-thoại" tức là cuộc nói chuyện giữa chim yến và chim oanh, "Hoành-son tiên-cục" tức là cò tiên trên Hoành-son, "Nghĩa-khuyên thập-miêu" tức là chó nuôi mè. Hiện nay còn bản in sách "Truyện-kỳ tân-phổ", khắc năm 1811, trong có chép ba truyện đầu kể trên của bà, với lời ghi chú: "Văn-giang Đoàn Hồng-hà nữ sĩ làm, và anh là Tuyết-am, Đạm-như, phê-bình".

— Nhưng tác-phẩm có danh-tiếng hơn cả, khiến tên bà vang dội nghìn thu, là bản diễn-nôm cuốn "Chinh-phụ ngâm" của Đặng-trần-Côn, khúc ngâm hiện nay được lưu-truyền trong toàn-quốc và giảng-giải trong các học-đường.

Ít nhiều người trong số đó, có ông Đông-Châu và ông Hoàng-xuân-Hãn, đã nghi rằng: bản diễn ra này là của ông Phan-huy-Ích; thiết tưởng nên tóm-tắt dưới đây, những lý lẽ chính, khiến các vị ấy tin như vậy:

— A/ Bản-dịch. — Ông Đông-Châu là người đầu tiên nêu lên nghi-án đó trong tạp-chí Nam-Phong. Năm 1926 ông tuyên-bố trên mặt báo Nam-Phong là đã nhận được một bức thư về vấn-đề này, của một vị con cháu họ Phan, tức ông Phan-duy-Chiêm. Trong thư có câu: "cụ Phan-huy-Ích dịch ra văn nôm, hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính, vừa chữ vừa nôm". Rồi trong sách "Chinh-phụ ngâm bị khảo", xuất bản 27 năm sau, tức năm 1953, ông Hoàng-xuân-Hãn cho biết là ông Chiêm đã nhờ người gửi tới cho ông, một bản phiên-âm ra quốc-ngữ, giống như bản ta thường biết, trừ một số câu khác hẳn, những câu mà ông Hãn cho là nguyên-văn của Phan-huy-Ích.

— b/ Bài thơ ngẫu-thuật. — Ông Chiêm đưa ra một bằng chứng, là sau

khi diễn nôm bản Chinh-phụ tác giả họ Phan có làm một bài thơ ngẫu thuật bằng hán-văn như sau :

Nhân-Mục tiên-sinh Chinh-phụ ngâm,
Cao-tinh dật-điệu bá từ-lâm.
Cận-lai khoái-trá tương truyền-tụng.
Đa hữu thối-xan vi diễn-âm.
Vận luật hạt cùng văn mạch túy.
Thiên hương tu hưởng lạc thanh tâm.
Nhân trung phiên dịch thành tân-khúc,
Tự tín suy minh tác-giả tâm.

Tạm dịch xuôi là :

Đặng-Trần-Côn, người làng Nhân-mục, soạn khúc Chinh-phụ ngâm,
Từ-điệu khác thường được truyền bá trong giới văn học.
Gần đây, ai cũng lấy làm khoái trá mà truyền tụng.
Nhiều người diễn ra nôm :
Nhưng lấy vần và luật, làm sao diễn được tinh túy của mạch văn.
Vậy, phải theo từng thiên, từng chương rồi hợp với các nhạc điệu mà
diễn nôm,

Trong lúc nhàn, ta phiên dịch thành khúc mới
Ta tin rằng đã tỏ được lòng tác-giả.

Ông Đông-Châu thêm rằng : bài thơ hán này hiện còn chép trong bộ "Dụ am ngâm-lục". (1)

— c) Gia-phả. — Sau hết, gia phả họ Phan ghi chép : " Ông (Phan-huy-ích) từng diễn Chinh-phụ ngâm khúc. Nay từ các bậc danh nhân văn-sĩ cho đến trai gái thôn quê ai mà không đọc".

Song, xét ra, tất cả các điểm kể trên không đủ làm bằng cứ đáng tin cậy để chứng-minh rằng Phan-huy-ích là tác giả bản dịch được lưu-truyền :

1º) Bản diễn nôm, bút tích của ông Phan-huy-ích, hiện chưa ai tìm thấy. Vậy sự phán đoán không thể căn cứ vào bản phiên âm ra quốc ngữ, do một vị họ Phan đưa ra, với ít nhiều vẻ khác hẳn trong bản thường thấy, những vẻ có thể do người thời sau làm ra.

2º) Bài thơ ngẫu-thuật của Phan-huy-ích chỉ có thể chứng tỏ rằng : Ông Phan-huy-ích đã dịch nôm cuốn Chinh-phụ ngâm của Đặng-trần-Côn chứ không thể cho biết thêm một điều gì khác. Thực ra, ông Hãn cũng công nhận rằng : có nhiều bản dịch khác nhau, như một của Đoàn-thị-Điễm (1705-1748), một của Nguyễn-Khản (1734-1775), một của Phan-huy-ích (1750-1822).

(1) Ông Hoa Bằng chép là : Dụ am ngâm tập.

Các chữ "tân-diễn", huy "thiên chương thu-hương" không có một ý nghĩa đặc biệt gì, nó không cho ta rõ hơn bản dịch của Phan-huy-ích có thực là bản được truyền tụng không. Tân diễn chỉ có nghĩa là dịch sau kẻ khác chứ không rõ là hay hoặc không hay ; còn phiên dịch thì ai chẳng theo từng thiên từng chương trình của chính bản

3º) Về gia-phả thì ông Hà-nhu-Chi trong cuốn "Việt-Nam thi văn giảng-luận" xuất bản năm 1956, đã viết đại khái như sau : Lời dẫn giải ấy "ta có thể tìm nguồn gốc của nó ở lòng kiêu hãnh quá đáng của kẻ chép gia-phả (hay chép lại) ; khi nói về một người đồng tông-tộc của mình, thế nhân thường hay muốn bênh vực, nên rất có thể kẻ sai sự thực.

Ngoài ra, ta cũng nên biết trong cuốn "Chinh-phụ ngâm bị khảo" ông Hoàng-xuân-Hãn còn viện thêm một "chứng cứ", một chi tiết. Ông Hãn tìm thấy một bản dịch ra chữ nôm, viết tay và chưa từng in lần nào, mà phía trên bản ấy có ghi hai chữ nữ-giới. Ông Hãn cho đó là một khách nữ-lưu "diễn ra" vậy tin bản này là của bà Đoàn-thị-Điễm, rồi kết luận rằng : bài dịch hiện nay được lưu truyền không phải của bà, và tất cả của ông Phan-huy-ích.

Nhưng, xét ngay trang đầu của bản dịch viết tay kia, cả trang được in theo lối khắc ảnh trong cuốn "Chinh-phụ ngâm bị khảo" thì hai chữ nữ-giới ở đây viết là 女戒 (1) tức là khuyên răn bạn gái, chứ không phải 女界 với nghĩa là trong giới nữ-lưu. Mà hẳn khuyên bạn gái thì đàn ông hay đàn bà đều có thể làm được. Và chẳng, tiếng ghép nữ-giới 女界 ta dùng ngày nay để tỏ chung các bạn nữ-lưu, là một từ ngữ mới ; xưa kia, xã hội ta chỉ phân biệt ra bốn giới khác nhau, tức là tứ dân : sĩ, nông, công, thương, nhưng không hề coi giới nữ lưu là một giới riêng biệt trong đoàn thể... Dù sao, lý lẽ do ông Hãn nêu thêm ra, chỉ là một ngộ nhận, không thể chứng minh một điều gì.

Đến đây, ta cần nhắc đến sự nhận-xét rất có giá-trị của ông Thuận-Phong, trong cuốn "Chinh-phụ ngâm khúc giảng-luận", xuất-bản năm 1951, tại Sài-gòn (2). Ông Thuận-Phong thấy có hai áng văn chịu ảnh-hưởng sâu-xa của bản Chinh-phụ ngâm-khúc được truyền-tụng : bài hát nói "Gánh gạo đưa chồng" của Nguyễn-công-Trứ, và bài "Ai-tư vấn" của Ngọc-Hân Công-chúa khốc vua Quang-Trung.

Dưới đây là bài Gánh gạo, mà ông Lê-Thước, trong cuốn "Sự-nghiệp và thi-văn của Ủy-viên tướng-công Nguyễn-công-Trứ" (3), cho rằng Nguyễn-

(1) Chữ giới có thể viết 戒, nhưng lúc đó có nghĩa là lời răn.

(2) Lê-văn-Cang xuất bản, in tại nhà in Maurice, 24, đường Courbet cđ.

(3) In tại nhà Lê-văn-Tân, Hà-nội, năm 1928.

(4) Chim cò còn biết trước sau như một

công-Trứ soạn ra trong khi đi đánh giặc Nùng-văn-Vân, tại Cao-Bằng (1832-1835):

Con cò lặn-lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non.

Lộ diệp vũ từng trung chít nhất, (4)
Thương cái cò lặn-lội bờ sông;
Tiếng nỉ-non gánh gạo đưa chồng,
Ngoài nghìn dặm một trời một nước.
Trông bóng nhạn, băng-khuàng từng bước,
Nghe tiếng quyen khắc-khoảnh năm canh.
Nghĩa tếp tòm ai nữ phụ tình,
On thủy-thò phải đền cho vẹn xứng.
Tràng tên đạn xin chàng bảo trọng,
Thiếp lui về nuôi cái cùng con.
Cao-bằng cách trở nước non,
Mình trong trắng có quý thân a-hộ.
Sức bay nháy một phen nâng nỏ,
Đá Yên-nhiên còn đó chẳng mòn;
Đồng-hưu rạng chép thẻ son,
Chàng nên danh-giá, thiếp còn trẻ-trung.
Yêu nhau khăng-khích giải đồng.

Ông Thuần-Phong nêu lên những chỗ tương-tự, giữa bài này và Chinh-phụ ngâm-khúc điển nôm như sau:

Gánh gạo đưa chồng

- Trông bóng nhạn, băng-khuàng từng bước.
- Nghe tiếng quyen, khắc-khoảnh năm canh.
- Mình trong-trắng có quý-thân a-hộ.
- Sức bay nháy một phen nâng-nỏ.

Chinh-phụ ngâm

- Thấy nhạn lưỡng tướng thư phong. (câu 179)
- Đạo hiền vắng, thăm gieo từng bước. (193)
- Ca quyen ghẹo làm rơi nức mắt. (249)
- Đã lòng trời gìn giữ người trung. (378)
- Tướng chàng trái nhiều bề nâng nỏ. (105)

- Đá Yên-nhiên còn đó chẳng mòn.

- Đồng-hưu rạng chép thẻ son.

- Chàng nên danh-giá, thiếp còn trẻ-trung.

- Yêu nhau khăng-khích giải-dồng.

- Nghìn vàng xin gửi đến non Yên. (210)
- Đỉnh non bia đá đề danh. (383)
- Chữ Đồng-hưu bia đề nghìn đồng, (390)
- Hiền vinh, thiếp cũng được chung hương trời. (392)
- Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ-trung. (368)
- Giữ gìn nhau vui thú thanh bình. (410)
- Ngâm nga mong giữ chữ tình. (411)

Thế mà, Phan-huy-ích (1750—1822) và Nguyễn-công-Trứ (1778—1858) là hai nhà văn đồng-thời, sống dưới hai triều Tây-Son và Gia-Long, lại không hề cùng nhau giao-dịch. Nguyễn-công-Trứ là một thi-nhân lối lạc; lòng tự-trọng không thể để ông vay từ mượn ý của một người đồng-thời; ông chỉ có thể chịu ảnh-hưởng của một kẻ tiền-bối, bà Đoàn-thị-Điềm (1705-1748), sinh trước ông hơn 70 năm.

Còn bài Ai-tư vấn cũng có nhiều điểm phảng-phất giống như Chinh-phụ ngâm, như bản đối chiếu (1) sau đây chứng tỏ:

Ai-tư vấn

- Tướng phong-thẻ xót-xa đòi đoan,
- Mặt rờng sao cách-gián lâu nay!
- Có ai chốn ấy về đây,
- Nguồn con xin ngõ cho hay được dành. (57-60)
- Kiếp này chưa trọn chữ duyên,
- Ước xin kiếp khác vẹn duyên lửa hương. (63-64)

Chinh-phụ ngâm

- Kề năm đã ba tư cánh-diễn,
- Mới sầu thêm nghìn vạn nguồn-ngang.
- Ước gì gần gọi tấc gang,
- Giải niêm cay đắng để chàng tỏ hay. (165-168)
- Ấy loài vật tình duyên còn thế,
- Sao kiếp người nữ đề đầy đây.
- Thiếp xin về kiếp sau này,
- Như chim liền cánh, như cây liền cành (361.364)

(1) Tài-liệu trích trong cuốn Chinh-phụ ngâm-khúc giảng luận của Thuần-Phong.

— ... *Đương theo, bóng tiêng gà*
sực tỉnh

— *Đau-đớn thay, ấy cảnh chiêm-*
bao!

— *Mơ-màng thêm nỗi khát-khao,*

— *Ngọc-kính chốn ấy, ngày nào*
tới nơi? (93-96).

— *Trông mái đồng: lá buồm xuôi*
ngược,

Thấy mênh-mông những nước cùng
mây;

Đông rồi thì lại trông tây,
Thấy non ngàn-ngất, thấy cây
rườm rà.

Trông nam thấy nhận xa lác-dác
Trông bắc thì ngàn bạc màu sương!

Nọ trông trời đất bốn phương,
Cối tiên khơi thăm biết đường nào
đi.

(113-120)

— Giận thiếp, thân lại không
bằng mộng,

— Thời gần chàng bển lũng,
thành Quan.

— Khi mơ những tiếc khi tàn,

— Tình trong giấc mộng, muốn
vần cũng không. (265-628)

— Trông bển nam, bãi che mặt
nước,

Cỏ biếc um, dâu muốt màu xanh,
Nhà thôn mấy xóm chông chênh

Một đoàn cò đậu trước ghềnh
chiều hôm.

Trông đường bắc, đôi chòm
quán khách.

Rườm rà cây, xanh ngắt núi non.
Lúa thành thoi thếp bên cồn,

Nghe thời ngọc địch véo von
bên lầu.

Non đồng thấy lá hầu chất
đống,

Trĩ sộp soè. mai cũng bẻ bai.
Khói mù nghi-ngút ngàn khơi.

Con chim bặt gió, lạc loài kêu
thương.

Sông tây thấy nước dường uốn
khúc,

Nhận liệng không, sóng gục
thuyền câu.

Ngàn thông chen chúc khóm
lau,

Cách duềnh thấp thoáng người
đâu đi về.

Trông bốn bề chân trời mặt đất.
Lên xuống lầu thăm thoắt đôi

phen.
Lớp mây ngưng, mắt muốn nhìn,
Biết đâu bờ cõi là miền Ngọc

môn

Cậy ai có phép gì tới đó,
Dâng vật thường, xin ngõ lòng
trung,

Này gương là của Hán cung;
Ơn trên xưa đã soi chung đời ngàn.

Duyên hảo hiệp xót này nên lẽ,
Bụng ai-hoài vội ghé ờ đâu?

Xin đưa gương ấy về chiều,
Ngõ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.

(131-138)

Cảnh ly-biệt nhĩiã phần bát-ngát,
Mạch sấu tuôn, ai tát cho vơi!

Càng trông càng một sa vôi,
Tấm lòng thăm thiết, chín trời biết
chẳng?

Buồn trông trăng, trăng mờ tủa:
Gương Hằng-Nga đã bụi màu trong!

Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,
Thiên duyên lạnh lẽo, đềm đòng
biên hà,

Buồn xem hoa hoa buồn thêm
thẹn:

Cánh hát đường đã quỵên gió sương.
Trông chim càng dễ đo an trường:

Uyên ương chiếc bóng phương-
hoàng lẽ đôi.

(145-156)

— Thoạ cung hận Hán, thuở
ngày xuất giá,

Gương lầu Tần, dấu đã soi
chung.

Cậy ơi mà gửi tới cùng,
Đề chàng thấu hết tấm lòng

tương tư?
(169-172)

— Hương gương đốt, hồn đà
mê mãi,

Gương gương soi, lệ lại chứa
chan.

Sắt cấm gương gãy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phím loan

ngại chùng.
(207-208)

Hoàng-giải nguyệt nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng

bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng

trùng
Trước hoa dưới nguyệt, trong

lòng xiết đau
(225-228)

Chàng chẳng thấy chim uyên ở
nội,

Cũng dập diu, chẳng vội phân
trương.

Chẳng xem chim én trên tường,
Bạc đầu không nở đôi đường

rẽ nhau.
(349-352)

Thế mà, bài Ai Tư Văn của Ngọc Hân Công-chúa (1770-1799), được viết ra năm vua Quang Trung thăng hà, tức là năm nhâm tí, hay năm 1792 dương lịch. Còn bản tân khúc của Huy Ích, thì ông Hoàng thúc Trâm đã cố tìm ra khai sinh của nó. Trong cuốn "Quốc văn đời Tây sơn" ông Trâm, tức Hoa Bằng, cho ta biết: bài "Tân diễn Chinh phụ ngâm khúc thành ngẫu thuật" của Phan huy Ích, là một trong các bài rút ở tập thơ "Văn du tùy-bút" tức là cuốn thứ sáu của "Du am ngâm tập". Thế mà Văn-du tùy-bút gồm những bài làm từ năm giáp-tị đến năm giáp tuất, tức trong khoảng 1804-1814. Hơn nữa, trong

tập Văn du tùy bút, ngay sau bài "Giáp tí nguyên đán thí bút" (1) và bài "Sách phong lễ hoàn kỷ sự" (2). Ông Ích đã viết đến bài ngẫu thuật kê trên. Vậy, bản dịch của ông Ích tất ra đời vào khoảng 1803-1804. Như thế, bài Ai Tư Văn đã ra đời trước bản dịch của Huy Ích hơn mười năm, và lẽ dĩ nhiên, không thể nào bắt chước một bài, lúc ấy, chưa có. Ngọc Hân Công Chúa chỉ có thể chịu ảnh hưởng của Đoàn thị Diễm, một bậc tiền bối (1705-1748).

Theo ông Thuần Phong, với hai chúng có vưa kê, Đoàn thị Diễm phải là tác giả của bản "Chinh phụ ngâm-khúc" hiện hành.

Với lời truyền tụng và các chi tiết trên đây, ta vẫn có thể tin rằng bà Đoàn thị Diễm là dịch giả biệt tài của khúc Chinh phụ ngâm.

Còn nữa

- (1) Tết Giáp tí thí bút năm 1804,
(2) Chỉ việc làm lễ sách phong đã xong.

Ca dao

Xuân đi xuân đã về rồi,
Chơi xuân ta chớ để hoài mất xuân.
Bước đời Phải liệu mau chân,
Kéo mai thu tới thì xuân không còn.

oO

Hoa ơi! hoa ở trên cành,
Vì đâu mưa gió tan tành, hoa ơi!
Thương hoa lại ngán cho đời.
Kiếp trần này biết bao người giống
hoa?

Á-Nam Trần Tuấn Khải

GIÁ-TRỊ NGHỆ-THUẬT TRONG CA-DAO

(Tiếp theo V. H. N. S. số 27)

PHẠM-VĂN-DIỆU

2) ÂM-ĐIỆU

Một câu nói thường còn cần phải xuôi tai. Một câu văn viết ra, trong ấy đã phải tổ-chức sắp đặt chữ trước chữ sau, sao cho đọc dễ nghe, thì một văn thơ cần phải lựa chọn cẩn nhắc âm-thanh hơn nữa, phải là một hình-tượng của cái đẹp.

Sự hiểu biết tối-thiểu mà người ta bắt buộc nhà thi-sĩ là hiểu biết luật thơ, tức là biết cách sắp đặt phân-phối những thanh-âm bằng trắc, và tiết-tấu trong câu thơ...

Ví-dụ như câu ca-dao :

*Ngồi buồn vọt nước, giong trăng,
Nước xao trắng lặn, buồn chẳng hỏi buồn!*

Mà ta sửa ; Ngồi buồn vọt nước, đùa trăng, Nước xao trắng lặn : cảnh thật là buồn, thì khó nghe biết mấy ! Dân-tộc đã tìm đến những thể thơ biểu-diễn tâm-hồn mình rất thích-hợp. Mà cái đặc-biệt nhất của ca-dao là hình-thức của điệu lục-bát, hoàn-toàn không chịu ảnh-hưởng của thi-pháp Trung-hoa, lại còn ăn nhịp khuôn hợp với lối văn trữ-tình, vì đó là một thể thơ, mềm-mại, nhiều âm bình hơn âm trắc, tràn đầy tình cảm như tình quê hương đất nước...

Chính thể văn lục-bát ấy đã cột liền vận-mệnh với thi-ca cũ nước ta. Chúng có là Truyện Kiều sở-dĩ được nhiều người đọc, và nhớ thuộc lòng là vì một phần nó tựa vào thể văn lục-bát.

1) Thể văn lục-bát nhịp nhàng, dễ nhớ, và không trôi buộc khó khăn, nên người bình-dân Việt-nam trong khi làm việc đã có thể ca hát cả đoạn thơ dài. Có những đêm giã gạo, hò hát, đối đáp với nhau suốt sáng.

Nhưng giữa dân-gian quan-niệm về thể văn có khi được tự-do, rộng-rãi phóng túng hơn phạm-vi của các nhà thi-sĩ gò bó theo lệ-luật nơi trường ốc. Thường thì vẫn theo lục-bát : câu sáu rồi câu tám. Nhưng lúc cần thì câu trên 5 hay 6, 7 chữ, câu dưới 7 hay 9, 10 chữ cũng được.

Ví-dụ :

Bờ bạn nhân tình ơi! 5
Thân em như cái quả xoài trên cây 8

hay :

Thương nhau tam tứ núi cũng trèo, 7
Thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua. 10

Lại như :

Công anh đắp nắm tròng canh, 6
Chàng được ăn quả vinh cảnh cho cam. 8
Xin đừng ra dạ Bắc Nam, 6
Nhất nhật bất kiến như tam thu hề 8
Hương tam thu nhị bất kiến hề, 7
Đường kia nổi nọ như chia mối sầu. 8
Chắc về đậu đã hẳn hơn đậu, 7
Cầu tre vững nhịp hơn cầu thượng-gia. 8
Bắc thang lên thử hỏi trăng già, 7
Phải rằng phận gái hạt mưa sa giữa trời 9

2) Nhất là người bình-dân hay thêm những chữ thì, mà, chứ, là...
dùng làm tiếng đệm cho thêm dây dưa, êm-ái tùy khi hát, tùy điệu hát :

Muốn tắm mát (thì) lên ngọn sóng Đào,
Muốn ăn sim chín (thì) vào rừng xanh ...

hoặc :

Sáng trăng vắng-vắc (cái đêm) hóm rằm,
Nửa đêm (là đêm) về sáng, (chứ mới) trăng (bằng) là ngọn
(cây) tre.

Anh (trót) yêu em cho trọn (chứ bên) một bề,
Đề em, (là em) thơ-thần (chứ mới) ngồi kể (trăng này) bóng
trăng.

(Cái sự) tình này ai thấu (chẳng là) cho chẳng ?

Đề em (là em) thề nguyện (chứ với) bóng trăng (em) chịu sầu).

(Cái) mối, tương-tư một dịp (chứ) đôi ba cầu,

Bắc Nam (mà) hai ba ngã, (chứ) chịu sầu đôi ba nơi.

Chim khôn chết mệt về môi,

Nó kêu réo-rất ghẹo người tình-nhân.

Bấy lâu (nay) vắng vẻ Châu-Trần,

Đề em tạm chút chơi xuân kéo giá.

3) Nhưng không phải ca-dao chỉ có thể lục-bát. Những thể thơ khó hơn,
ca-dao vẫn dùng đến : như song-thất lục-bát.

Ví-dụ :

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm-xuân.

Nụ tầm-xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay !

4) Những âm-luật tương đối dễ-dàng của thể lục-bát, văn-học dân-gian
có khi còn không khuôn-nắn theo, thì cố-nhiên với những luật khó-khăn của
song-thất lục-bát, lại càng bất chấp :

Ví dụ :

Đêm đông trường em nghe con vượn cầm canh, 9
Nghe chim khuyên tỏ, nghe anh khuyên nắng. 8
Giàu giữa làng trái duyên khôn ép, 7
Khó nước người phải kiếp tìm đi. 7
Tiền trăm bạc chực kể chi ? 6

hoặc :

Trông-trần như nón không quai, 6
Như thuyền không lái như ai không chèo. 8
Gái có chồng như gông đeo cổ, 7
Gai không chông như phản gỗ long đanh. 8
Phản long đanh anh còn chữa được, 7
Gai không chông chạy ngược chạy xuôi. 7
Không chông khôn lăm, chị em ơi ! 7
Bờ bạn nhân-tình ơi ! 5

5) Nhưng văn-học dân-gian vốn không cứng rắn, ước thúc trong qui-luật
của âm-vận, của thi-pháp nhất-định, còn dùng nhiều thể thơ xen lẫn với nhau.

Ví dụ : Câu bốn chữ hòa-hợp với thể lục-bát :

Quả cau nhỏ-nhỏ, 4
Cái vỏ vân vân, 4
Nay anh học gần, 4
Mai anh học xa, 4
Lấy anh từ thuở mười ba, 6
Đến năm mười tám thiệp đã năm con ! 8
Ra đường thiệp hãy còn son, 6
Về nhà thiệp đã năm con cùng chàng ... 8

hay là :

Rượu gò khó rốc, 4
Rượu rộc khó rang ... 4
Ai ơi, tôi kiện tôi quan ! 6

6) Ta đã biết các thể-cách trong văn-học truyền-khâu. Sau đây là các lối
đặt câu để tạo một âm-điệu riêng, độc-đáo.

Muốn tả một cảnh đường đá lờm chờm, gập-ghềnh khó đi, ca-dao cũng có những câu rất gợi tả.

Hòn đá cheo leo,
Con trâu trèo, con trâu trượt.
Con ngựa trèo, con ngựa đổ ...
Thân em lao khổ !

Cái âm-diệu gập-ghềnh, khấp-khềnh như lối đi.

Lại như một quả cây đang đưa :

.. Thân em như cái quả xoài trên cây,
Gió đông, gió tây, gió nam, gió bắc,
Nó đánh lúc la, lúc lắc trên cành ...

7) Trong cách đặt câu, văn-học truyền-khẩu cũng biết dùng những mỹ-tự pháp để câu thơ giàu nhịp điệu hơn.

a) Hoặc dùng lối **tiêu-đối** :

Sự đời nghề cũng nực cười,
Một con cá lội nước, mấy người buồng câu.

b) Hoặc dùng lối **đảo ngữ** :

Trắng da vì bôi phấn dầy,
Đen da vì bôi em ngồi chợ trưa !

hay :

Bấy lâu sao chẳng nói năng,
Bấy giờ năng nói thì trắng xé chiều !

hay :

Trống chùa ai đánh thì thùng,
Cửa chung ai khéo vầy vũng thành riêng !

c) Hoặc dùng lối **điệp-ngữ** : chữ lặp, hay câu lặp, láy với nhau thành một âm-diệu triền-miền tăng-tiến sức kêu gọi, quyến rũ của bài văn :

Trầu này trầu quế trầu hồi,
Trầu loan trầu phượng, trầu tôi lấy mình.
Trầu này trầu tình, trầu tình,
Trầu nhân trầu nghĩa, trầu mình lấy ta.

hoặc :

Khăn thương nhớ ai,
Khăn rơi xuống đất !

Khăn thương nhớ ai,
Khăn vắt trên vai !
Khăn thương nhớ ai,
Khăn chùi nước mắt !
Khăn thương nhớ ai,
Mà đèn không tắt !
Mắt thương nhớ ai,
Mắt không ngủ yên !
Đêm qua em những lo phiền,
Lo vì một nỗi không yên một bề !

3) HÌNH ẢNH

Trong ngôn-ngữ, văn-tự, những tiếng, những chữ có thể ví như là những hòn bi không bày tỏ gì cả. Tùy kẻ chơi bi sẽ sắp thành thế nọ, thế kia. Cũng như tùy tài-nghệ nhà thơ dùng các tiếng, các chữ sao cho sinh-sắc, tước bỏ cái chất rườm rà văn xuôi của sự vật, làm cho câu thơ mang một ý nghĩa mới mẻ, quyến rũ, kích động. Thế là nhà thơ đã truyền sự sống qua câu thơ, và khả dĩ tạo nên những hình ảnh táo bạo, và màu mè là những viên ngọc quý của văn chương.

Cũng vì diễn tả một sự nhớ thương, nhà thơ Xuân-Diệu có câu :

Người ta còn nhớ tôi chăng,
Tôi yêu tôi chỉ biết rằng tôi yêu.

Câu này chỉ có nghĩa chớ không kêu gọi gì cả, và là một câu văn văn hơn là một câu thơ. Trái lại người tình nhân của nhà thơ vô danh nói :

Mình về có nhớ ta chăng ?
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười ...

Câu này hơn hẳn câu trên. Vì nó có nghĩa, mà thêm vào hình ảnh : cái miệng cười là hàm răng duyên dáng ánh ngời.

Và sau đây là những kỹ thuật để gợi hình, tạo hình ảnh trong ca dao :

1) — Dùng chữ màu sắc : phần nhiều dùng các màu xanh, đỏ, tím, vàng ...

Đỏ ai mà được như sen
Chung quanh cánh đỏ, lại chen nhị vàng.

Nhị vàng, ngó trắng, lá xanh, ...

hoặc :

Những người má đỏ hồng hồng,
Răng đen rung rúc thì chổng chổng yêu.

Những người mặt lọ như niêu,
Hàm răng trắng nõn chông yếu cõn-có.

5) — Dùng chữ *gợi tả* :

Bây giờ mặt mới hồi đào,
Vườn bóng đã có ai vào hay chưa ?

Chữ đào và chữ hồng không những chỉ nói hai loài cây còn nói đến hai màu sắc.

Hoặc dùng những chữ tượng hình, *nên họa* — pittoresque :

Phải duyên thì dính như keo,
Trái duyên nghênh-ngang như kéo đục vênh.

Chữ keo với âm K cứng cối, bền bỉ biểu tả cái cảnh hợp duyên khít khắn chữ nghênh-ngang với đoàn-ngữ (kéo đục vênh) diễn xuất cái ngang trái của mối tình duyên lỡ làng. Dùng vào chỗ đặc địa, những chữ ấy đã đưa đến cho câu một ý nghĩa mạnh mẽ, một khí lực dồi dào và thẩm thía.

Hoặc :

Mưa lâm lâm ướt đầm lá hệ,
Tôi thương một người có mẹ không cha ...

Chữ (lâm lâm) cùng với đoàn ngữ (ướt đầm lá hệ) gọi ra một hình ảnh dù dằng gọi càn.

3) — *Mượn cảnh để tả tình* ; tình không thể thấy được chứ cảnh thì ai cũng thấy, cũng vẽ ra được :

Cây đồng đương buổi ban trưa,

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cấy.

Thật không có gì để tả cảnh khó nhọc của người nông dân hơn là bức tranh ấy : những giọt mồ hôi thì nhau nhỏ giọt xuống ruộng lầy như mưa.

Qua cầu than thở cùng cầu,

Cầu bao nhiêu nhịp, dạ em sầu bấy nhiêu !

Cái sầu không đếm được, phải nói tới nhịp cầu để gọi lên một con số.

4) — *So sánh* . — Đây là một cách thông thường của lối suy diễn ẩn nói. Có khi so sánh hai sự vật giống nhau. Có khi so sánh một sự vật xa xôi với một vật gần gũi. Cái khó thấy với một cái dễ thấy. Cái chìm lìm với một cái linh động hơn.

Cỏ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau,
Miệng cười như thể hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

5) — *Nhân-hóa* hay nhân-cách hóa : lồng cho sự vật vô tri giác một linh-hồn, những hành-dộng như con người :

— nhân-hóa động-vật :

... Bùn trông con nhện chẳng to,
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mới ai ? ...
... Con quạ nói với con diều,
Củ lao xóm Ê có nhiều gà con ...

— nhân-hóa vật vô tri :

... Anh đi đường ấy xa xa,
Đề em ôm bóng trắng tà năm canh ...
... Lược chẳng bên đầu chỉ chẳng bên kim ...

— nhân-hóa cái trừu-tượng :

... Chiêm-bao lần-quất bên mình năm canh ...

6) — *Cụ-thể hóa* . — biến các sự vật trừu-tượng thành cụ-thể :

— Cụ-thể hóa danh-lợi :

Cái vòng danh-lợi cong cong,
Kể hồng ra khỏi, người mong bước vào ...

— Cụ thể hóa thời gian :

Bấy lâu sao chẳng nói năng,
Bấy giờ nắng nói thì trăng về chiều.

— Cụ-thể hóa lòng người :

... Lòng ta thương bạn không người,
Nước sao như nước chảy xuôi một bề ...

Nhìn chung, so sánh với câu thơ đẽo gọt của phái thượng lưu, câu ca dao vẫn có cái vững chãi, đều đặn trong kiến-trúc cũng như tinh thần, chỉ khác nhau là bên thì phóng túng phát thực, tươi tắn, một bên thì phù hoa nhiều văn-ước là thứ văn chương (châu cảnh) có di dưong mà không có triều xuân này nọ :

Nếu xét về nghệ-thuật sáng tạo hình ảnh, nghệ thuật ca dao đã đến độ cao như đã từng biết, thì, về tài văn-chương, ca-dao cũng trưng nhiều loại sở trường có ma lực khuếch-dộng, dẫn khởi lạ thường.

1) — Nhiều nhất là loại *tả tình*. Cây đàn ca-dao là cây đàn tình muôn điệu, sức cảm dỗ thật là thiết tha, chân thành :

Trăm năm dầu lối hẹn hò,
Cây đa bến cũ con đò khác đò.
Cây đa bến cũ còn lưu,
Con đò sớm thác năm xưa kia rồi !

như :

Áo xông hương của chàng vắt mắc,
Đêm em nằm, em đắp lấy hơi.
Gửi khăn, gửi túi, gửi lời,
Gửi dơi chàng mạng cho người đưng xa.
Vì mây cho núi nên xa,
Mây bay mù mịt, núi nhòa xanh xanh.

và như :

— Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn,
Lưu xa đảo, lưu ngả, đảo nghiêng.
Vàng cầm trên tay rớt xuống không phiến,
Phiến người bội nghĩa biết mấy mươi niên cho giải sầu!

21— Về tả cảnh bức tranh trong cao-đao là một bức tranh linh hoạt. Lối bút-pháp đặc-biệt ấy thấy rõ trong những đức tính gọn-gàn, phân-minh và thiết-thực, phẳng phất cái trong sáng của hồn thơ thanh-bạch, chất-phát :

Chùa Quan - Thượng

Gần xa nó - nước tung - bưng,
Vào chùa Quan-Thượng xem bằng động tiên.
Lầu chuông gác trống đôi bên,
Trông ra Chợ-Mới, Trùng-Tiền kinh-đó.
Khen ai khéo vẽ họa-đồ,
Trước sông Nhị-thủy, ngoài hồ Hoàn-gươm.
Phong quang cảnh trí trăm đường,
Trong xây chín giếng ngoài tường lục lạng.
Rõ mười cửa động từng từng,
Đền vàng nhà ngọc chất bằng như nôm.
Đức trì phôi tổ màu sen,
Thập-phương chư Phật ngồi trên đũa mười.
Qua xem Tam-bảo xong rồi,
Hành-lang, nhà hậu, các nơi rõ ràng.
Kể thanh-lich, khách quyền sang,
Vào chùa lễ bái mọi đường vui xem.
Ai mộ cảnh ưa thiên,
Lóng trần dữ sạch nhơn nhơn ra về.
Bước lên hòn đá xanh ri,
Nhìn xem phong cảnh chẳng muốn về nữa đâu.

3') Về loại **tự-thuật**, kỹ-thuật của nhà thơ vô-danh cũng đã tóm được cái «thần» của sự vật, cái «đặc-sắc» của tình-tiết câu chuyện, mà phủ vào trong một hình-thức nhẹ-nhàng, sinh-động, tài-tình :

Em là con gái đồng trinh,
Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè.
Ông Nghè cho lính ra ve.
— Trăm lạy ông Nghè tôi đã có con.
— Có con thì mặc có con,
Thắt lưng cho đòn, theo võng cho mau!

Và như :

Sáng ngày tôi đi hái dâu,
Gặp hai anh ấy ngồi cầu thạch-bàn.
Hai anh đứng dậy hỏi han,
Hỏi rằng : — « Có ấy vợ vàng đi đâu ? »
Hai anh mở túi đưa trâu mời ăn.
Thưa rằng : — « Bác mẹ tôi răn,
Làm thân con gái chớ ăn trâu người ».

4') Về lối **ngụ-ngôn**, ca-đao vẫn có những bài xuất-sắc, ý-vị thâm-thía, sức kêu-gọi sâu-xa :

Cái cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
— Ông ơi ! ông vớt tôi vào !
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

lại như :

Cái cò, cái vạc, cái nông,
— Sao máy dậm lúa nhà ông, hỏi cò ?
— Không, không, con đứng trên bờ,
Cha con nhà vạc đồ nghề cho tôi.
Chẳng tin ông bắt đi đôi.
Cha con nhà nó còn ngồi trên kia !

5') Ca-đao có một sở-trường, một đặc-sắc, có thể xem như một thiên-tài : ấy là loại **hài-hước**. Lối văn này rất phát đạt, bút-pháp rất biến-hóa nhẹ-nhàng, và tinh-tế :

Chàng về thiếp cũng xin về,
Chàng về Hồ-bắc, thiếp về Hồ-tây.

Chàng bao nhiêu tuổi năm nay,
Chàng thì mười tám, thiếp rày bốn ba.
Mồ cha đưa ché thiếp già !
Thiếp còn gánh nôi một và trăm kim.
Trăm chiếc kim đôi lấy lạng vàng,
Mua gương Tư-Mã để thiếp với chàng soi chung.
Chàng về sắm sửa loan phòng,
Thiếp xin điếm phấn tô hồng thiếp theo.

(điều bà già muốn lấy chồng)

• Đây là một người đàn bà còn trắng kiện lắm, nhưng đó là cái trắng kiện gánh nôi một trăm chiếc kim ! Và, bà ta còn giàu bao nhiêu tướng-trọng khi đem trăm kim mua, đôi lạng vàng để tậu «chiếc gương Tư-Mã» để cùng soi với ông chồng tuổi mới vừa hai chín.

Lối hài-hước vừa thanh cao, vừa chua chát, lại mỉa-mai được cái lơ lửng, lơ lửng của một bà già "hiếu sự".

hay là :

Tiền tôi tiền kính tiền hiền,
Bao nhiêu chùa chiền, tiền đốt tiền đi.
Thịt chó tiền đánh ti ti,
Bao nhiêu chỗ lợi tiền thì cấm chông.
Nam mô Xứ Bắc, Xứ Đông,
Bao nhiêu con gái chưa chồng thì lấy tiền tôi !

(điều thầy chùa)

Lại như :

Ngồi buồn đốt một đồng rơm,
Khói lên nghi-ngút chẳng thơm chút nào !
Khói lên đến tận Thiên-tào,
Ngọc-hoàng phán hỏi : Đưa nào đốt rơm ?

(Nội-dung thật sâu sắc, mô-tả sự đời
nhiều nỗi oái-oăm, ngang trái).

Tóm lại, giá-trị nghệ-thuật ca-dao là một giá-trị xúc-dộng, đầy đủ lực-lượng để khua-dộng tâm-hồn người mộ: cách sâu xa. Ta sẽ xét đến nội-dung, sự sống đời-dào trong văn-chương truyền-khẩu, trong ca-dao. Ở đây ta chỉ nói về hình-thức nghĩa là về văn-chương, về văn-nghệ : vì giá-trị hình-thức của ca-dao vẫn là một giá-trị lớn, và chính là một lý-do cho sự miên-trường của ca-dao. Bao nhiêu câu ca, tiếng hát cái đời lam lũ, cái nỗi lòng thôn-thức, rạn nứt trong đêm trường, giữa cảnh trời cao mây rộng đều là những

công-trình văn-nghệ vô giá, và lập-thành một nền văn-nghệ phong-phú chứa đựng tất cả kỹ-thuật về khoa tu-tư và các thể-tài văn-chương. Ấy là một nền thi-ca quuyến rừ xa xôi, thấm-thía trong cái âm-diệu lục-bát thường-dụng là thứ âm-diệu đời-dào, rộng-rãi, và dẻo-dai, mãnh-liệt như sức lôi cuốn của một dòng sông khả-dĩ thể-dung cả cõi lòng bao la mà không hề tự phủ-nhận, tự hủy bỏ một mây nào. Vì thế, ca-dao tràn đầy màu sắc, khí vị của bờ ao, ruộng nước, lũy tre, sóng lúa rì-rào, và làng bạc chan chứa cả một thứ tình êm nhẹ mênh-mông như hồn quê, như tuổi thơ, cái hồn thơ nhạc muôn thừa và muôn nơi.

Có thể nói giá-trị nghệ-thuật văn-chương của ca-dao là một giá-trị nghệ-thuật tuyệt-diệu, thu gồm cả một nề nếp sáng-tác trong sáng, dễ-dàng, song đối với một nguồn cảm xúc thành-thực, tự-nhiên và sâu kín.

Lời đẹp ý hay

Les gens les plus heureux sont ceux qui ont les plus intéressantes pensées. Ceux qui décident de consacrer leurs loisirs à développer leur esprit, ceux qui aiment la bonne musique, la bonne littérature, les beaux tableaux, la bonne société, sont les gens les plus heureux du monde. Et non seulement, ils connaissent le bonheur, mais ils le répandent autour d'eux.

Lyon Phelps

Những người sung-sướng hơn cả, là những người có những tư tưởng hay nhất. Những người nào nhất định đem hiến những phút thư nhàn cho sự mở mang trí-tuệ, những người nào ưa âm nhạc du dương, thích văn chương tao nhã, hâm mộ mỹ thuật, mến chuộng xã hội tốt đẹp đều là những người sung sướng nhất đời. Và không những họ chỉ hưởng hạnh phúc riêng cho họ, mà còn gieo hạnh phúc đó chung quanh họ nữa.

H. Văn dịch

CÂY ĐÀ BẾN CỘ

HƯƠNG-GIANG

Trước khi kể lại một đoạn tình-sử bi-dát mà các thi-bá văn-nhân cho đến dân gian thôn quê ở miền Trung hết thấy đều ghi nhớ, chúng tôi thiết-tưởng nên trình bày lại đây, những chỗ phân ranh đất nước xưa nay để câu chuyện càng thêm mạch-lạc.

ĐÔI BỜ BẾN HỐI .—

Sông Bến Hối và vĩ tuyến 17, ngày nay phân chia Nam Bắc, nằm về phủ Vĩnh-Linh, phía Bắc huyện Do-linh, tỉnh Quảng-Trị.

Con sông và vĩ-tuyến chạy song song, không xa nhau mấy. Con sông ở trong, vĩ-tuyến ở ngoài, đều xuyên qua miền Nam phủ Vĩnh-Linh, cách Huế 90 cây số về phía Bắc.

Sông này chính tên là Bến-Hối, nhưng đến khi (ông Tây giăng giây thép họa địa-đồ nước Nam) (Tân-Đà), thì các ông nghe không rõ viết không thông, nên mới ghi là Bến-Hải. Mãi đến ngày ký kết hiệp định Genève, bỗng chốc địa danh này vang dậy khắp các nơi và từ đấy đến nay, chúng ta quen gọi là sông Bến Hải.

Con đường quốc lộ số 1 vượt sông Bến Hối trên cái cầu Hiền-Lương mà ngày xưa gọi là phà Hiền-Lương. Con đường này rẽ về phía Đông đến bãi biển Cửa-Tùng, còn chạy thẳng ra Quảng-Bình thì gặp Trường nhà Hồ và :

*Đầu Mâu vi bút,
Hạc Hải vi nghiên.*

TRƯỜNG NHÀ HỒ .—

Sử còn ghi lại, nơi địa đầu tỉnh Quảng-Bình — Quảng-Trị, một vùng rộng lớn gọi là Trường nhà Hồ, nơi ngày xưa có tiếng nhiều trộm cướp. Trường nhà Hồ lấy tên làng Hồ-xá (phủ Vĩnh-Linh, tỉnh Quảng-Trị), là một địa danh rất thuộc trong thi-ca bình-dân :

*Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ trường nhà Hồ, ngại phá Tam-Giang.
Người con gái vội vàng đáp lại :
Phá Tam-Giang ngày nay đã lặng,
Trường nhà Hồ Nội-Tán cấm nghiêm.*

Nàng muốn nhắc lại rằng năm 1720, ông Nguyễn-khoa-Đặng được chúa Nguyễn ủy-nhiệm di dân vào hai tỉnh Quảng-Nam và Phú-Yên. Qua năm 1722, ông ấy lại được cử giữ chức Nội-Tán kiêm Án-sát sứ lãnh sứ-mạng bình-định vùng Hồ-Xá là nơi người ta không thể nào tìm ra sào huyệt của bọn giặc cướp, và cũng vì vậy mà chúng tha hồ phá hại lương dân,

Ông Nội-Tán Nguyễn-khoa-Đặng, sau khi nhận lãnh sứ-mạng liền nghĩ ra mưu kế gan dạ là ông giả làm bộ hành đi ngang Trường, để cho chúng bắt đem về giam ở sào huyệt.

Trên đường về sào huyệt, ông rải lúa để làm dấu. Nhờ đó quân lính của ông xông vào tận sào huyệt đánh tan quân cướp.

PHÁ TAM GIANG .—

*Thương nhau chẳng quản chi thân,
Phá Tam-Giang cũng lợi, đèo Hải-Vân cũng treo.*

Phá là một cái đầm lớn và dài (lagune) nối liền với nhiều con sông, cách biên cả bờ những đụn cát dài chạy theo bờ biển. Nói một cách khác, phá là nửa biên nửa sông, gặp mưa to gió lớn bão-bùng, sóng đánh dữ dội, có thể làm lật ghe thuyền qua lại.

Phá Tam-Giang có khúc cạn, khúc sâu và không nhất định là chỗ nào, cho nên sự lưu thông trên Phá rất nguy hiểm. Ông Nội-Tán Nguyễn-khoa-Đặng mới nghĩ ra cách đào sửa lòng sông để sự đi lại được bình thường.

Tuy nhiên, tục truyền rằng tại Phá Tam-Giang có ba con sông thần : sông Ông, sông Bà và sông Con. Mỗi khi thuyền bè ngang qua Phá thì ba con sông cuộn lên, nếu thuyền trưởng không dõng nhang khăn vái, thì thuyền sẽ bị đắm chìm. Không chán nản trước bao nhiêu nguy hiểm, Ông Nội-Tán Nguyễn-khoa-Đặng mới đem súng thần công ra bắn và ba con sông rú nhau chạy mất !

Gần đây, thi sĩ Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, không ngại đường xá xa xôi đã đi bằng xe hơi từ Hà-nội vào Huế, có để lại một bài thơ duyên-dáng :

*Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Yêu nhau anh cứ anh vô,
Kẻ Trường nhà Hồ, mặc phá Tam-Giang.
Xe hơi đã đến đèo Ngang,
Ấy qua Hà-Tĩnh đường sang Quảng-Bình.
Danh sơn gặp khách hữu tình,
Đèo Ngang ơi hỡi, là mình với ta.*

VÀ ĐÂY LÀ CÂY ĐA BẾN CỘ.

Đi qua tỉnh Quảng-trị, khách du-lịch lần đến giáp giới tỉnh Thừa-Thiên và phải qua con sông Ô-Lâu (1) là nơi đã chứng kiến một trang tình sử bi đát.

Sông Ô-Lâu có một cái bến mà người ta gọi là Cây Đa (Cây Đa) Bến Cộ (Bến Cũ) nơi ghi lại nỗi niềm thống thiết của một mối tình ngang trái.

Ngày xưa, có một cậu hàn nho tỉnh Nghệ-An vào Huế để dự thi. Khi đến bến đò Cây Đa, anh đem lòng thương cô lái đò xinh đẹp.

Vào Kinh, chàng thi đậu, khi trở về quê quán, sang sông, chàng có hứa với nàng sẽ về Nghệ-An, xin phép cha mẹ trở về, cùng nàng kết nghĩa trăm năm.

Đề chứng tỏ mối tình gắn bó giữa nàng và chàng, cô lái đò mới xin một vật kỷ niệm :

Ra về cỡi áo lại đây,

Đề cho em đắp kéo ngọn gió tây lạnh lùng !

Chàng liền cỡi áo trao lại cho nàng làm tin, lấy trong khăn gói ra một cái áo khác mặc vào, rồi chàng với nàng chia tay nhau với nhiều giọt lệ..

Lúc ban đầu quả thật chàng cũng muốn trở vào để gặp nàng :

Thương nhau chẳng quản chi thân,

Phá Tam-Giang cùng lội, đèo Hoành-Sơn cũng trèo !

Song le, về sau, vì đường xá xa xuôi, cách sông trở hồi, chàng không thể trở vào được. Thêm vào đó, cha mẹ chàng nhất định không chịu cưới vợ xa xứ, nên chàng ứa lệ nhắn tin vào cho nàng :

Nhớ em anh cũng muốn vô,

Sợ Trương nhà Hồ, ngại phá Tam-Giang !

Đau lòng vì tình duyên lỡ làng, nàng khóc thầm, biến thơ trả lời bằng hai câu :

Phá Tam-Giang ngày nay đã lặng,

Trương nhà Hồ Nội-Tân dẹp yên.

Thế rồi, ngày lại tháng qua, trăng khuyết rồi trăng lại tròn, nhưng hình ảnh của chàng chưa hẳn chìm sâu trong lớp bụi của thời gian, nàng liền ôm gói ra đi giữa một đêm trường giông tố.

Đôi lòng ăn nửa trái sim,

Ổng lưng hát nước đi tìm người thương.

Khi đi ngang qua vùng Hồ-Xá, Hạ Cờ là nơi hoang vắng, cỏ cây sum sê, trầm chũi loang mọc đầy đường, nàng mới than rằng :

Đường đi cả lách cùng lau,

Cả trâm với chũi bỏ nhau sao đành !

(1)— Sông Ô-Lâu là di tích âm thanh độc nhất còn lại trong hai địa danh Châu Ô, Châu Lý.

Nàng vẫn dậm trường di mãi, cho đến một ngày kia kiệt sức thì gia nhân theo kịp đem nàng trở về quê quán. Nàng cảm thấy nỗi buồn vô hạn :

Đâu kia hết lá vì tầm,

Nỗi sầu thiếp giải mấy năm cho rồi !

Mãi đến khi lành mạnh, nàng trở lại Cây Đa Bến Cộ, tiếp tục đưa đò cho khách sang sông.

Những lúc hoàng hôn trở về, làn gió nhẹ thổi bay những sợi tóc mây, hình ảnh của nàng rơi trên mặt nước, lòng nàng se lại khi nhớ đến tình nhân bội bạc.

Nàng liền ngâm lên giữa dòng sông lạnh :

Tiền tài như phấn thổ,

Nghĩa trọng như thiên kim.

Con le le mấy thửa chết chìm,

Người tình nhân bạc-nghĩa khổn tìm mần chi !

Nhưng, thời gia là một chuỗi ngày vô tận, nàng không thể vì thời gian mà quên được hình ảnh của người thương. Vì thế, nàng mãi nhớ chàng, nên phải tiêu tụy, gầy mòn, rồi một ngày kia nàng nhảy xuống sông Ô-Lâu kết liễu cuộc đời, như Ngu-Cơ thuở nọ.

Rồi một thi sĩ vô danh cảm xúc đề thơ khóc người xấu số :

Qua bến Cây Đa dạ những sầu,

Xót người mệnh bạc bởi vì đâu ?

Gió xuân đưa khách qua đường mộng,

Ngọn nước đem tình lấp vực sâu.

Nước chảy, chảy theo đôi giọt lệ,

Tình riêng, riêng viếng một vài câu.

Đau lòng nhớ lại mười năm trước,

Cuốn cuộn trường giang nước chảy mau.

Cuốn cuộn trường giang nước chảy mau.

Càng trông, càng lại chạnh lòng đau.

Tiền-Đường bát ngát thương người ngọc,

Hợp-phổ mơ màng tiếc hạt châu.

Cát đắp thành sào quanh chín khúc,

Chài giăng giây thắm suốt ngàn thâu.

Con đường Nam Bắc, người rong ruổi,

Gởi lại vàng trăng một gánh sầu.

oOo

Thế rồi một ngày kia, Nguyễn-Bính, một thi-gia của thời-dại, không quên

được mỗi tình dở-dang của cô lái đò, đã dệt mấy vần thơ mà nhạc-sĩ Nguyễn-đình-Phúc phò thành một bản nhạc lâm-lý thõng-thiết :

*Xuân đã đem mong nhớ trở về,
Lòng cô lái ở bến sông kia,
Có hồi tưởng lại ba xuân trước,
Trên bến cùng ai đã nặng thề.*

oOo

*Nhưng rồi người khách tình xuân ấy,
Đi biệt không về với núi sông.
Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi,
Mấy lần cô lái mỗi mòn trông.*

oOo

*Xuân này đến nữa đã ba xuân,
Đốm lửa tình duyên tắt nguội dần.
Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi,
Có đành lỗi ước với tình-quân.*

oOo

*Bỏ thuyền, bỏ bến, bỏ giòng sông,
Cô lái đò kia đi lấy chồng. (2)
Vắng bóng cô em từ dạo ấy,
Đề buồn cho những khách sang sông !*

oOo

Rồi mãi về sau, có một chàng thi-sĩ nghèo khi sang sông, nghe người ta kể chuyện tâm-tình bi-đát của chàng nho-sĩ với cô lái đò, liền ghi lại mấy vần thơ để tiếc thương người bạc-mệnh :

*Trăm năm nhiều lỗi hẹn hò !
Cây Đa Bến Cỏ, con đò khác đưa.
Cây Đa Bến Cỏ còn lưu,
Con đò đã thác năm xưa té rồi !*

(2) — Nguyễn-Bính muốn giãi bày tính cách bi-thảm của mỗi tình tuyệt-vọng.

TRONG DỊP TÂN-XUÂN TA HÃY ÔN LẠI :

NHỮNG TRANG SỬ VẼ-VANG CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM

NGUYỄN-CAO-KIM

MÙ A xuân tới mang lại cho chúng ta một bầu trời tươi sáng với hoa nở, chim hát trên cành véo von. Cảnh vật hầu như thay đổi hẳn trong mùa xuân mới. Lòng thư thái bên hoa mai vàng, chúng ta hãy ôn lại những trang sử vẻ vang của dân tộc, một dân-tộc anh-dũng đã mạnh-tiến trong lịch-sử của các nước Đông-Nam-Á. Ta hãy đi ngược dòng thời gian để tìm hiểu công ơn của tiền nhân vì :

« Non cao ai đắp mà cao,

Sông sâu ai bới, ai đào mà sâu ».

đề tỏ ra là người biết nhớ nguồn gốc, nhớ người xưa đã vất vả gian lao để xây dựng một cơ đồ đẹp đẽ, một giải giang sơn gấm vóc.

Lần trang sử Việt, kể từ khi Kinh Dương Vương lập quốc (2879 trước Tây nguyên) cho đến khi bị Thục An Dương Vương cướp ngôi (257 trước Tây nguyên) tính ra đến 2.622 năm. Trong khoảng này vì dân tình còn thật thà chất phác hơn nữa tư tưởng còn đơn thuần nên chưa có những sự tranh đấu về đời sống cũng như nạn ngoại xâm.

Những chuyện Phù Đổng Thiên Vương, Sơn Tinh, Thủy Tinh cũng có trong khoảng thời gian kể trên, nhưng đó chỉ là chuyện thần thoại của thời kỳ tiền sử.

Khi họ Thục bị nhà Triệu cướp mất nước (năm 207 trước Tây nguyên) đổi quốc hiệu là Âu Lạc sang Nam-Việt, Triệu Đà đã truyền bá văn minh Trung Quốc trên lãnh-thổ Việt-Nam và từ đó một chính quyền quân chủ được phát hiện. Ý thức Quốc gia được nhóm khởi.

Năm 111 trước Tây nguyên, Hán vũ Đế sai Lộ-bác-Đức và Dương-Bộc đem quân sang chinh phục Nam-Việt. Trước sức mạnh của quân xâm lăng, Lữ-Gia không kháng cự nổi, đất Nam-Việt thuộc quyền cai trị nhà Hán.

Mãi tới năm Giáp Ngọ (34 trước Tây nguyên), vua Quang Vũ nhà Hán

cử Tô Định đảm nhiệm chức Thái Thú quận Giao Chỉ. Xã hội lạc hậu, lạc tướng bị đảo lộn và uy hiếp, cách cai trị của nhà Hán lại quá tàn bạo nên lòng dân vô cùng công phẫn. Khi Thi Sách bị Tô Định hạ sát, cuộc nổi lên chống nhà Hán do hai Bà Trưng lãnh đạo có thể coi là cuộc chiến đấu đầu tiên chống thống trị của dân tộc Việt Nam. Một lòng ái quốc bất diệt đã được hun đúc trong dân chúng và sau còn tỏ rõ ở cuộc khởi nghĩa bà Triệu với lời nói danh thép của vị nữ anh hùng :

Tôi muốn cõi con giở mạnh, đập đường sóng dữ, chèm cá tràng
Kính ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi chốn cát lăm
chứ không muốn bắt chước các bạn quân thoa cúi đầu còng lưng làm tì thiếp
người ta.

Tuy bà Triệu không đạt được ý nguyện của mình nhưng đã nêu một tấm gương sáng cho hậu thế soi chung. Câu hát truyền tụng như :

*Đã toan mở mặt sơn-hà
Cho người biết mặt đàn bà nước Nam*

đã tỏ ra đời sau không quên công ơn bà đối với Tô-Quốc.

Gương sáng bà Trưng, bà Triệu đã thúc đẩy dân tộc Việt Nam đứng lên chống kẻ thù từ phương Bắc tới. Ta đã có những cuộc khởi nghĩa liên tiếp của Lý Bôn (544), Mai thúc Loan (722) tiếp đến Phùng Hưng (791) Khúc Thừa Dụ (905), Khúc Thừa Mỹ (967-923), Ngô vương Quyền (939-965), khiến quân xâm lăng biết dân Việt có một sức đấu tranh bền bỉ không bao giờ chịu khuất phục Trung Quốc. Cho đến khi Đinh bộ Lĩnh thống nhất giang sơn gây nên tự chủ, Việt sử mới bắt đầu một giai đoạn mới.

Đến những đời sau qua triều đại Lê Lý, Trần, Lê, Nguyễn Tây Sơn các cuộc phạt Tống, bình Chiêm, chống Mông Cồ, kháng cự lại nhà Minh, đánh đuổi quân Thanh ra khỏi bờ cõi Việt Nam tỏ rõ lòng yêu nước thương nòi của người dân thật đáng ghi trọng sử sách. Bài thơ khảng khái trong cuộc phạt Tống năm 1075:

*Nam quốc sơn hà nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Như đẳng hành khan thủ bại hư.*

đã dẫn dắt ta đến thắng lợi hoàn toàn.

Lật trang sử tới giai đoạn gay go nhất khi quân Nguyên như sóng mạnh kéo tới xâm lược nước ta (những năm 1257-1284-1287) câu nói khảng khái của Trần thủ Độ.

• Đầu tôi chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo •

Hay anh dũng của Hưng Đạo Vương Trần quốc Tuấn :

Vai khiêng trái đất, mong phò chúa,
Giáp gột sông trời, khó vạch mây.
Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài bóng nguyệt đã bao ngày.

Lòng yêu nước của người dân Việt, sức tranh đấu bền bỉ còn được nung đúc thành người anh hùng đất Lam Sơn, Lê Lợi nói lên những câu bất hủ :

• Làm trai sinh ở đời, nên giúp nạn lớn, lập công to để tiếng thơm muôn đời. Chớ sao lại chịu bo bo làm đầy tớ người.

và đưa đúng sĩ họ Lê đến cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ nhà Minh (1418-1428) với giai phẩm Bình Ngô đại cáo, trong có các câu :

« Mở tiệc vui chén rượu ngọt ngào
Khắp tướng sĩ một lòng phụ tử.

Thôi Tụ phải quý mà xin lỗi
Hoàng Thọ tự trời để ra hàng
Lạng Giang, Lạng Sơn thầy chết đầy đường
Xương Giang, Bình than máu trôi nước đỏ

Giang sơn từ đây nở mặt
Xã tắc từ đây vững bền
Nhật nguyệt hồi mà lại minh
Cần khôn bĩ mà lại thái
Nền vạn thế xây nên chắc chắn
Thẹn nghìn thu rửa sạch lâu lâu

Tuy nhiên trang sử vẻ vang nhất là cuộc chiến thắng quân Thanh của Nguyễn Huệ (ngày 5 tháng 1 Kỷ Dậu 1789) khiến 20 vạn quân Tôn Sĩ Nghị không còn mảnh giáp đi đến thất bại nhục nhã. Ta quên sao được lời hiệu triệu tướng sĩ của vị anh hùng Nguyễn Tây Sơn :

• Quân Thanh kéo sang xâm lấn, hiện đang chiếm cứ Thăng-Lơng, các ngươi đã tin hay chưa ?

... Nay người Thanh không chịu soi gương Tống, Nguyên, Minh lại sang mưu chiếm nước Nam ta đặt làm quận huyện. Vậy ta phải vùng ra mà khu trừ đi.

Các anh em hạ người có trí thức, có tài năng phải cùng ta đồng lòng gắng sức, khiến cho việc lớn được nên chớ đừng giữ thói phân trặc, nhị tâm đó. Hễ việc lộ ra ta quyết giết chết không tha một ai. Bấy giờ đừng trách ta không báo trước. »

oOo

Qua những tranh đấu gay go vất vả, dân tộc Việt - Nam lúc nào cũng không quên bản phận phải bảo tồn non sông cầm tú do tiền nhân để lại. Ngay ở trong nước dưới cuộc tranh chấp Trịnh Nguyễn người dân Việt vẫn thổ lộ nỗi đau khổ của mình thấy cảnh đó :

Khôn ngoan đá đáp người ngoài

hay

đầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

hoặc

Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Trong thời Pháp quân kéo tới uy hiếp nước ta, Kinh lược sứ Phan thanh Giản vui vẻ tìm cái chết bằng chén thuốc độc để trọn nghĩa trung thần, Hoàng Diệu tử tiết với thành Hà Nội sau khi không giữ nổi thành, Tôn thất Thiệp và Tôn thất Đạm tự tìm cái chết của người biết yêu nước và gần đây các vị anh hùng của trận Tháp bát phù viên (18 vườn trâu), Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê, Yên Thế v.v... hay của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) với châm ngôn :

• Ngô bất thành, vọng chi ngô tử. Ngô tử bất thành vọng chi ngô tôn chí tử ..

lược dịch là :

« Ta làm không thành trông vào con ta, con ta làm không thành trông vào cháu ta, cháu ta làm không thành trông vào con cháu của ta. »

ghi lại cho hậu thế biết lòng yêu nước thương nòi của người dân Việt không ai có thể lay chuyển nổi.

Là con dân của nước Việt có tới 4000 năm lịch sử, chúng ta phải ráng làm tròn bản phận của mình đối với giang sơn gấm vóc mà xưa kia bao vị anh hùng đã phải luôn luôn tranh đấu để ta được thừa hưởng cái di sản quý báu đó.

Trong mùa xuân tươi đẹp, ta có quyền hãnh diện được sinh trưởng trên giải đất hình chữ S chạy từ Ải Nam quan đến mỏm Cà Mau, để theo gương tiền nhân gìn giữ đất nước và thống nhất sơn hà ở ngày mai tươi sáng.

XUÂN ĐỒNG QUÊ

TRONG CA-DAO

NGUYỄN-QUANG

Các bậc nho sĩ ngày xưa thường mượn những vần thơ điêu luyện để phát huy những tư-tưởng mới lạ, những cảm hứng nhút nhời mỗi độ xuân về.

... chơi xuân, ơi dễ biết xuân chẳng tá ?

Những câu tục-ngữ ca-đao thường được dân chúng ca hát là tấm gương trong sáng phản chiếu cả đời sống thực-tế của anh chị em đồng ruộng, nói lên tất cả tâm hồn mộc mạc, thi vị và lành mạnh trong buổi xuân về.

.. bốn mùa xuân lại thú qua

Trong bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông, cứ thay đổi mãi hoài, thời-tiết cũng vậy. Người dân lo làm ăn chầy mõi hôi trán, khác hẳn những bậc phong lưu mã thượng, hay là các cậu dài lưng tốn vải ăn no lại nằm, vì chung :

... tháng giêng ăn Tết ở nhà.

tháng hai trồng đậu, tháng ba trồng cà

tháng tư thì đậu đã già...

Thế rồi trong 12 tháng nặng nề trôi qua, người dân Việt vẫn luôn giải nắng dầm sương làm ăn, cày sâu cuốc bẫm, cho đến :

... tháng mười buôn thóc bán bông

tháng một, tháng chạp nên công hoàn thành.

Các thi-sĩ lãng-mạn, rung động cảnh nắng chiều xuân. Và, hay trách vợ oán chạ, mưa sao mưa mãi, mà các thi gia đâu có biết :

... nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.

Mặc dầu có nắng xuân, có mưa xuân, có gió xuân hay sương xuân, luôn luôn mùa xuân là mùa trồng trọt. Công việc cày cấy ruộng nương cần có sự hợp tác giữa người con trai và con gái :

.., bao giờ cho đến tháng hai.

Con gái làm cỏ, con trai vét bờ.

Tháng ba cày vỡ ruộng ra,

Chồng cày vợ cấy trong lòng vui thay.

Chị em phụ-nữ Việt-nam thật không lúc nào nhàn rỗi :

.. tháng giêng ăn Tết ở nhà.

tháng hai thư thả quay ra nuôi tằm.

tháng ba đi bán vải thắm...

oOo

Công việc đồng áng nhọc nhằn, chân lấm tay bùn, còn mua bán là phần nhàn rãi hơn hết. Thường thường nhà nông, trong tháng giêng, tháng hai đã bắt đầu cuốc cày bừa để trồng đậu. Còn các chị em lái buôn đợi qua tháng tư, mới buôn đậu nấu chè. Và ở nhà ăn chơi, ca hát, cờ bạc trong ba tháng xuân.

... tháng giêng ăn Tết ở nhà.

tháng hai cờ bạc tháng ba hội hè.

Dù sao đi nữa, đầu năm là thời gian nghỉ ngơi công việc ruộng lúa, nương khoai, con nhà nông có thể tiếp tục công việc khác, hoặc lên rừng đốn củi :

... tháng giêng mua gỗ.

tháng hai làm nhà

Trong khung cảnh mùa xuân, người dân quê thường có những câu hát không bóng bành như 'lơ thơ tơ liễu buông mành', mà luôn thiết thực là :

... , tháng giêng mọ mới chia về.

Những câu mĩa mai, dài các của quan liêu phong kiến, thường bảo :

... chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa ?

Nhưng, người dân quê trong tâm hồn mộc mạc, lại nói :

... Chơi hoa cho biết màu hoa.

hoa lê thì trắng, hoa cà thì thắm.

Quanh năm, người dân quê, trai cũng như gái, làm lụng mệt nhọc.

Và, họ hy-vọng mỗi độ xuân về, là ăn chơi, hò hát cho bổ những lúc làm ăn mệt nhọc :

... tháng tám chưa qua

tháng ba đã tới.

Tháng ba là tháng hết mùa xuân, hết hội hè, nên tính đi xem lại :

... một năm là mấy ngày xuân:

một ngày là mấy giờ dần hơi ai ?

oOo

Tình yêu tha-thiết của người dân quê cũng cao thượng là :

... nước trong khóa mát sớm trưa,

thương em cho trọn một mùa tháng giêng.

Làm ráng đề tình yêu giữa chàng với nàng được muôn đời gói trọn trong một tháng giêng, thì hỏi sao cho đủ ?

oOo

Gia đình, lễ giáo của phương Đông đã trói buộc người con gái đến nỗi trắc trở bao cuộc tình ái thiết tha :

... buổi xuân thiếp chàng gặp chàng,
bây giờ năm con bảy cái, ra đàng gặp nhau.

Bởi thế nhà văn Nhất-Linh trong Tự-Lực Văn-Đoàn, đã công kích để mong làm lại một xã hội tiến bộ hơn.

Cho nên người đàn bà góa bụa của lễ giáo xưa đã bị phong hóa làm chết mất cuộc đời còn son trẻ. Nhưng, Nhất-Linh và Khái-Hưng đã bằng lòng để cho nàng đi lấy chồng :

... lênh đênh chiếc bách giữa giòng,
thân em góa bụa phòng không lỡ thì.
gió đưa cành trúc ngã quý,
ba năm giữ tiết còn gì là xuân ?

Mặc dầu nàng vẫn cố ý chịu đựng cảnh chán đơn gối chiếc :

Đường trường cách trở nước non,
Mẹ già đầu bạc thiếp còn xuân xanh.

DANH NGÔN

Ngộ hoạnh nghịch chi lai nhi bất ngộ, tao biến cố - chi khởi nhi bất kinh, đương phi thường chi báng nhi bất biện, khả dĩ nhiệm đại-sự hỹ.

THANG-MÂN

— Phải những sự ngang ngược đưa lại mà không giận, gặp những cơn biến-cố nổi lên mà không kinh, bị những lời gièm-pha phi-thường mà chẳng biện-bạch, người như thế mới có thể gánh vác nổi được việc lớn.

H. Văn dịch

Truyện ngắn

ĐÀU GHÈNH CUỐI BÃI

THÊM-ĐẠT

NĂM 1934 Anh Ba bạn tôi, ra trường Sư-Phạm. Mấy năm vẫn trượt bằng thành chung, anh phải liệt vào ngạch trợ giáo hạng bầy.

Anh được lệnh đi Hà-Tiên, dạy trường làng Hàm-Ninh, ở đảo Phú-Quốc.

Hàm-Ninh là một làng nhỏ nhất trong đảo, rải-rác ít căn nhà đánh cá.

Muốn vô đất liền phải đi thuyền vượt biển. Bãi cát trắng tinh dưới chân núi Bãi-Vọc, một tấm tường kiên-cố dài cả 20 cây số, cao ngót 400 thước, ngăn hai làng Hàm-Ninh và làng Dương-Đông.

Trường anh " cai quản " là một cái chòi lá, xo-ro gần đờ, núp dưới rặng dừa.

Mỗi ngày hai buổi, bạn tôi lên trường dạy học. Học trò vừa trai vừa gái được hai chục đầu. Với tuổi hai mươi, hăm thân nơi đầu-hiu cách trở, anh chỉ khéc thăm

Chung quanh anh, toàn là người chài lưới.

Anh Ba xưa kia, hoạt động bao nhiêu thì nay lạnh-lùng trầm ngâm từng nẩy.

Tuy ở chỗ tịch-mịch, bạn tôi vẫn cố chí.

Tối nào anh cũng cặm-cụi ôn bài vở cũ để cuối năm lại đi thi như mấy năm trước.

Anh hy-vọng kỳ thi cuối cùng sẽ đỡ đỡ thoát cái cảnh " bị đày ".

Mùa thi đến.

Luôn luôn bề động. Mưa dông mỗi ngày không biết mấy trận. Thuyền ít dám băng khơi.

Nóng nẩy, bực tức, ước có cánh, anh quyết vượt bể.

Cũng may lúc ấy có một chiếc thuyền con đánh cá lâu lâu từ Hàm-Ninh vượt qua Kampot.

Bữa đó mưa dầm, gió dữ, chiếc thuyền con như mảnh lá, lướt sóng, băng khơi.

Bốn người lực-lưỡng chống với đợt sóng thần, những lưới búa không
lò dàng xa chạy tới bờ vào chiếc thuyền chài.

Khiếp ! chiếc thuyền, khi lắc-lư trên ngọn sóng, khi lại bị đánh dạt
xuống vực sâu. Nước biển tạt vào thuyền, tung lên trắng xóa. Từ phía,
toàn là sóng gió lung tung.

Thuyền trôi lên hụp xuống . . .

Ban đầu, anh còn ói, mưa, sau anh nằm thiếp dưới mạn thuyền, hai
tay nắm chặt lấy be, lăn-lộn với cá biển hôi tanh. Nước biển tạt vào
mặt, đầu và cả miệng. . .

Sau hơn ba giờ hải-hùng đóng tổ, thuyền đã lọt được vào sông Kampot.

Gật-gù như người mất hồn, anh nhẩy lên xe qua Hà-tiên, luôn tới Cần-Thơ.

Năm ấy anh hỏng thi . . . và cũng từ năm ấy, anh không thi nữa.

Rồi hàng năm, tới mùa thi, những buổi mưa dầm, sóng vỗ . . . ngồi
trong lớp dăm dăm nhìn cảnh mưa gió, khiến lòng chàng cảm đời gió mưa
của mình.

Trước mặt, các trò nhỏ thi nhau đọc : « Ba - bi - be - bo - bó . . . »

Tin buồn

Chúng tôi được tin Cụ Lê-ngọc-Rụy, thân-phụ Nữ-sĩ Hồng-
Thiên Lê-thị-Ruật, biên-tập-viên Văn-Hóa nguyệt-san và Trung-Tá
Lê-ngọc-Triển Quân-Đội Cộng-Hòa Việt-Nam, vừa tạ-thế tại quý-
hương (làng Lang-Xá, quận Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định, Bắc-Phần).

Trong dịp đau đớn này, chúng tôi xin có lời chân-thành
chia buồn với Nữ-sĩ Hồng-Thiên, Trung-Tá Lê-ngọc-Triển cùng
tang-quyển, và kính viếng anh-hồn Cụ Lê-ngọc-Rụy được tiêu-
diêu nơi Cực-Lạc.

ĐẠM-NGUYỄN và HOÀI-QUANG

KHẢO-CỨU VỀ NGÓN-NGŨ :

CHỮ VIỆT CẢI-CÁCH

(Tiếp theo V.H.N.S. số 27)

NGUYỄN-NHIÊN

Đề rộng đường dư-luận, Bản-Báo đăng trong mục này,
bài « **Chữ Việt cải-cách** » do tác-giả Nguyễn-Nhiên thảo
soạn với những cảm-tưởng và quan-niệm riêng.

L - T - S

Chúng tôi xin ghi rõ tất cả sự tiếp âm trong tiếng Việt cùng là trường hợp
của Ầ, Ẫ.

1. Với âm nguyên A ta có :

AY (ay) → AND (ăn) → AD (ăt)
→ AN (an) → AT (at)
AT (ai) → ANG (ang) → AG (ac)
→ ANQ (ăng) → AQ (ăc)

A (a)

ỨNG DỤNG : Năng GAY (grand) GAD
Nó BÀI (bang) BÁC
Giữ CHAQ (chéng) CHÁND
nhà ở RÀI (rang) RAG
Gấp MAY (mand) MAND
mưa ZAY (zand) ZAD
đường ZÀI (zàng) ZAQ

2. Với âm nguyên E chúng ta có :

EY (eo) → END (oen) → ED (oet)
→ EN (en) → ET (et)
E → ENG (eng) → EG (ée)
→ ENQ (anh) → EQ (ach)
→ ENK (oanh) → EK (oach)

Biệt chú: Tiếng Việt trong 4000 năm lịch sử sống còn toàn vẹn được bộ âm nguyên như ngày nay kể cũng đã chật vật khó khăn vô cùng. Sự thật nó đã phải bành trướng mọi biến âm liên quan để sống còn cho âm giọng; vậy lẽ đương nhiên không thể nào có sự sắp đặt sách đôi Thông Đờng Kết Tạo các âm nguyên trong âm giọng Việt nghĩa là không có vấn đề hoặc chủ ý Nguyên âm ghép (trừ vài trường hợp do khuyết điểm của bộ chữ cái Latinh chúng tôi đánh lòng cho sự biến âm đó được trở thành nguyên âm ghép vì không có chữ để ghi).

Nhìn trở lại bộ nguyên âm ghép của chữ Việt ngày nay:

OÃ, UÃ, OE, UÊ, UY, IÊ, UÔ, ƯƠ,

Với 2 âm khác biệt hẳn nhau (không có cái gì chứng tỏ sự liên-lạc) làm sao có sự kết hợp được.

Và nếu là nguyên âm ghép thì hai âm phải có đều đường độ và giá trị ?. Trái lại với OÃ, UÃ, hoàn toàn vô lý cho sự tồn tại của nó, với OE, UÊ cường độ và giá trị dồn cả vào E và Ê.

Nhận xét: mới TENK (toanh) và mới TENQ (tanh)

ZÊINK (đuềnh) và ZÊNIQ (dềnh)

Sự phân biệt OE và UÊ vốn chỉ là trạng thái của biến âm liên quan mà thôi.

3. Với âm Nguyên chúng ta có:

EIY (uê) → EIND (uên) → EID (uêt)

→ EIN (ên) → EIT (ét)

EI (ê) → EING (êng) → EIG (êc)

→ EING (ênh) → EIQ (êch)

→ EINK (uênh) → EIK (uêch)

Và đặc biệt, cùng với âm nguyên E, chỉ dùng và chỉ có đối với những tiếng tượng thanh (nhất là tiếng kêu của loài vật):

EY (oe) → ENGD (oeng) → (oec)

Thí-dụ: tiếng gà chim lớn:

«CEGD...; CEGD!...» (quéc! quéc!)

và: EIY (uê) → EINGD (uêng) → EIGD (uêc)...

Vì âm giọng khó khăn, những tiếng này rất hiếm có, ngoài trừ ít tiếng tượng thanh, còn không thấy trong tiếng Việt.

4.— Với âm nguyên O, chúng ta có:

OY (oay) → OND (oản) → OD (oắt)

→ ON (on) → OT (ot)

OI (oi) → ONG (oong) → OG (ooc)

→ ONQ (ong) → OQ (oc)

O (o) → ONK (oảng) → OK (oắc)

Ứng dụng: TRÔI TRÒN

LOND LONQ LOQ → LAND LOQ

KHỎY KHÓNK

VỖ VÀNG

RỌI RANG

SOI SÁNG

RỖ RÀNG, v.v...

5— Với âm nguyên O, chúng ta có:

OY (ây) → OND (ân) → OD (át)

→ ON (on) → OT (ot)

OI (oi) → ONG (ong) → OG (oc)

→ ONY (âng) → OQ (ác)

O (o)

Ứng dụng: GOY (COND) CÓNĐ

NGOY (ngond) NGOD

VỎD (Vond) VÒ

VÓ VỎND

ZO (zoy) ZÁY

ZAI (zôi) ZỘT

ZỎ (zôi) ZÓI

NGÓ (ngónd) NGỎND v.v.

6— Với âm nguyên Ô chúng ta có:

ÔY (ây) → ÔND (uản) → ÔD (uât)

→ ÔN (ôn) → ÔT (ót)

ÔI (ôi) → ÔNG (ôông) → ÔD (ôóc)

→ ÔNQ (ông) → ÔQ (ôc)

Ô (ô) → ÔNK (uảng) → ÔK (uắc)

Ứng dụng: còn RỎI và còn RỎN và còn RỐT

COY CÓNĐ dùm bọc lấy nhau.

CÓY và CÓNĐ

CAY CỎI, GAY (gông) GOQ

gió (land lônq) LOQ
Lâm CỎN COD

7— Với hai âm nguyên I ↔ U (liên quan)

chúng ta có :

UY (uy)	→	YND (uyn)	→	YD (úyt)
		UN (un)	→	UT (út)
UI (ui)	→	IN (in)	→	IT (ít)
		UNG (uung)	→	UG (uuc)
I (i)	→	ING (ing)	→	IG (uc)
		UNG (ung)	→	UQ (uc)
		INQ (inh)	→	IQ (ích)
		YNK (uynh)	→	YK (uych)

Biệt chú : Sự liên quan giữa U và I đã được biểu lộ bằng sự thay phiên xuất hiện của U và I trong hàng Biến âm Liên quan :

Thí dụ :

UY (uy) → YND (uyn) → YD (úyt)

(gốc là U) → (gốc là I) → (gốc là I)

Và ở trạng thái phát xuất, ta cũng thấy chúng biến chuyển dần từ U sang I :

UY (uy) → UI (ui) → I (i)

8— Với âm nguyên IE, một âm gò bó nên chỉ có :

IEI (iúi) → IEN (uôm) → IET (úrt)

IE (ư) → IENG (ưng) → UEG (ưc)

— IENQ (ưng) → IEQ (ưc)

Phụ Biến Âm Liên Quan.

Tuy nhiên phần trên chỉ có thể gọi là phần Liên Quan chính mà thôi. Ngoài ra còn một ít Biến âm Liên Quan khác (có lẽ cũng do ảnh hưởng tiếp âm ở phần trên mà ra) rải rác trong khắp tiếng Việt liên lạc với phần trên qua những âm nguyên.

I. Với A chúng ta có :

A (a) — AM (am) — AB (áp)

— AMP (âm) — AP (áp)

(chú ý tới sự biến của âm phụ M)

2. Với E, chúng ta có :

E (e) — EM (em) — EB (ép)
— EMP (oem) — EP (oep)

3. Với EI, chúng ta có :

EI (ê) — EIM (êm) — EIB (êp)
— EIMP (uêm) — EIP (uêp)

4— Với O, chúng ta có :

O (o) — OM (om) — OB (op)
— OMP (oãm) — OP (oãp)

5— Với Ó, chúng ta có :

O (ô) — OM (ôm) — OB (óp)
— OMP (âm) — OP (áp)

6— Với Ó, chúng ta có :

O (ô) — OM (ôm) — OB (op)
— OMP (uâm) — OP (uáp)

7— Với U, I, IE liên quan, chúng ta có :

U (u) → UM (um) — UB (úp)
— IM (im) — IB (íp)
— IEM (uúm) — IEB (úúp)
— DMP (iim) — IP (úp)
— UMP (uum) — UP (uúp)

3— Cải cách Biến Âm Liên Quan.

Vì không có sự ghi âm kiểm soát và nhận định, từ bao nhiêu năm nay, nên Âm giọng Liên Quan Việt Nam chỉ hoạt động mà không chú trọng được đến kết quả liên quan tạo thành. Cho nên ở những Biến Âm nhẹ nhẹ như với N, T, G, Q... tất cả các âm nguyên còn cùng chịu đựng được như nhau, nhưng tới những đoạn biến Âm mạnh mẽ dữ dội như với E, K, P... ở đằng sau thì bộ âm nguyên bị chia làm hai toán : chịu đựng nổi và không chịu đựng nổi.

Do đó, kết quả tạo thành đương nhiên phải tùy thuộc ở hình thể mỗi âm nguyên và nề nếp có sẵn từng từng khúc miệng khi phát âm.

Với A và O, miệng há to, âm phát ra được thoải mái nên dù ch biến tới phần cường độ mạnh mẽ, âm ra nhiều ít bao nhiêu, nó cũng đều đủ chỗ chứa chấp, quy tụ lại thành một khối đầy đủ tính các nguyên vẹn của âm nguyên :

AY, AND, AD và OY, OND, OD

AY, ANK, AK và OY, ONK, OK

A, ANP, AP, và O, OMP, OP.

Đọc rất gọn, thản nhiên như không có Biến Âm : âm phụ K (mạnh hơn Q) không làm nên công chuyện gì.

Cho nên với chữ cái cách, ở A và O Biến Âm không cần phải K phụ lực vì :

ANK AK hay ANH AQ

ONK OK hay ONQ OQ

âm phát ra cũng chỉ như nhau, và giá trị tư tưởng cũng như nhau thì có phân biệt đặt thêm K cũng rườm rà vô ích mà thôi.

Trái lại, khi hình thức Biến Âm đó tiến tới các âm khác hẹp hơn thì bé chỉ vừa đủ cho âm nguyên mà không thể cho tất cả thì lập tức hơi bị dồn ép bức bối mà tung tóe ra, lôi kéo theo cả nên nếp (khẩu độ cách phát) của âm nguyên.

Chúng ta sẽ dĩ nhận thấy được sự tung tóe ấy là nhờ ở cuộc khảo sát chiêm nghiệm từng vị trí nơi âm phát ra. Vì đứng song song cùng với âm nguyên (như với A và O) không được, cường độ hơi (gồm cường độ âm nguyên và cường độ âm tiếp) phải liệu cách tùy ở chỗ đứng của âm nguyên đã cố định sẵn mà hoặc bật ra đằng trước hoặc bật ra đằng sau hoặc vì dưới sức mà bật không nổi. Chúng ta có 3 trường hợp :

a) Bật ra đằng trước. Đối với những âm nguyên ở gần mé ngoài miệng giáp tới răng ; khi phát âm miệng khép, khẩu độ nhỏ hơn ra hẹp hơn (như E, EI, và IU) cường độ hơi không sao chen đầy được nữa, biến âm tạo thành đành phải nằm trước nguyên âm.

EY, END, ED và EY, EIND, EID và UY, YND, YD

EY, ENK, EK, và EY, EINK, EIK, và UY, YNK, YK

E, ENP, EP, và EI, EIMP, EIP.

Cho nên ngày nay khi đọc các kết âm đó ta phải đọc âm tiếp trước rồi mới đọc tới chính âm nguyên.

Âm tiếp đó chữ viết La tinh ghi bằng Q và u, o và u ấy chính là cường độ hơi dồn vào âm nguyên nhưng không làm biến được âm nguyên lại bị đẩy bật ra, nằm ở trước âm nguyên.

b) Bật ra đằng sau. — Đối với những âm nguyên gần sát với họng, trong cùng miệng (như o và ô chịu sức lôi cuốn trực tiếp của o) hơi không thể nằm trước âm nguyên được vì không còn một chỗ hở nào và nếu có (trường hợp

âm Ồ) thì cũng rất khó khăn eo hẹp, bức bối, không hợp với tinh thần biến âm liên quan, đành hăng tru-trượt qua âm nguyên mà nằm kẹp hợp ở mé sau. Vì trong khi vượt qua có hồi cả hai cường độ âm nguyên và âm tiếp đứng đều song song, ngang nhau tạo nên một sức gò bó tức tối nên sau khi được qua khỏi biến âm được hiện hình với một cường lực mạnh mẽ : hơi sẽ thổi bật ra ghè gớm đồng thời với sự dẫn miệng khác hẳn với các biến âm trên :

OY, OND, OD, và OY, OND, OD

OY, ONK, OK, và OY, ONK, OK

O, OMP, OP và O, OMP, OP

mà chữ viết ngày nay đã ghi những tình tiết đặc biệt đó bằng 2 Ǟ, Ǟ, giả tạo và u lỏng lẻo mơ hồ rời rạc.

c) KHÔNG BẬT. — Còn lại 3 âm I, IE, U với khuôn miệng dẫn mạnh, lưỡi ít động, khẩu độ khép, cổ họng hẹp hơn nghèo nàn về âm giọng nên biến âm mới từ họng lên đã bị khuôn miệng chặn lại không tới chẳng được. Và một số ít len lỏi được tới thì lại vẫn không lung lay nổi đành tạo nên một ít hơi thừa qua khe răng : iim, uum, urum, iin. uun, urun... rồi dần dà sau này tạo thành một thể nguyên âm ghép : io, ieo, uo...

Giờ đây thành lập bảng biến âm liên quan chúng ta mới nhận thấy những khuyết điểm rất sai lầm tai hại lớn lao cho nền tư-tưởng của Việt-ngữ.

(Còn nữa)

Ca dao

Giang hồ xuôi ngược hôm mai,
Càng sâu nghĩa bề, càng dài tình sông.
Nhấn ai trong kiếp bèo - bồng,
Cùng non, cùng nước, ta cùng thương nhau.

A-Nam, Trần-tuấn-Khải

QUỐC-NGŨ ĐỈNH-NGOẠI

(Đề góp vào công cuộc thống-nhất ngôn-ngữ)

BÙI-LƯƠNG

1— *Ủy mị* 委媚 — Nên viết và đọc đúng là *ủy mĩ* 委靡. Bởi hai chữ này viết ra quốc ngữ dễ lầm lẫn, chỉ khác nhau có dấu nặng thì thành "mị", dấu ngã thì thành "mĩ" mà thôi. Tiếng thành ngữ này có đã lâu, đời Đường đã có dùng, như: "đồi đoạ, ủy mĩ; bất khả thu thập" (Hàn Dũ) ngh-l: đồ nát và yếu ớt, không thể cứu chữa được. Nói về văn chương không có cốt cách mạnh mẽ, thành ra thứ văn là lướt yếu mềm, không thể cứu chữa được nữa. Nay ta nên nhận nghĩa và phân biệt thế này: Ủy: yếu ớt dễ hỏng. Mị: mềm mại dịu dàng từ cử chỉ và ngôn ngữ, làm ra vẻ đáng thương yêu, dễ lấy lòng người khác, như một số phụ nữ cốt lấy lòng người yêu, và hạng cận thần cốt lấy lòng vua chúa. Còn mĩ = cây cỏ lãn tãn mềm yếu, gặp gió là lướt đi, không đứng vững được, ví với người không có khí phách mạnh mẽ, nên phát ra văn-chương mềm-yếu. Hiểu như thế thì không thể lẫn được.

2— *Cấu kết* — Nên viết và đọc đúng là *câu kết* 句結. Câu = rủ rê và dẫn dụ người khác theo mình. Kết = kết thành đồ dằng dề mưu tính và thi hành công việc bất chính. Th-d: Đàng A cấu kết với đàng B để quấy rối nền an-ninh trật-tự. Còn "Cấu" có hai chữ, khác hẳn chữ "Cấu", đều không bao giờ đi liền với chữ Kết. Cấu 搆 = Rơ bần, nhiều bực đất, như Trần cấu = Bụi bần.

2 *Cấu* 構 = Cấu nhà như Cấu ốc = Dụng nhà. Xem thế thì Cấu không thể hợp với chữ kết được.

3— *Đăng tải* 登載 — nên đọc đúng là đăng tái. Vì chữ tái tuy cùng một hình chữ mà có hai âm: Tái và Tải, mỗi âm có một nghĩa riêng biệt. Âm thứ nhất = Biên chép thành từng chương, từng thiên, như: Ký tái thư tịch = Biên chép thành sách vở. Âm thứ nhì = Thời gian một năm, như: Tải tái gian lao = mười năm vất vả khó nhọc. Vậy những việc xảy ra hàng ngày mà chúng ta thấy ghi chép trên báo chí, nên đọc và viết là đăng tái, nếu đăng tái thì không có nghĩa.

4— *Điền kinh* — Tiếng này ta quen dùng đã khá lâu mà phiên âm đi, vốn là tiếng gọi văn tấu của hai thành ngữ *điền tại* 田賽, và *kinh tại* 徑賽 sách Tàu thường viết là điền, kinh tại. Điền là đồng ruộng, tại là thi

dua hơn kém Hợp hai tiếng, là thi đua tài nghệ ở một khu đất rộng ngoài đồng. Kinh là đường đi nhỏ... Cả hai tiếng thành ngữ này nghĩa là thi vận động ở trường thể thao và chạy thi việt dã.

Sách Từ nguyên mục chữ điền, trang 58 giải thích rõ như sau này: Điền tại: gồm sự ganh đua các môn, như: túc cầu, võng cầu, nhảy cao, nhảy xa, nhảy sào, ném tạ v.v. Sách Từ hải trang 513 định nghĩa như sau: Kinh tại gồm sự ganh đua các môn chạy thi như: chạy đường ngắn, chạy đường trường, chạy đường có rào chắn. Vì ta quen miệng đọc phiên tiếng kinh là kinh như ta thường nghe nói: Hôm nay mở mùa điền kinh. Lược sĩ X chiếm giải điền kinh hạng nhất.

5— *Yếu điểm* 要點 — Phần quan hệ thiết yếu của một sự, một vật, cũng như: yếu địa = khu đất thiết yếu và quan hệ cho việc dụng binh. Yếu tố = nguyên chất cần thiết để tạo nên một vật. Chữ yếu đây không phải nghĩa yếu ớt, mềm yếu của tiếng ta. Đã có một chữ Hán để dịch chữ yếu ớt của tiếng ta là chữ *nhược* 弱.

Bởi có một số người hiểu lầm, nên dùng lẫn. Vậy ta nên phân biệt cách dùng hai tiếng ấy như sau này: Th-d: Đức tính kiên nhẫn là một yếu điểm trong mỗi điểm để làm việc được thành công. Trò Giáp thông minh, nhưng có một nhược điểm là lời biếng-l.

DỊCH ĐƯỜNG-THI

KHUÊ-OÁN

(Nguyên-tác của Vương-xương-Linh)

*Khuê-trung thiêu-phụ bất trí sầu,
Xuân nhật ngưng trang thượng Thúy-lâu.
Hốt kiện mạch đầu dương-liễu sắc,
Hối giao phu tế mạch phong hầu.*

BẢN DỊCH

(của Tô-Nam Nguyễn-đình-Diệm)

*Buồng trong thiêu-phụ có buồn sầu,
Chải chuốt ngày xuân giao Thúy-lâu.
Thấy liễu buồn tơ lòng hốt-hận,
Xut ai đi kiếm ẩn phong-hầu.*

Thi ca

NHỊ TRƯNG

KHÁNG-CHIẾN

Giải Hát-giang sóng dào lai láng,
Anh thiều-quang rọi sáng long lanh.
Đốt bỏ đêm liêu rủ xanh,
Cảnh tiên phút chốc biến thành
trường-sa.

oO

Công vang sấm càn la thét gió,
Cờ Trưng-Vương nhuộm đỏ góc trời.
Gươm, đao, gáo, mác sáng ngời,
Quân quân, tướng tướng tới nơi lập
đồn.

oO

Trận Lãng-Bạc nhường còn uất-khí,
Đất Cầm-Kê nuôi chí phục-thù.
Rộn-ràng lễ-chính quân, nhu,
Nguyễn đem gan-óc đền bù non sông.

oO

Sức tuy núng, nhưng lòng vẫn vững,
Mệnh dù vong, danh đứng với đời.
Đã nêu Hồng-Lạc giống nòi,
Máu, xương quyết vẽ rạch-ròi viêm-
cương.

oO

Chợt thám mã bốn phương phi báo:
Quân Hán-Đông bốn đạo tập công;
Ngất trời sát khí mịt-mùng,
Muôn binh ngàn tướng thị-hùng
ra uy.

oO

Cờ nương-tử gặp khi giông tố,
Quyết tung mây, đốt vũ xung-phong,
Tiếc thay sức, chẳng chiều lòng!
Cầm-Kê kết cuộc tranh-hùng từ nay.

oO

Thân-khieu-diễm giữa bầy ưng khuyển,
Chữ kiện-trình giữ vẹn mới cao!
Cầm-Kê trút giải chiến-bào,
Hát-Môn đôi giọt máu đào lênh-đênh.

oO

Cuộc tranh thắng đã đành thất-bại,
Chí quật-cường lưu lại tấm gương.
Muôn năm danh vẫn hiển-dương,
Nam-bang tự chủ mở đường từ đây.

ĐẠM-QUANG

Nguyễn-Xuân-Sơn

ĐỀ TRANH « HOA ĐIỀU NGÀY XUÂN

(Điệu « Úc Tôn Nga »)

Hoa xuân nở,
Trước mặt gió đông cười hớn-hở.
Cười hớn - hở,
Chim gọi làng xuân,
Dậy xem hoa nở.

HUYỀN-MẶC

CẢNH MÙA XUÂN

(Điệu « Xuân Quang Chiếu »)

Xuân như vẽ,
Cảnh ban ngày,
Hòa - âm thay,
Hoa đào mím miệng, liễu phơi mày.
Bướm đua bay,
Cái én đầu tường mùa khô,
Con oanh trên cội hát hay.
Bồng xuân hững-thú lấy chi bầy?
Lựa khúc này.

HUYỀN-MẶC

KINH BUỒI SÁNG

Sớm mai dậy, lòng con đang trong suốt,
Con nhìn lên, ao ước những nguồn vui.
Bình-minh đây thức tỉnh biết bao người,
Lòng thanh-thản như sương rơi dịu mát.
Con thờ Chúa với niềm-tin thom ngọt,
Chẳng nhuộm màu bụi cát với to vương.
Con cúi xin nơi Chúa mọi tình thương,
Đề đầu đất trên bước đường gai góc.
Vì trần-thế biết bao nhiêu hần-học,
Biết bao điều tù-nhục lẫn xấu-xa,
Xin cho con lòng mến Chúa thiết-tha
Đề can đảm xông-pha tròn bổn-phận,
Xin chữa con cho khỏi điều lăm-lẩn
Và tươi-cười đón nhận mọi Phúc-Ám.
Bao bọc con bằng ánh-sáng trắng ngần,
Trong giờ phút chen chân vào huyền-náo.

BÀ MAI-OANH

VỊNH PHONG-LAN

Ở ĐÀ-LẠT

1

Ở chốn non tiên cảnh hữu-tình,
Phong-lan càng ngắm lại càng xinh.
Hoa vừa đua nở, hương vừa ngát,
Cành vãn khoe tươi, lá vãn xanh.
Cỏ-thụ bốn mùa nương bóng mát,
Thâm-sơn một giải đượm màu thanh,
Thiên-nhiên riêng một bầu non nước,
Xa lánh phồn-hoa chốn thị-thành.

BÀ VÂN-KHÁNH

2

Mượn bút đề thơ giải tám tình,
Vi lan tô điểm nét tươi xinh.
Trăm hoa trăm vẻ khoe màu thắm,
Muôn lá muôn rờ đượm sắc xanh,
Vương-giả đã lừng danh phẩm quý,
Lâm-tuyền riêng chiếm giá băng thanh.
Thú quen * sinh-ký * ngành cao-cổ,
Chen-chúc mà chỉ chốn thị-thành.

BÀ HỒNG-THIÊN

DIẾU VĂN

Kính viếng ông bạn làng văn : LÊ-NGỌC-RUY tiên sinh, tạ thê
tại nguyên-quán làng Lang-xá, Quận Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định, Bắc-Phần
(Đọc trong buổi lễ truy-niệm tại chùa Vạn-Thọ Saigon).

Đạm Nguyên đạt nghĩ

Đứng trước linh-sàng Lê-Tiên-Sinh, chúng tôi một nhóm thân-
bàng,, thiên-cư Nam-Việt, ngậm ngùi thương tiếc, khóc mà than rằng:
Bóng câu thấp thoáng, nợ Trần-hoàn trả trả, vay vay;
Hồn điệp bàng khuâng, kiếp phù-thê sinh sinh, hóa hóa.

Nhớ tiên sinh xưa :

Nền nếp Nho-gia, Tình tình phong-nhã;
Bút-hiệu Lê-Viên, Quán làng Lang-Xá;

Ngoài hai mươi tuổi, kinh thu hồ-hải. từng thông lý số, nho, y;
Trong bốn chục năm, hương thú điền-viên, vui cùng: cầm, kỳ, thi, họa.
Nhờ phúc-âm, giữu lòng cần kiệm, gây nên ruộng cả, ao liền;
Theo Tiên-công chuyên việc bút nghiên, quản gì ngày đồng, tháng hạ.

Báo đền nợ nước, Nối chí Cha hiền;
Tham dự việc Dân, Xứng người anh cả,

Gái bốn năm cô, tình thông kính sử, nước tiếng tài ba;
 Trai năm bảy cậu, luyện tập binh nhung, dự hàng tướng, tá.
 Quê hòe đua nở, gương Nữ-tắc sáng rực cửa nhà;
 Tùng cúc khoe tươi, gió Nam-huân tô thêm hoa lá.
 Thời thì thôi, Thế cũng thỏa;
 Thác về, sông gửi, ai cũng một lần;
 Công lớn, đức đầy, danh lưu muôn thủa.

Chúng tôi

Một nhóm thân bằng, Ngồi ngùi tắc dạ.
 Bao xiết tiếc thương, Muốn vãn buồn bã.
 Trường lúc thiếu thời, trúc mai xum họp, mừng thay Lê, Nguyễn
 một nhà.

Gặp hồi tao loạn, đất nước qua phân, sui nên Bắc Nam đôi ngã.
 Nghe tin hạc vàng vôi lánh, lòng những bàng khuâng;
 Đoái nhìn mây trắng xa bay, lệ rơi tầm tã.

Tạm dăng li rợn, giải bày mượn ý văn - thơ,
 Kính chúc đôi hàng, giám đầu đua tài thi-bá.

Âm-Dương cách trở, dưới Tuyên-đài họa thẩu cho nhau;
 Ân-nghĩa cao sâu, trên Trần-thế ai hay chẳng tá.

Hồn phách anh linh, Những mong chứng quả.
 Ô hô! Cung duy thượng hưởng.

oOo

PHỤ THÊM MÂY VẦN LỤC BÁT

Gặp con ông, lại nhớ ông,
 Nhớ Long-thành buổi tương-phùng năm xưa.
 Cuộc đời qua mấy nắng mưa,
 Hỏi người năm trước, bây giờ ở đâu?

ĐẠM-NGUYỄN



LÃO-TỬ

ĐẠO-ĐỨC-KINH

QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

(Tiếp theo V.H.N.S. số 26)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XXXI

夫	佳	兵	者	不	祥	之	器	物	或	忌
之	故	有	道	者	不	處	君	子	居	則
貴	左	用	兵	則	貴	右	兵	者	不	祥
之	器	非	君	子	之	器	不	得	已	而
用	之	恬	淡	為	上	勝	而	不	美	而
美	之	者	是	樂	殺	人	夫	樂	殺	人
者	則	不	可	以	得	志	於	天	下	矣
吉	事	尚	左	凶	事	尚	右	偏	將	軍
居	左	上	將	軍	居	右	言	以	喪	禮
處	之	殺	人	之	衆	以	哀	悲	泣	之
戰	勝	以	喪	禮	處	之				

三十一章

DỊCH ÂM

TAM THẬP NHẤT CHƯƠNG

Phù giai binh dã bất trường chi khí, vật hoặc ố chi, cố hữu Bạo dã bất xử. Quân tử cư tắc quý tử, dụng binh tất quý hữu. Binh dã bất trường chi khí, phi quân tử chi khí; bất đắc dĩ nhi dụng chi: diềm đạm vi thượng, thẳng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi dã, thị lạc sát nhân. Phù lạc sát nhân dã, tắc bất khả dĩ đắc ư thiên hạ hỹ. Cát sự thượng tả, hung sự thượng hữu; thiên tướng quân cư tả, thượng tướng quân cư hữu, ngôn dĩ tang lễ xử chi. Sát nhân chi chúng, dĩ ai bì khấp chi; chiến thẳng, dĩ tang lễ xử chi.

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG BA MƯƠI MỐT

Ồi đồ binh tốt là vật chẳng lành, vật hoặc ghét nó, cho nên kẻ có Đạo không chịu ở đấy. Người quân tử ở thời quý trọng bên trái, dùng binh thời quý trọng bên phải. Việc binh là đồ chẳng lành, không phải đồ của người quân tử. Chẳng dùng được mà dùng đến thì diềm đạm là hơn, được mà không cho là hay. Kẻ được mà cho là hay ấy là kẻ vui thích giết người.Ồi kẻ vui thích giết người thì không thể thỏa ý muốn ở thiên hạ vậy. Việc lành chuộng bên trái, việc dữ chuộng bên phải. Phó tướng ở bên trái, thượng tướng ở bên phải, nói lấy lễ tang xử đấy. Giết người nhiều, lấy sót thương khóc đấy. Đánh trận được, lấy lễ tang xử đấy.

CHÚ GIẢI

CHỮ VÀ CÂU KHÁC NHAU TÙY THEO CÁC BẢN.

Chương này chữ và câu trong các bản khác nhau rất nhiều.

Triều-Thuyết-Chi 鼎說之 (người đời Tống): *Vương-Bật*, trong *Lão-tử*, nói: Từ: « binh dã bất trường chi khí, phi quân tử chi khí 兵者不祥之器非君子之器... » đến hết chương, đều vốn không phải lời *Lão-tử*.

Vương Đạo 王道 nói: Từ « Binh dã bất trường chi khí... » trở xuống, dường như lời kinh, lời chú xen lẫn, ngờ rằng lời giải thích nghĩa văn thừa trước đã pha trộn vào với kinh văn.

Nguy Nguyên 魏源 nói: « Nguyên xét ra những câu trong chương này của *Vương Bật* đã thấy thiếu rồi; *Triều-Thuyết-Chi* ở buổi đầu đời Tống hoặc còn được đọc đủ chẳng; cù sao, các câu văn nối tiếp nhau thành nếp đã lâu ngày, bây giờ đành dựa theo mà chép lại ».

Tóm lại, ttong chương, lời kinh lời chú (chú xưa hoặc chú của *Vương-Bật*) pha trộn cơ hồ đã thành định luận, vì thể hiện nay trong các bản của *Vương Bật*, riêng chương XXXI có Văn, không chú, ta không có cách gì phân biệt, nên phải viết liền đi.

Phù giai binh dã 夫佳兵者: Các học giả đời Thanh như *Vương-Niệm-Tôn* đều nói: chữ *giai* 佳 nên đổi làm chữ *chuy* 佳. Chữ *chuy* 佳 tức là chữ *duy* 唯 hay 惟 viết giản đơn. Trong Cổ văn, chữ *duy* 唯 chính viết là *chuy* 佳, ở các đỉnh đồng, trống đá,

Giai 佳: Đẹp, tốt.

Hà-thượng công giải thích là *tu súc* 修飾 = sửa sang, trang điểm cho đẹp, cho tốt.

Chữ *giai* 佳 có nghĩa như chữ thiện 善 = tốt lành.

Nhưng như trên ta đã thấy, *Vương-Niệm-Tôn* cho rằng cái nghĩa chữ *giai* 佳 là « tốt, lành » hay « trang điểm cho đẹp » đều chưa được ổn. Chữ *giai* 佳 nên đổi ra chữ *duy* (唯 hay 維). Hai chữ *phù duy* 夫唯 đi liền ta thường vẫn gặp trong *Đạo-Đức-Kinh*.

Tuy nhiên, trong *Lão-tử* bản nghĩa của *Nguy Nguyên* có lời chú rằng: « Người đời Hán đã dùng câu nói sẵn « *giai binh bất trường* 佳兵不祥 », ắt thành ngữ này lưu truyền vốn tự xa xưa »; Bản nghĩa lại thêm:

« Bản của Phó Dịch viết thẳng *mỹ binh* 美兵, vậy thì Phó Dịch cho chữ *giai* 佳 là chữ mượn viết thay cho chữ *gia* 嘉 nghĩa là tốt, đẹp » (theo *Từ Hải*)

Ở đây theo bản *Vương Bật* nên đề nguyên chữ *giai* 佳.

Bất trường 不祥: Không có phúc — Chẳng lành.

Khi 器: Đồ dùng.

Vật 物: Trỏ chung muôn loài sinh ra trong trời đất.

Cát-Trường-Canh 葛長庚 (đời Tống)

nói : «chữ *vật* 物 này trở người».

- Xử 處** : 1— Ở ; dừng lại.
2— Yên định.
3— Về (tỷ dụ như trong câu : «Các hữu thu xử = đều có thu về» : Tả truyện, Trương-Công, năm thứ tư).
4— Thường (tỷ dụ như trong câu : «Hi nộ vô xử = mừng giận không thường» : Lã-thị Xuân-Thu).

Bất xử 不處 : Không ở việc binh, nghĩa là không dừng lại, không yên định ở việc dùng binh ; không tha thiết với việc dùng binh.

Quân tử 君子 : 1— Người giỏi và có đức.
2— Người có địa vị.

Quý tả, quý hữu : 貴左 貴右 : Bên trái (phía tả) thuộc Dương, tượng trưng cho sự sống, vì thế người Quân tử ở yên thì quý bên trái (phía tả). Bên phải (phía hữu) thuộc Âm, tượng trưng cho sự chết, bởi vậy dùng binh (chủ về việc chém giết) thì lại quý bên phải (phía hữu) hơn.

Phù giai binh dã bất tương chi khí, vật hoặc ố chi, cố hữu Đạo dã bất xử. Quân tử cư tắc quý tả, dụng binh tắc quý hữu.

Bình càng tốt, càng sắc, nhọn, sự tàn phá, giết chóc càng dễ dàng mau lẹ, cho nên mới bảo bình là đồ chẳng lành ; mọi loài (người, vật) đều ghê tởm ; người có Đạo không bao giờ tha thiết, yên định ở việc dùng binh. Bậc quân tử lúc bình yên thì quý phía tả và tả thuộc Dương, tượng trưng sinh khí của Trời tới khi dùng binh tự nhiên quý phía hữu, vì bình vốn chẳng lành, hợp với hữu thuộc Âm, tức là tử khí.

Điềm đạm 恬淡 : Thanh tĩnh (trong sạch và yên lặng) tức như ở hai chương trên đã nói : «bỏ cái gì : rất lắm, — quá đổi, xa xỉ, — cực lớn, hanh thông» (ch. XXIX) và «không dám đem binh lấy mạnh» (ch. XXX)

Thắng 勝 : 1— Được, trái lại với thua. Đánh được quân địch.
2— Chiếm được thế hơn.

Bất mỹ 不美 : Không lấy làm đẹp, không cho là đáng khen.

Đắc chí 得志 : Thực hiện được chí mình ; làm được điều mình hằng theo đuổi. Thỏa chí.

Bình dã bất tương chi khí, phi quân tử chi khí ; bất đắc dĩ nhi dụng chi, điềm đạm vi thượng, thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi dã, thị lạc sát nhân ; phù lạc sát nhân dã, tắc bất khả dĩ đắc chí thiên hạ liệ.

Bình là vật chẳng lành, không phải đồ dùng của người quân tử. Nếu cực chẳng đã phải dùng tới thì vẫn lấy thanh tĩnh (trong sạch yên lặng) làm trên hết ; mưu cao, kế giỏi là không cần giao chiến, vì kẻ có tướng tài luôn luôn biết trọng mạng người.

Được trận có hay, có quý gì đâu ; cung cứng, tên nhọn, gươm sắc, giáp dày ; nhân giả chưa từng trân trọng yêu đương ; những lương tướng đời xưa thắng trận không bao giờ hơn hờ vui mừng, vì vẫn nhớ tới câu :

Nhất tướng công thành vạn cốt khô (1)

一將功成萬骨枯

và hồn tử sĩ đang kêu gào trong trận Bắc-phong thổi ù ù trên giòng sông Vô-Định.

Kẻ nào lấy được trận làm hay, làm quý tức là kẻ ưa thích trò giết người như Tần-Thủy-Hoàng, Hạng-Vô... Những bọn hiểu chiến đa sát đều bị dân coi là thù địch và dân sẽ ruồng bỏ hay phản lại ; lần giờ những trang sử cũ, ta thấy mấy tên hung thần khát máu ấy chưa từng thấu phục được lòng thiên hạ để gây nên sự nghiệp dài lâu,

Thầy Mạnh từng chẳng đã nói rằng : «Kẻ tài nghệ chinh chiến phải chịu tội thượng hình» (2) và (ông vua không hay giết người thì thống nhất được» (3) và «dân thiên hạ đều ghen cờ mà mong...» (4) thật hợp với câu : «kẻ vui giết người thì không thể thỏa ý muốn ở thiên hạ» trong chương này của Lão-Tử.

Cát sự 吉事 : Việc lành, việc tốt, việc vui mừng.

Hung sự 凶事 : Việc ác, việc dữ, việc xấu. Việc không tốt lành.

Thượng 尚 : Chuộng-Trọng.

Thiên 偏 : Phụ giúp (tỷ dụ như trong câu : «Thà Tư-mã, Lệnh-đoãn chi thiên : Và quan Tư-Mã là người phụ giúp quan

1— «Phơi thây trăm họ làm công một người» (Nguyễn Du : Văn tế thập loại chúng sinh)

2— Thiện chiến dã phục thượng hình 善戰者服上刑
314 : Bất thị sát nhân dã năng nhất chi 不嗜殺人者能一之... Thiên hạ chi dân, dai dẫn lĩnh nhi vọng chi hỹ 天下之民皆引領而望之矣
Mạnh tử, Lương-Huệ-vương, thượng, chương 6.

Lệnh-Doãn : Tả truyện, Trương công, năm thứ 30)

Thiên tướng quân 偏將軍 : chức võ tướng, phụ giúp chính tướng.

Thượng tướng quân 上將軍 : Cấp bậc tướng chỉ huy cao nhất trong quân.

Thượng tả, thượng hữu 尚左尚右 : Chuông phía bên trái, chuông phía bên phải. Theo *Dật Chu thư* 逸周書 thiên Vũ-thuận 武順 thì lễ lành (tế tự; một trong 5 lễ đời cổ : Cát, hung, tân, quân, gia) *vòng trở về bên trái*, thuận theo Trời để dựng gốc, Lễ vũ (lễ trong quân) *vòng trở về bên phải*, thuận theo Đất để lợi việc binh. Kinh Thi, thơ "Thường thường đã hoa" cũng có câu "Tả chi tả chi, quân tử nghi chi ; hữu chi hữu chi, quân tử hữu chi : bên trái đấy, bên trái đấy, người quân tử nên đấy; bên phải đấy, bên phải đấy, người quân tử có đấy (5). Lời truyện của họ Mao rằng : « Bên Tả, Dương đạo, là việc triều đình, tế tự ; bên Hữu, Âm đạo, là việc tang ma, quân binh » (trích dịch lời chú của Cao Hanh : Lão-tử chính hử)

Cư tả cư hữu : 居左居右 : Ở bên trái, ở bên phải. Thiên tướng là người phụ giúp, địa vị còn kém thượng tướng. Tại sao thiên tướng lại ở bên trái thuộc Dương mà thượng tướng lại ở bên phải thuộc Âm ? Ấy vì việc binh chủ về chém giết, gieo rắc tang tóc đau thương cho nhiều người. Thượng tướng có trách nhiệm toàn quyền ; được trận nghĩa là đã làm hại bao nhiêu tính mạng quân, dân, cho nên theo lễ tang mà đứng về bên phải. Thiên tướng không ở địa vị chỉ huy trận đánh, việc đồ máu không tự mình quyết định, vì vậy mới được đứng về phía bên trái lúc lễ cử hành.

Tang lễ 喪禮 : lễ tang ; hung lễ, làm khi có người chết.

Đĩ tang lễ xử chi 以喪禮處之 : dùng lễ tang mà xử trí, ứng phó đối đãi.

Ai bi 哀悲 : Thương mà đau đớn. Xót thương. Đời cổ, sau khi thắng trận rồi, ắt có lễ tang ; viên tướng chỉ huy bản tang phục, đứng địa vị chủ tang, làm lễ và thương khóc.

Cát sự thượng tả, hung sự thượng hữu, Thiên tướng quân cư tả, thượng tướng quân cư hữu ; ngôn dĩ tang lễ xử chi. Sát nhân chi chúng, dĩ ai bi khắp chi ; chiến thắng, dĩ tang lễ xử chi.

(5) Quân tử trở vua Ý nói tài đức gồm đủ, nhà vua dùng phụ giúp ở bên tay trái, không điều gì là không nên, dùng phụ giúp ở bên tay phải, không điều gì là không có.

Chiến tranh là sự gở độc, nên coi như việc tang mà buồn thảm.

Theo Trần-Trụ câu này ý vẫn hẹp hòi nông cạn, không ra về văn Lão-tử ; nhất là có chữ *ngôn* 言 khiến ta lại càng ngờ rằng *đây chỉ là lời chú, chép lẫn vào với kinh văn.*

ĐẠI-Y KIÊM TÔNG-BÌNH

Chương này chỉ làm xung mãn thêm ý "phản đối chiến tranh" ở chương trên.

Bình là vật bất tương, vật loại còn oán ghét thay, nói chỉ đến con người, cho nên một rằng : "bình không phải đồ dùng của bậc quân-tử nhân", hai rằng : "kẻ có Đạo không bao giờ yên định, tha thiết với việc rầy binh, dùng võ lực".

Nếu cực chẳng đã phải dùng tới, thì vô luận kết quả thua hay được, nhất định hàng ức triệu người chém giết lẫn nhau nơi chiến địa, vẫn là một điều đại bất hạnh, thế thảm vô cùng/.

DỊCH ĐƯỜNG THI

XUÂN-KHUÊ

Nguyên-tác của Trương-trọng-Tố

*Niều niều thành biên liễu,
Thanh thanh mạch thượng tang.
Đề lung vong thái diệp,
Tạc dạ mộng Ngủ-Dương.*

BẢN DỊCH

của Tô-Nam Nguyễn-đình-Điện

*Thướt-tha tơ liễu rủ bên thành,
Mườn mượt nương dâu những khóm xanh.
Sọt quây về không âu bởi tại...
Ngủ-dương mộng giấc tàn canh.*

oOo

*Bên thành tơ liễu rủ,
Ngoài ruộng khóm dâu xanh.
Sọt đó, dâu quên bằng ?
Ngủ-dương mộng chưa thành !*

BÀN VỀ VŨ-TRỤ

UNG-TRÌNH

THÔNG - thường ai cũng biết : Con người là một phần-tử của vũ-trụ. Đã là một phần-tử của vũ-trụ, thì có quyền-lợi được hưởng, tất cả những gì giữa vũ-trụ có ; song phải biết làm người, nghĩa là phải biết làm bổn-phận của con người. Trong sách Tiên-nho Ngũ-lục có câu : " Vũ-trụ nội sự, nãi kỳ-phận nội sự, kỳ-phận nội sự, nãi vũ-trụ nội sự ". Vậy thì trước khi cố gắng, làm bổn-phận cho đầy đủ, chúng ta phải biết bản thể của vũ-trụ là thế nào.

Từ xưa đến nay, các nhà triết-học phương Đông, đã tìm-tòi đủ cách, mong cho biết chân-tướng của vũ-trụ, chỗ nguồn gốc của con người ; thế mà cứu-cánh, chỉ hình-dung được trời, đất, và những hiện-tượng trước mắt chúng ta : còn đến bản-thể của vũ-trụ thế nào, thì cả các nhà khoa-học của thế-kỷ XX này, có đủ vạn-năng, cũng không sao chứng-minh cho cụ-thể.

Theo Liệt-tử, là một pho sách tối-cổ, có người nói : Tác-giả là Liệt-Ngư-Khẩu, người đời nhà Chu. cách chúng ta hơn hai ngàn năm, thì có những danh-từ, về lúc vũ-trụ còn hỗn-độn. Như : Thái-dịch, Thái-sơ, Thái-thì, Thái-tố. Khi chưa có khí là Thái-dịch ; khi mới có khí là Thái-sơ ; khi các chất mới sinh, gọi là Thái-thì ; khi các chất mới tượng hình, gọi là Thái-tố.

Sách ấy nói : « Cả khí, cả chất, khi dương còn lẫn-lộn với nhau, thì giữa hư-không chỉ là một bầu nguyên-khí : khi tịnh là âm, khi động là dương. Mà cũng vì có âm có dương, cho nên giữa hư-không sinh ra vạn tượng thiên hình, kể cả trời đất ».

Hơn 5 thế-kỷ trước công-nguyên, Khổng-tử nhìn nhận vũ-trụ một cách khác : không phân-tích những gì là hiện-tượng, cũng không nói đến bản-thể ; Khổng-tử chỉ căn-cứ theo lưỡng-nghi, giữa bầu Thái-cực, làm khuôn-mẫu, sinh thành vạn vật, kể cả loài người.

Cũng trong thời-kỳ ấy, tại phía nam Trung-quốc, Lão-tử lại quan-sát vũ-trụ theo tầm mắt đạo-gia, nhìn vũ-trụ một cách huyền-bí ; gọi vũ-trụ là « Đạo cả », là vì vạn-hữu sinh hóa theo một luật chung, nghĩa là luật tự-nhiên, mà do vũ-trụ chi-phối.

Có người hỏi : « Bản-thể của vũ-trụ thế nào ? »

Lão-tử đáp ; « Những hiện-tượng mà chúng ta thấy, đều tự chỗ không mà sinh ra ; vậy mà vũ-trụ là ở chỗ không ; thành-thử, vũ-trụ không có bản-thể. Nếu có bản-thể, thì chỉ là một trong các hiện-tượng không phải là vũ-trụ nữa ».

Trong sách Hoài-nam-tử của Lưu-An, con Lưu-Bang, Cao-tò nhà Hán, chính

là đời Võ-Đế nhà Triệu của nước Việt-nam, có giảng-giải rằng : « Vũ-trụ vô hình, chỉ lấy không-gian với thời-gian là yếu-tố. Không-gian là cả bốn phương và trên dưới ; còn thời-gian là cả ngàn vạn đời liên-tiếp quá-khứ cũng như vị-lai ».

Dương-Hùng cũng là một hiền triết đời Hán, sau khi tìm-tòi bản-thể của vũ-trụ, mới làm sách " Thái-Huyền " giải-thích một cách rất huyền-vi, lại còn huyền-vi hơn kinh của Lão-tử nữa.

Tại Ấn-độ, theo một tôn-giáo tối-cổ, như đạo Bà-la-môn, thì nhìn-nhận vũ-trụ là Đại-hồn, vạn-hữu là Tiểu-hồn ; vì Tiểu-hồn bị luân-hồi, mỗi đời mỗi rời xa Đại-hồn, cho nên phải chịu cực-khổ, đau-đớn ; thường mong có ngày được giải-thoát, được trở về với Đại-hồn.

Thích-Ca lại giải-thích vũ-trụ ra hai lối : Theo triết-lý, thì vũ-trụ không có bản-thể : mà cũng vì không có bản-thể, cho nên tồn-tại đời-dời, vô thủy, vô chung : bao-dung tất cả những gì, đã do nhân-duyên cấu-kết. Theo giáo-lý, thì Phật nói " Giữa vũ-trụ có hơn ba ngàn thế-giới, mỗi thế-giới có những cảnh sắc khác nhau ».

Về vũ-trụ-quan, như chúng ta đã thấy, các vị thánh, hiền, đời thượng-cổ, vị thì hình-dung theo đạo-lý, vị thì hình-dung theo quan-niệm riêng ; song đều không có tín-bằng, chỉ là ức đoán.

Nay chúng ta nhìn sang bên kia bờ biển, năm, sáu, thế-kỷ trước công nguyên thì thấy tư-tưởng của phương Tây, chẳng khác nào tư-tưởng của phương Đông, như phái Py-ta-go (Pythagore), quan niệm về vũ-trụ, gần họ Lão, hay là đã khuynh-hướng theo lý-thuyết của Đạo-gia : lấy con số để chứng-minh, như họ Lão đã nói : " Nhất sinh nhị, nhị sinh tam ... » Còn phái khác, như phái E-tê-at (Eléates), thì chẳng khác gì nhà Nho, nhìn-nhận bản-thể của vũ-trụ là Lý.

Trên mấy thế-kỷ trước công-nguyên, nhiều nhà triết-học Hy-lạp, như : Pê-lô-tông (Platon), A-rít-tốt (Aristote), cho đến Lu-cô-rét (Lucrèce) cũng như Lão-tử ở Trung-quốc, đều công-nhận rằng : « Vũ-trụ không có bản-thể, mà bao-hàm ngàn vạn ngôi sao ; mỗi ngôi sao lại tự chuyển-vận theo luật chi-phối chung, ngôi nọ hấp-dẫn ngôi kia, thành có hệ-thống, có nguyên-tắc . . . »

Vì chưa có nhà nào tìm được một bằng-chứng cụ-thể, cho nên phương Tây cũng như phương Đông, đều phải tạm theo bấy nhiêu giả-thuyết đời xưa ; song vẫn mong về tương-lai, có nhà nào thấy được vũ-trụ bản-thể.

Đầu thế-kỷ thứ XVI khoa-học đã manh-nha, có người sùng-bái như thánh, như thần, tin khoa-học có đủ sức làm mưa, làm gió ; nhất là những khi các nhà khoa-học, thuyết-minh về vũ-trụ bản-thể, với những phương-pháp tối tân. Song chúng ta nhìn với đôi kính hoài-nghi, thì thấy rõ các nhà khoa-học đời nay, cũng chỉ thấy những gì các nhà triết-học đời xưa đã thấy.

Niu-tông (Newton 1642-1727) phát-sinh ra phép trắc-lượng sức hấp-dẫn lẫn nhau của vạn vật trong vũ-trụ, lại tiên đoán được ngày giờ và địa điểm xuất hiện, của các ngôi sao chổi giữa bầu trời. La-pô-lác (Laplace 1749-1827) thì khám-phá ra giữa vũ-trụ có trăm ngàn đám tinh-vân, mà mỗi đám tinh-vân có

trăm ngàn thế-giới. Ái-tiêng (Einstein), cách chúng ta mới 80 năm, thì nói : vũ-trụ là nguyên-tử hóa-thân, không phải là do chất nước hay là chất lửa, như nhiều nhà đã ước đoán. từ 5, 7, thế-kỷ trước công-nguyên ».

Vậy thì chúng ta nhận thấy . tất cả các nhà khoa-học trứ danh, cũng chỉ giải-thích được những hiện-tượng trong vũ-trụ mà thôi ; còn bản-thể của vũ-trụ thế nào, thì vẫn còn là ước đoán. Các nhà khoa-học theo phương-pháp thí-nghiệm, cũng như các nhà triết-học theo nhiều đời kinh nghiệm, khoa-học với triết-học làm nhân quả cho nhau : khoa-học chỉ là triết-học chuyên-khoa không phải có lý khai, tự lập ra một lãnh-vực riêng, như nhiều nhà đã tin-tưởng.

Hướng người phương Đông trọng thực-tế, lấy kinh-nghiệm, lấy sử sách, làm bằng ; nay nhiều nhà khoa-học khuyên rằng : « Nên bỏ lối cảm-tình, bỏ lối chủ-quan, mới mong có ngày thấy chân-tướng của vũ-trụ . . . » Song, sở dĩ chúng ta mong tìm bản-thể của vũ-trụ, không phải mong thấy mấy trăm ngàn thế-giới, mấy mươi vạn ngôi sao ; chúng ta chỉ mong thấy nguồn-gốc của loài người, vũ-trụ riêng hay là thế-giới riêng của chúng ta, để làm phận-sự cho đầy-đủ. Nếu có thể tìm thấy, thì dầu phải đi ngược thời-gian, trở lại đời của Phục-Hy, đạo làm người mới phối-thai, để đóng những vai phần-tử của vũ-trụ về đời ấy.

ĐẠI TRƯỞNG PHU

PHÚ quý bất năng dâm, bần-tiền bất năng di, uy-vũ bất năng khuất, thủ chi vị đại-trượng-phu.

MANH-TỬ

— Giàu sang không làm cho say đắm dâm dục, nghèo hèn không làm cho đổi dời chí cả, uy-vũ không làm cho khiếp sợ, thế mới gọi là đại-trượng-phu.

H - VẤN DỊCH

LƯỢC-THUẬT VÀI TỤC-LỆ ĂN TẾT

TỪ ĐÔNG SANG TÂY

TAM-HÓA

TRÊN thế-giới, từ Tây sang Đông, dân nước nào cũng thế ; mỗi khi đông qua xuân tới, ai cũng nô nức thích vui với Tết, hơn hờ thích sống với Xuân, vì hờ hết ai cũng nghĩ thầm :

Chơi xuân kéo hết xuân đi,

Cải già sống sót nó thì theo sau.

Có khác nhau là khác ở những phong tục, lắm khi rất lạ tai lạ mắt, về cách ăn Tết hoặc về cách thưởng xuân. Vậy nhân dịp xuân đã về đây, tôi xin hiến các bạn đọc ít nhiều tập tục khác thường ấy của một ít nước ở Tây Phương và Đông-Phương, âu cũng là một truyện vừa để mua vui, vừa để so sánh những điều đặc sắc về những cách ăn tết trên thế giới.

A - TẾT Ở TÂY - PHƯƠNG

TẾT Ở PHÁP

Ở Pháp, đêm trừ tịch, người ta thường hội họp nhau ăn uống vui vẻ, hoặc khiêu vũ và đợi giao thừa.

Khi nhà thờ rung chuông báo hiệu năm mới đã tới, tức thì cuộc khiêu vũ ngừng lại; họ ôm nhau hôn để tỏ tình thân ái và hơn hờ chúc tụng tân niên.

Suốt ngày nguyên-đến, họ đi chúc-tụng lẫn nhau, ăn uống nhậu múa hoặc hện hồ ân-ái rất là vui vẻ.

Khắp nước đều ăn tết đại khái như thế, nhưng tục-lệ có hơi khác nhau tùy từng địa phương.

Tại Ba-Lê, trong rạp hát, ngày mừng một tết, nếu tài-tử nào ôm lấy người tươi vôi rờng trên sân khấu giữa hai màn trò, họ tin tưởng rằng trong năm sẽ gặp nhiều sự tốt lành. Ai gặp được viên linh thủy ở ngoài đường cũng cho là may mắn lắm ; nếu một lúc gặp luôn ba người linh thủy, thì tài lộc đại phát trong năm.

Còn ở miền Đông nước Pháp, vào lúc giao thừa, người ta tin rằng cầm một đồng tiền vàng thì sang năm sẽ đại-phú. Tại miền tây, nam nữ thanh niên vào rừng đua nhau bẻ cây "tâm cửi" (gửi). Cậu trai nào về làng trước nhất sẽ được suy tôn là vua "tâm cửi" và suốt ngày mừng một tết, cậu trai đó sẽ được quyền ôm lấy bất cứ một phụ nữ nào đi qua nhà mình và tặng mỗi người một cái hôn lấy may.

TẾT Ở ANH CÁT LỢI

Ngày Tết, nhà nào cũng treo một cành "tâm cửi" là biểu hiệu của sự hạnh phúc. Đêm trừ-tịch, người Anh cũng hội họp đợi giờ giao thừa và khi tới

giờ đó, họ ôm nhau hôn và chúc nhau một năm mới vui tươi tốt đẹp.

Trong nước, có nơi có một tục lệ rất lạ giữa đêm trừ-tịch : từ lúc đồng hồ bắt đầu đánh tiếng thứ nhất cho đến lúc đánh xong tiếng chót chỉ 12 giờ đêm, người Anh cố làm cho xong ba việc :

- 1) Viết xong 3 câu ước lên trên mảnh giấy lụa ;
- 2) Đốt mảnh lụa đó ;
- 3) Lấy tàn tro bỏ vào cốc rượu sâm-banh, khuấy lên rồi uống hết cả rượu

lần tro.

Làm được như vậy, người ta tin rằng trong ba điều mong ước đó thế nào ít ra họ cũng sẽ được một.

Ở miền Nam nước Anh, còn tin rằng ai về nhà trước nhất trong đêm giao thừa sẽ được hưởng đầy đủ phúc, thọ, khang, ninh. Bởi vậy đêm trừ-tịch nhà nào cũng mở rộng cửa cho những người già hay đau yếu vào nhà trước tiên, mong cho họ được vui tươi mạnh khỏe trong năm mới.

TẾT Ở TÂY BAN NHA

Ngày đầu năm mới, dân Tây-Ban-Nha cũng vui vẻ đàn hát, rượu chè, khiêu vũ và chúc mừng nhau mọi sự hanh-thông. Tặng vật của họ đặc biệt nhất không phải là những phẩm vật (như hoa quả, kẹo, mứt, đồ trang sức v.v...) mà là những bài thơ chúc tụng. Dù quen làm thơ hay không, ai cũng cố tặng nhau bằng thơ mới quý.

Đêm giao thừa, họ còn có tục khẽ nghe thấy đồng hồ gõ một tiếng thì nhai một trái nho tươi để cầu bình an và phúc thọ.

TẾT Ở Ý ĐẠI LỢI

Người Ý-Đại-Lợi ăn tết cũng gần giống như người Tây-Ban-Nha, cũng tiệp tưng ca hát rất náo-nhiệt tung-bùng. Cuộc vui đặc biệt nhất của họ là cuộc khiêu-vũ trá-hình, người dự đều hóa-trang và đeo mặt nạ, làm cho không ai nhận rõ được ai cả.

TẾT Ở ĐỨC

Giữa đêm giao, thừa người Đức có tục đem nẫu chì trong cái thìa, rồi đồ chì lỏng vào một chậu nước. Tùy theo hình dáng của miếng chì đồ tóe xuống nước, người ta sẽ theo đó dự-đoán tương-lai và vận-mệnh của người đồ chì trong năm mới.

Trong ngày Tết, người Đức tiêu thụ rất nhiều rượu mạnh và nhất là giờ heo muối là món ăn cổ truyền cho ngày tết (không khác gì món dưa hành, bánh chưng của người Việt).

TẾT Ở MỸ

Đêm trừ tịch, mọi người đều thay quần áo mới đi chơi bên ngoài. Tay họ

cầm sẵn túi hoa giấy, rồi hễ gặp ai cùng đi thường xuân, họ ném lên đầu lên mình người đó để cầu vui. Có những người vác cả những nhạc khí ra đường đàn hát tung bùng để hoan nghênh một tân xuân đầy hứa hẹn.

Đúng 12 giờ đêm, các nhà thờ rung chuông vang trời, tiếng chuông đồ hồi như vậy luôn 4, 5 giờ mới thôi.

Mùng một Tết, người Mỹ cũng đi lại chúc mừng lẫn nhau, và cũng ăn uống rượu chè linh đình; trên bàn tiệc nhà nào cũng đầy những bánh nhồi thịt, gà vịt quay, đùi heo muối, rượu mạnh, bánh ngọt, kẹo, mứt v.v..

Tại Nam-Mỹ ở Á-cần-Đình (Argentine), có tục bói toán bằng cách lấy 3 củ khoai tây : một củ gọt hết, một củ gọt nửa, một củ để nguyên. Sau đem bỏ cả ba củ khoai xuống gầm bàn rồi mới đi ngủ. Họ đợi đến giờ giao thừa mới mò lấy một trong ba củ. Nếu trúng củ không gọt thì cả năm làm ăn may mắn phát tài; nếu trúng củ gọt nửa thì làm ăn bình thường; nếu trúng củ gọt cả thì suốt năm bị rủi ro vấp vấp tiền tài sẽ sạch trơn.

B— TẾT Ở ĐÔNG - PHƯƠNG : TẾT Ở TRUNG-HOA

Ngày xưa, tại Trung-Hoa, tết Nguyên-Đán có nhiều tục lệ phức tạp. Sách «Kinh Sử tuế thời ký» có chép nhiều về những phong tục này.

Ngày mùng một tháng giêng mọi người đều khấn áo chỉnh tề để đi chúc mừng năm mới, dâng rượu mừng xuân, uống nước hoa đào. Người ta còn dán bùa lên tường, treo hoa lan trước nhà, cắm cành đào trong lọ độc bình cho ma quỷ sợ mà lánh xa.

Ngày xuân tới, họ còn viết chữ trên giấy đỏ dán lên tường, ngay cả trong nhà, phòng sách, ngoài cửa hàng v.v... Người Tàu thường viết : « Nguyên-Đán thư hồng, vạn sự hanh thông », viết theo lối «Khải» thật già dặn, nắn nót, không có một nét nào viết phóng bút. Họ viết thế chủ-ý chuộc sự đoan-chính. Mỗi năm, giấy đỏ ấy phải thay đi một lần, lấy ý-nghĩa rằng sang năm mới phải cầu lấy mọi điều cát lợi.

Hiện nay, những tục lệ ấy nhiều nơi vẫn còn thịnh hành.

TẾT Ở TÂY-TẠNG

Ở Tây-Tạng, khi tết Nguyên-Đán tới, các thầy tu Lạt-Ma đều đóng những tấn trò đánh quý. Họ thường đeo mặt nạ vẽ những hình ma quỷ và ca hát nhảy múa đủ các lối, hòa nhịp theo với những tiếng tù-và. Nhịp tù-và nghe thấy sồn gai ốc, rùng rợn và lạnh lùng quá thể. Họ tin rằng làm thế mới xua đuổi hết tà ma quỷ quái trong dịp tân xuân.

TẾT Ở NHẬT-BẢN

Ở Nhật-Bản, ngày đầu năm, người ta thường cắm ở ngoài cửa hai cành thông và buộc chung với những cành trúc, cành mai, ở trên cửa, người ta lại buộc cả dụn rơm; phía giữa cửa lại buộc một trái quít hay một trái cam và dán thêm cả những mảnh bùa giấy đỏ hay vàng. Làm thế, họ tin rằng ma quái không dám vào quấy rối trong nhà.

Trời tờ mờ sáng, người Nhật đều thức dậy lên những gò đóng thật cao

đề chờ mặt trời mọc và làm-bầm cầu khấn một năm mới đỏ vận như mặt trời rạng đông. Rồi khi trở về nhà, họ đứng quay mặt về phương đông và lấy rượu uống một hớp. Họ tin rằng làm như vậy tránh được mọi tà khí.

Ngoài ra, họ còn thích uống rượu «sa-kê» để thưởng xuân, ưa mùa grom và nô nức du ngoạn thưởng hoa anh-đào, một thứ quốc hoa mà người Nhật quý chuộng sẵn sọc hơn cả, vì có câu sấm ngữ lưu-truyền trong nước : « Anh đào mắt giống, dân tộc Nhật sẽ tiêu-vong ».

TẾT Ở AI LAO, CAO MIÊN, VÀ AN ĐỘ

Ở ba nước Ai-lao, Cao miên và Ấn-Độ, phong tục ăn tết gần giống nhau. Chỉ có dân Lào thì ăn tết vào tháng tư âm lịch, nhằm theo ngày giáng sinh của đức Phật Thích-ca mâu-ni.

Người Lào ăn tết có 3 ngày, nhưng trong dân chúng có nơi ăn tết luôn đến bảy ngày. Các giai cấp trong nước, dù quan hay dân, đều tấp nập đến các chùa chiền lễ Phật hôm mồng một tết.

Lễ xong, ai nấy đều quỳ trước sân chùa chúc tết các vị hòa thượng và các tăng ni.

Ngày mùng hai, các quan chúc tết nhà vua; dân chúng cũng còn người đến chúc tết hòa-thượng.

Ngày mùng ba, họ mới đến chúc mừng thân-bằng cố-hữu : Đề tỏ tình thân mến, họ thường choàng lên cổ nhau một vòng hoa tươi. Ngoài đường, trong ba ngày tết, trai gái ăn mặc xiêm áo mới, sắc sỡ đủ màu và khi gặp nhau thì tung hoa hoặc tưới vào nhau những các chất nước thơm. Họ làm thế có ý nghĩa là chúc nhau trong năm mới gặp nhiều sự may mắn vui mừng.

Trước nhà nào cũng đề sẵn một chậu nước thơm; các thiếu nữ chờ các thanh niên đi ngang thì té nước cho ướt quần áo rồi cười vang. Bạn trai nào bị ướt ít nhiều cho đó là một vinh hạnh hơn người.

Ban đêm, đèn nến thấp sáng choang từ trong nhà cho đến ngoài đường. Những tiếng hát chúc mừng vang âm khắp chốn. Có khi trai gái con vừa múa vừa hát, đi lại nhộn-nhịp, và tụ từng bọn 5-3 người một, vui nhẩy những điệu nhảy cổ truyền và phổ-thông trong đại-chúng.

Tết ở Ấn-Độ cũng na ná giống tết ở Ai-Lao, nhưng có vẻ vui nhộn hơn do những điệu múa hát du-dương và điệu nhạc trầm bổng cổ truyền.

TẾT Ở VIỆT - NAM

Phong tục ăn tết ở Việt-Nam cũng chẳng thiếu gì truyền vui lạ đáng ghi hoặc đáng bảo tồn để giữ lấy dân tộc tính thuần túy của nước ta, nào tục trồng cây nêu, dán câu đối, nấu bánh chưng, tục xông đất, chúc tết, mở hàng, tục coi ngày tết làm ngày đoàn tụ của gia đình và ngày của sự thờ-phụng tổ-tiên. Muốn rõ chi-tiết đầy đủ về những tục lệ ấy, xin các bạn đọc bài « Ý nghĩa và cô-tục về ngày tết Việt-Nam » của Tân-Việt-Điều đăng trong V.H.N.S. số 27 (Xuân Mậu-Tuất) sẽ được hài lòng.

oOo

KẾT-LUẬN

Xem thế, ở các nước Đông Tây trên thế-giới. xuân về là « tết » ở lòng mọi người và nghĩ đến câu thơ của nhà thi sĩ sống Vij :

« Tết chẳng riêng ai khắp mọi nhà »

thật là chí-lý.

Dân nước nào cũng vui về đón chúa xuân, tâm-hồn ai cũng rạo rức vì xuân, vì thấy :

*Xuân về nở thắm trăm hoa,
Xuân về nở thắm lòng ta, lòng nàng ...*

Ai cũng nghĩ :

*Một năm được mấy mùa xuân,
Một ngày được mấy giờ dần sớm mai ?*

Nên già trẻ giai gái ai cũng tung bừng hưởng thú ngày xuân bằng đủ mọi cách, hoặc ăn uống, đàn hát khiêu vũ, thơ ca, v v . . . Ai cũng ước mong một năm đầy hạnh-phúc vui tươi, nên gặp nhau là chúc tụng mọi sự tốt lành, gồm đủ phú, quý, thọ, khang, ninh. Ai thấy xuân về, tết đến, cũng muốn vui chung cùng đồng bào thân thuộc, và không ai bảo ai, mà khắp bốn phương trời, cùng thấy tâm-hồn say-sưa trong xuân-mộng . . .

THƯỜNG HOA XUÂN

Ngày xuân, một thi nhân (có người cho là ông Tú-Xương) ra vườn ngắm hoa thấy đẹp, hái một vài bông đem về thư phòng cắm vào bình để ngoạn thưởng. Cảm hứng, thi nhân làm một bài thơ tứ-tuyệt như sau :

*Người thưởng xuân, ta chẳng lẽ không,
Vườn xuân ta hái một vài bông.
Đem về thư viện bên chõng sách,
Hơn hồ cười xuân với Hóa-công.*

H. VĂN

ĐỀ ĐI ĐẾN MỘT SỰ TRAO-ĐỔI RỘNG RÃI VỀ VĂN-HÓA GIỮA CÁC NƯỚC Á-CHÂU

Nguyên-tắc bằng Anh Văn
của Công-chúa MARSIPARIBATRA
(Bản dịch của Nha Văn-Hóa Bộ Q.G.G.D.)

Đề mở rộng đường dư-luận, Bản báo đăng dưới đây bản dịch bài báo của Công chúa Thái Lan Marsi PARIBATRA nói về vấn-đề "Đi đến một sự trao đổi rộng rãi về văn-hóa giữa các nước Á Châu". Trong bài khảo-luận này, (1) tác giả, với cảm-trưởng và quan-niệm riêng, đề - nghị thành-lập một Ủy-Ban Liên-Á, gồm các nhà văn, nghệ-sĩ, đạo đức, v v... đề điều-hòa và phát-triển các hoạt-động văn-hóa trong toàn cõi Á-Châu.

L. T. S.

CÁC nước thuộc Viễn-Đông ngày nay, trước sự xâm nhập các tư tưởng cùng tập quán Tây-phương cần phải lo việc bảo vệ những nền văn hóa "có hữu" của họ khỏi sự tàn tạ. Sự lo âu về vấn đề sống còn của các nền văn-hóa quốc gia nhỏ bé có thể coi như là kỳ cục trong thời đại Sputnik và Liên-Hiệp-Quốc; nhưng nếu nhận định kỹ vào sẽ thấy đó là một vấn đề vừa quan trọng vừa khẩn-thiết. Văn-hóa Tây-phương quả thực xa lạ đối với chúng ta; đó không phải là một thành phần mà chúng ta sinh trưởng ở trong đó một cách tự nhiên, nhưng đó là một điều cần phải học và chỉ được học chu đáo bởi một thiểu số ưu tú rành rỏi thời giờ.

Những đám dân chúng nhất là dân chúng miền quê, không có diễm phúc hấp thụ nền văn-hóa đó và khi nền văn-hóa ấy tới thôn quê xa bao nhiêu càng xuất hiện thành từng mảnh vụn vặt mà dù bằng cách nào cũng không được coi như hình tượng thế giới hay một khung cảnh cho đời sống.

Những miền quê bao gồm cả một phần lớn đất đai quốc-gia của chúng ta không có một nền văn-hóa nào khác nền văn-hóa địa phương cổ truyền và nếu nền văn-hóa ấy tàn tạ đi; dân đông dân chúng sẽ không còn một nền văn-hóa nào nữa. Những sự cố gắng hiện tại ở Đông-Phương để phục-hưng và làm tươi tốt những văn-hóa quốc-gia, làm cho những văn-hóa đó theo kịp thời đại được coi như là những việc thật quan hệ và đáng khen; nhưng trong sự phấn đấu để được tồn tại của các thứ văn-hóa phương Đông, người ta nhận

(1) Đăng trong báo Siam Rath Weekly Review xuất bản ngày 9 - 1 - 1958 với nhan-đề "For a greater cultural exchange between Asian Nations".

thấy một điều bị lãng quên — một sự lãng quên có thể tai hại — là nhiệm vụ quan-trọng của sự trao đổi giữa những quốc-gia với nhau.

Không một nền văn-hóa nào có thể tồn tại cô lập được. Mỗi nền văn-hóa cũng như mỗi sinh vật được nuôi dưỡng nhờ sự trao đổi với thế giới chung quanh. Ta có lấy một thí dụ đại khái như Âu châu không thể có một văn-hóa lẻ loi ở Pháp, Anh hay Ý. Những công trình kiến trúc "gô-tích" của các nhà thờ thế kỷ thứ XIII tại Pháp đã có một ảnh hưởng quan trọng đối với Anh quốc và Ý Đại Lợi nhưng đến thế kỷ thứ XV lại là thời kỳ phồn thịnh và phát triển nghệ thuật Anh Cát Lợi đã có ảnh hưởng tới Pháp; đến thế kỷ thứ XVI lại là phiên Ý Đại Lợi làm thay đổi cả nghệ thuật ở Pháp và Anh. Đến thế kỷ thứ XVIII, một lần nữa nước Pháp lãnh đạo trách nhiệm văn-hóa để đến thế kỷ thứ XIX dọn đường cho sự bành trướng ý-tưởng và trào lưu của Anh Cát Lợi lần nữa và cứ như thế mãi.

Văn minh Âu Tây được tạo nên do sự trà trộn vô cùng phức-tạp của những ảnh hưởng văn-hóa nước nọ với nước kia. Tình trạng tương tự như vậy cũng đã có từ xưa ở Viễn Đông, nghệ thuật Trung Quốc đã bị ảnh hưởng một cách lớn lao bởi nghệ thuật Ấn-Độ mà nghệ thuật này lại chịu ảnh hưởng của Đông Nam Á Châu. Dù trước kia Ấn Độ đã mang văn-hóa đến cho miền này, còn Triều-tiên thì lại chịu ảnh hưởng của Trung-Quốc như Nhật bản chịu ảnh hưởng Triều-Tiên. Quan niệm rằng có thể có nền văn-hóa tại Á Châu 100 phần trăm quốc-gia là một quan niệm tàn kỳ và điên đảo. Một nền văn-hóa thực danh phải được sinh trưởng đúng lúc với một khu vực văn-hóa rộng lớn, khu vực này lại giao hòa với nền văn minh của cả thế giới.

Sự thống trị của Âu Châu về thế kỷ thứ XIX đã làm gián đoạn hoàn-toàn mối dây liên lạc văn hóa đã có giữa các nước Á Châu. Từ đó về sau Đông-Dương chỉ có những sự tiếp xúc liên hệ văn-hóa với Pháp, Ấn-độ, Miến-điện và Mã-lai với Anh quốc. Nam-dương với Hòa-lan, văn minh... Trong những quốc-gia ở Viễn-Đông được coi như là tự do cũng đã hướng về Tây-Phương trong cuộc canh tân và dần dần ngừng hẳn trao đổi văn-hóa với nhau.

Sau trận đại chiến thế giới thứ hai, phần đông các quốc-gia Á-Châu đã khôi phục được nền độc-lập và lẽ tự nhiên họ đã cố-gắng chấn-hưng những tập-quần di-truyền của thời quá khứ và nếu họ không nhận định rõ rằng những tập-quần đặc-biệt không thể tồn tại trong sự trống rỗng mà phải nằm trong khung cảnh chung của nền văn-hóa Viễn Đông.

Văn-hóa Thái, Cao-miên, Ấn-Độ, Nhật-bản Miến-điện là những thành phần của một nền văn-hóa rộng lớn; mỗi thành phần tách riêng biệt là một bộ phận lẻ loi và tàn tạ; toàn thể hợp lại với nhau thành một khối linh động điều hòa. Một trong những vấn đề quan trọng mà ngày nay chúng ta mang ra đối chiếu là tái lập những liên lạc và sự trao đổi văn-hóa giữa chúng ta.

Như vậy không có nghĩa là những quốc-gia Viễn Đông bắt buộc phải sống với nhau trong một vòng nhỏ hẹp về văn hóa và cắt đứt hết những liên

lạc với Tây phương, nhưng những tiếp xúc đầu tiên cần phải thực hiện ngay giữa các nước láng giềng. Đó không phải là một vấn đề do sự ưa thích nhưng là một sự tối cần thiết. Với nền văn hóa Thái chẳng hạn, văn hóa Anh và Pháp thật dị đồng đến nỗi tại đất Thái không thể thực hiện sự trao đổi văn hóa nào. Thực ra không có sự trao đổi văn hóa đó và chính sự nhân chứng tôi đã bị ảnh hưởng các nền văn hóa đó chứ nền văn hóa của nước tôi không bị ảnh hưởng ấy. Nền văn hóa Pháp và Anh cũng không bao giờ trà trộn với văn hóa của Thái mà thay thế hẳn văn hóa Thái. Trong trường hợp này không thể nào có sự trao đổi giữa hai loại văn hóa dị đồng nhưng là sự chinh phục của một văn hóa này bởi một văn hóa khác.

Nếu là một sự trao đổi giữa hai văn hóa thì những nền văn hóa này phải khác nhau và sự khác nhau đó không đến nỗi lớn quá khiến không thể hấp thụ được. Như thế tôi xin nhắc, không có nghĩa chúng ta đóng cửa không thấu nhận văn hóa từ phương Tây tới. Tôi thiết nghĩ rằng vấn đề quan hệ nhất của chúng ta hiện nay không phải là sự chống lại chủ nghĩa tư bản và cộng sản nhưng là sự sáp nhập Đông và Tây-phương thành một nền văn hóa chung lớn lao và hùng hậu. Như thế cũng không có vấn đề sáp nhập một nền văn hóa Đông phương hầu tàn với nền văn hóa Tây phương đầy nhựa sống, Giai đoạn thứ nhất là làm cho sống lại toàn thể những văn hóa Đông Phương và sự lợi ích cho phương Tây là giúp chúng ta làm hoàn thiện công việc này.

Thái Lan là một thí dụ thật hay về sự cô lập văn hóa của những nước Viễn Đông. Văn hóa của chúng tôi với một kỹ thuật hẹp hòi của đời sống hàng ngày, lễ lối, mỹ thuật và quan niệm Phật giáo về đời sống đã khá hùng mạnh nhưng cách biệt với những nền văn hóa khác của Viễn Đông.

Ở đại-học Vọng-các, người ta giảng dạy về Shakespeare hay Victor Hugo chứ không phải là Li Po hay Murasaki Shikibu. Người ta có thể mua tại Vọng-các những cuốn sách mô phỏng mỹ thuật Tây phương chứ không phải là những bức họa đồ đời Tống hay Nhật bản. Phần tráng lệ của đô thị đã bắt chước rất dở nên kiến trúc Tây Phương không thích hợp với khí hậu của chúng tôi và chúng tôi hình như không biết đến nền kiến trúc tráng lệ Nhật bản ngày nay được dùng nhiều tại Hoa Kỳ. Chương trình về vô tuyến truyền thanh cũng toàn là nhạc Tây phương hay nhạc Jazz của Mỹ và không hề dùng tới Việt-Nam hay Miến-điện. Chúng tôi xem 99% phim Âu Mỹ nếu đem so sánh với phim ảnh Nhật, Ấn hay Trung-hoa. Cuối cùng thật là một ý nghĩ kỳ lạ, dân chúng tôi đã số quen thuộc với những tư tưởng của tôn giáo Tây phương hơn là làm sống lại Ấn độ giáo hay Phật giáo của Ấn độ Nhật-bản.

Mục đích của tôi không phải là để xóa bỏ trong những chương trình của chúng tôi, nhạc Jazz của Mỹ, phim ảnh Ý, những bức họa của Pháp hay văn học Anh cát Lợi, nhưng cũng phải để dành chỗ cho văn hóa của các nước láng giềng. Hình như tại Văn khoa trường Đại học Chulalongkorn chỉ lãnh nhận trong kỳ thi B.A. đề tài về văn-hóa Ấn và Nhật bản thêm với những 4 môn tùy ý chọn lựa là Thái, Anh ngữ và Sử ký. Những sự trao

đổi sinh viên giữa nước khác Viễn Đông đáng được khuyến khích; trẻ nhỏ ở các trường trung học cần có một ý niệm khai quát về văn-hóa Viễn Đông với đời sống thường nhật ở Nhật bản, Trung-hoa, Cao-miên v.v. . . và sẽ hướng dẫn học sinh vào nghệ thuật hội họa cùng điều khác (một môn học không đòi hỏi như văn học sử khá nhiều thời giờ trong việc học ngôn ngữ). Có lẽ là một điều hay nếu những nước ở Viễn Đông ký thỏa hiệp trao đổi để đăng 'món hàng' văn hóa (như phim ảnh, đĩa hát hoặc các phòng tác và khách trưng sự du lịch Liên Á).

Những biện pháp của chính phủ tuy nhiên cũng vẫn chưa đủ nếu không có một động tác của dư luận quần chúng khuyến khích những sự trao đổi văn hóa tương tự giữa các dân tộc chúng ta. Những nhân sĩ có chút ảnh hưởng nào về tư tưởng, thẩm mỹ, trào lưu văn hóa đều nhận thấy có bốn phân phải đặc biệt khích lệ các giới lưu ý hơn tới nền văn hóa của chúng ta. Việc này không dính líu gì đến chính trị hay liên-minh, vì đây không phải vấn đề thành hữu mà là vấn đề văn hóa, hai việc không nhất thiết phải đi đôi với nhau luôn. Ngay như trong thời chiến sự có thể tăng cường liên hệ văn hóa. Sự nâng đỡ của chính quyền chắc chắn có thể lợi ích nhưng với điều kiện phải quan tâm đến tính cách trường cửu của văn hóa hơn là lợi ích chính trị tạm thời và không chỉ ở trong khuôn khổ nền văn hóa các nước Viễn Đông.

Một phong trào văn hóa như vậy, không phải xếp đặt thành một tờ chức quốc tế với những chữ khó đọc, văn phòng, nhân viên, nhưng là một tàn tro từ tư tưởng có thể được chính phủ nâng đỡ, nhưng không thể chính-thức-hóa, vì không bao giờ có một văn hóa của chính phủ mà thuần túy được. Nếu cần phải có một tờ chức thì nên có một thứ ủy-ban Liên Á không gồm những đại diện chính thức các nước mà là các nhân sĩ như nghệ sĩ, văn sĩ và xa hơn nữa nếu có thể được, là các nhà hiền triết. Tôi tưởng chừng như danh từ hiền triết đối với vài người có ý nghĩa trào lộng, nhưng lý tưởng của Viễn Đông thường là đạo lý (wisdom) không hẳn là khoa học và cũng liên-hắn là tôn giáo, nhưng đó là sự phối hợp của cả hai thứ mà ta gọi là đạo lý. Chúng ta không xứng đáng là những người bảo vệ di sản văn-hóa của chúng ta nếu trong các mối bận tâm chúng ta không dành ưu tiên cho sự khuyến khích việc tiếp xúc ngay với vũ trụ và sự trầm tĩnh đã được coi là căn bản của tôn giáo chúng ta như: đạo Lão, Khổng giáo, Ấn-độ giáo, Thần đạo (Shinto) và Phật giáo.

Ý thức (consciousness) về vũ trụ và sự trầm lặng có lẽ chính là điều ta cần tới như một phương thuốc trị độc cho nhân loại đang khích nộ và cho sự quá thiên về bị kịch của Tây phương hiện đại.

Đây là bốn phân của chúng ta, không riêng gì chúng ta mà là của cả nhân loại, là làm hồi sinh đạo lý của Phương Đông không phải là thứ đạo lý mỹ-lệ hay tập hợp của Đông Phương dưới một du khách hay các nhà siêu hình học nhưng là thứ đạo lý thuần túy của đức Phật hay của Đạo Đức kinh đã thoát khỏi sự lệ thuộc quá khứ và sẵn sàng để đối phó với những vấn đề đương thời cùng các vấn đề trường cửu.

Marsi PARIBATRA

(Bản dịch của Nha Văn Hóa - Bộ Quốc-gia giáo-dục)

VĂN TRUYỆN THÂM-HIỆM KHÔNG-TRUNG

Chàng-Hải

VĂN đề du hành giữa các tinh tú hiện nay lại sôi nổi, gây sự hào hứng không những trong giới bác học, mà ngay trong quần chúng toàn thế giới.

Đó là một mơ ước cố hữu của loài người, bắt nguồn từ thời thượng cổ. Nay nhờ khoa học tiến bộ và nhờ những mớ tài liệu vĩ đại thu thập được về cái vũ trụ bao la xung quanh trái đất, các nhà bác học hy vọng biến cái mộng kia thành sự thực Hơn cả Đường-Minh-Hoàng, các vị đó không chỉ muốn có «du nguyệt điện» mà còn có tham vọng đi xa hơn nhiều, thậm chí cái vũ trụ mênh mông tới nay người ta cũng chưa tưởng tượng được đến đâu mới là bờ bến . . .

Tiếp vào một số bài đã đăng trong tạp chí V.H.N.S. đề cập đến vấn đề này, hôm nay chúng tôi xin góp một số tài liệu về «*phương tiện thám hiểm không trung*» đề cống hiến độc giả.

Ngày 4-10-57, 3-11-57 và 31-1-58 nhân loại được chứng kiến ba «biển cổ» khoa học, nó đánh dấu bước đầu, (mà cũng là bước khó khăn nhất, vì phải đi từ địa hạt ước tính sang địa hạt thực hiện) sẽ đưa nhân loại đến ngày thực hiện cái mộng đẹp đề nói trên : hai vệ tinh Spoutnik của Nga và vệ tinh Explorer của Mỹ.

Sự thận trọng của các nhà bác học cũng như những sự bí mật bao trùm mọi thành tích đạt được trong địa hạt hỏa tiễn, vì nó liên quan mật thiết đến vấn đề quốc phòng) đã làm cho phần đông chúng ta không quan niệm được chính xác vấn đề, khiến cho kết quả kia đến một cách quá đột ngột, làm cho nhiều người phân vân về tương quan lực lượng khoa học cũng như quân sự của các nước dân anh hùng thế giới.

Nhiều người lại quá lạc quan, có lẽ đã vì phim ảnh đã đi trước khoa học, trình bày quá nhiều những cuộc du hành kỳ diệu mà tương lai sẽ dành cho nhân loại, mà tưởng chừng như vấn đề đã được giải quyết xong, và chỉ nay mai sẽ có những chuyến hỏa tiễn đưa họ đi du ngoạn khắp trong bầu trời . . .

Sự thực khác hẳn. Không kể đến những nỗi khó khăn đảm bảo sự sinh tồn của kẻ đi du ngoạn ấy, riêng nói đến phương tiện chuyên chở cũng còn đang ở thời kỳ phôi thai, không một nhà bác học nào dám chắc cái ngày chờ đợi ấy là ngày nào, chỉ biết rằng nó sẽ phải đến mà thôi.

TỪ HỎA TIẾN BOM BAY ĐẾN HỎA TIẾN PHÓNG VỆ TINH

Hỏa tiễn không phải là một phát minh của thời đại nguyên tử. Hai chữ hỏa

tiến (tên lửa) dù chúng tỏ nguyên tắc phản lực của nguyên liệu đốt cháy, dùng làm động cơ. có tự thuở người ta còn đánh nhau bằng cung tên, (từ triều vua Thái Tôn nhà Tống bên Tàu, vào năm 970).

Từ đây về sau nó được cải thiện, và nhiên liệu được thay đổi ngày một mạnh hơn. Kỹ thuật chế tạo và điều khiển hỏa tiễn cũng ngày một tinh vi, kỳ xảo: Trong kỷ đại chiến thứ hai vừa rồi nó lại tái hiện một hình thức nhỏ bé như những súng không dật (Bazooka của Mỹ, Nebelwerfer của Đức, Katuschka của Nga v.v...) hoặc to lớn như những trái VI và nhất là V2 đã thử thách gan dạ dân Anh Cát Lợi một cách kinh khủng : riêng một thành phố Luân Đôn đã nhận tới 2.000 trái V2 !

Chính loại bom bay này là thủy tổ các thứ hỏa tiễn về sau được thí nghiệm như : Neptune, Aerobee, Viking, Tiamat.. và gần đây như Thor, Atlas, Vanguard...

Ngày 24-2-1949, một hỏa tiễn Mỹ Wac Caporal ghép với một hỏa tiễn V2 đã đạt độ cao 402km. Với thành tích ấy, người ta tất phải phân vân tại sao trong 9 năm trường. Mỹ chứa tung vệ tinh lên, trong khi chỉ cần lên đến một độ cao khoảng 320km và cho nó một tốc độ tiếp tuyến (vitesse tangentielle) chừng 28.000 cây số mỗi giờ là đủ ?

Ta có thể ước đoán rằng : phương pháp hỏa tiễn kép đã mở đường, dụng cụ phóng vệ tinh không phải là quá khó đối với Mỹ, nhưng có lẽ Mỹ đã trì hoãn vì ba duyên cớ :

a) — việc điều khiển phải hoàn toàn, để cho hỏa tiễn dặt vệ tinh vào đúng quỹ đạo của nó, và có thể sau này áp dụng vào phi đình liên hành tinh.

b) — các máy móc vệ tinh mang theo phải đủ tinh xảo để những tài liệu thu thập được về quầng không sẽ tối đa và xứng với sự tốn kém chịu đựng chế tạo vệ tinh và hỏa tiễn.

c) — tung được vệ tinh lên không đủ, phải tiến tới tung phi đình ra khỏi tầm hút của trái đất và mang theo đủ vật năng lực để hoạt động nữa. Thứ năng lực tối đa trong một khối lượng tối thiểu ấy chỉ có thể, theo trình độ hiểu biết hiện nay của loài người, là nguyên tử lực mà thôi.

Theo những tin tức về hoạt động của khoa học Mỹ trong địa hạt hỏa tiễn và nguyên tử, ta có thể tin chắc rằng chính vì nhằm mục đích hữu dụng thiết thực mà Mỹ đã không chú trọng đến mục đích tuyên truyền cho lắm, do đó đã hết sức thận trọng trong việc sửa soạn cuộc phiêu lưu kỳ lạ nhất của nhân loại này.

HỎA TIẾN ĐƠN VÀ HỎA TIẾN KÉP

Trước hết ta nên nhắc lại rằng hỏa tiễn không cùng một nguyên tắc với phi cơ.

Thực vậy, phi cơ dùng động cơ và cánh quạt để chuyển dịch, còn sức mang là mong nhờ ở đôi cánh.

Đến chiếc phi cơ trực thăng thời đã dần dị hơn là cả công việc chuyển dịch

lần mang nặng đều trông vào bộ cánh quạt khổng lồ.

Nhưng cả hai, phi cơ lẫn phi cơ trực thăng, đều phải nhờ vào sức mang của khí quyển, và cũng nhờ có khí quyển mà gây được luồng gió để phi cơ xê dịch.

Hỏa tiễn trái lại áp dụng nguyên tắc phản lực.

Khi một khẩu súng bắn viên đạn ra, chính nó cũng bị dật trở lại. Nếu viên đạn nặng Δ gờ ram và đi nhanh N mét mỗi giây, thì nó sẽ làm cho khẩu súng nặng S gờ ram lui lại với một tốc độ N' theo đẳng thức dưới đây :

$$\Delta \times N - S \times N'$$

Trong đẳng thức này, ta thấy yếu tố không khí đã bị loại ra ngoài, tức là không có ảnh hưởng gì.

Tuy nhiên, nếu nó không giúp vào sự chuyển động, thời trái lại nó lại có một ảnh hưởng tai hại : Viên đạn xê dịch rất nhanh nên bị không khí cản rất mạnh, và sự cọ sát biến động năng (énergie cinétique) ra nhiệt năng (énergie calorifique) và hâm dần sức nhanh của viên đạn.

Đối với hỏa tiễn cũng vậy, không khí gây ra cản trở rất lớn mà chẳng có lợi ích chi.

Xưa kia, JULES VERNE, nhà đại văn hào của khoa học tương lai, đã là người đầu tiên biết căn cứ vào một nguyên tắc rất đúng để viết nên cuốn truyện "Du hành xung quanh mặt trăng" : Trên mặt đất, có một độ nhanh lên cao (vitesse ascensionnelle) mệnh danh là "độ nhanh giải phóng khỏi trọng lực" (vitesse de libération). Chỉ cần vượt được độ nhanh đó là chúng ta thoát khỏi sức hút của quả đất mà thung dung phiêu lưu trong vũ trụ.

Jules Verne cũng đã biết tốc độ đó là 11,2 cây số mỗi giây, nhưng ông ta quên phứt rằng viên đạn khổng lồ đưa nhà bác học của ông lên thăm cung Quảng còn phải có thêm một số động năng rất lớn để tiêu phí vào sự cọ sát với khí quyển, do đấy, khi khởi hành ít ra cũng phải nhanh tới 45 cây số mới hòng "đi thoát".

Jules Verne cũng lại quên rằng, với sức nhanh như vậy viên đạn chưa kịp ra khỏi tầng không khí, đã bị cọ sát nóng tới nổi cháy và bốc thành hơi tự bao giờ.

Còn nhà bác học thời không cần đợi cái lúc sức nóng đó phát hiện mà đã chết ngay khi khởi hành.

Thực vậy, tuy chỉ chừng một giây đồng hồ độ nóng của viên đạn đã lên tới 2 triệu độ, nhưng ngay khi khởi hành nhà bác học đã bị quán tính quạt xuống sàn viên đạn với sức nhanh kinh khủng 162.000 cây số mỗi giờ. Nếu ta kể cho rằng sức hút của trái đất không vì lên cao mà giảm bớt, thời không khác chi một phi công rơi từ 100.000 cây số chiều cao xuống, nghĩa là chết ngay tức khắc.

Với hỏa tiễn điều bất lợi này không có : trái với viên đạn mà tốc độ lớn nhất là khi khởi hành, rồi dần dần bị khí quyển hâm bớt, hỏa tiễn bắt đầu với một tốc độ vừa phải để rồi mỗi lúc một tăng thêm. Như thế những người ở trong hỏa tiễn chịu đựng được, mà sự phí sức vì cọ sát vào khí quyển cũng bớt nhiều : Lúc khởi hành không khí còn đặc, thời tốc độ chưa lớn lắm, khi tốc độ lớn thời đã vào quãng không khí loãng hoặc ra khỏi khí quyển rồi, sự cọ sát không còn hay là không đáng kể.

Nhất ngoài vùng khí quyển thời nguyên tắc phản lực của hỏa tiễn thực là phương pháp xê dịch lý tưởng.

Chính vì những điều này mà hỏa tiễn đã được coi là lợi khí duy nhất để du hành trong quãng chân không.

Tuy nhiên, hỏa tiễn không phải hơn viên đạn về mọi phương diện, do đấy sự khó khăn chưa phải là hết,

Nguyên do viên đạn được đẩy đi bằng thuốc nổ cháy trong lòng súng. Số thuốc nổ này nặng đến đâu cũng không đáng kể, ngoài sức đẩy, nó không ảnh hưởng chi tới viên đạn cả.

Trái lại hỏa tiễn cần mang theo chất cháy, gồm chất dễ cháy tức nhiên liệu (carburant) như khinh khí lỏng, ét săng v.v... và chất làm cho cháy (comburant) như dưỡng khí lỏng chẳng hạn. Những thứ này đều có một áp lực lớn, muốn cho nơi chứa khỏi nổ, vỏ hỏa tiễn phải khá dày gây nên ba trở lực: 1^o) trọng lượng của chất cháy 2^o) trọng lượng của vỏ chứa nó 3^o) và khối lượng của vỏ rất lớn làm tăng sự cọ sát với khí quyển. Tầm cao của hỏa tiễn do đấy rất bị hạn chế.

Để vượt nổi khó khăn, ông Walter Hohmann, năm 1925 đã đề nghị dùng một chiếc phòng nhỏ lắp trên một "bánh" thuốc súng nén rất chặt (1 tấn rưỡi mỗi thước khối thuốc) Như vậy không cần dùng đến vỏ hỏa tiễn vừa kèn càng vừa nặng. Còn thuốc súng thời cháy tới đâu sẽ nhẹ dần và thu gọn, bớt cản không khí tới đấy. Nhưng tiếc thay ý kiến của ông không thể nào thực hiện được vì nhiều nhẽ, trong đó dễ hiểu nhất là sự cọ sát của bánh thuốc súng này với khí quyển sẽ chẳng mấy chốc đủ nóng để làm nó bùng cháy như chiếc pháo cây bông !

Hiện nay các nhà bác học đã tìm thấy giải pháp khá ổn trong hỏa tiễn kép.

Hỏa tiễn kép gồm nhiều bộ vỏ chứa chất cháy, mỗi khi chiếc nào đã đốt hết chất cháy của nó liền rời ra để khỏi cản trở phần còn lại.

Nói một cách khác, hỏa tiễn gồm nhiều tầng có những bộ phận phản lực độc lập, không khác nhiều chiếc hỏa tiễn ghép lại và lần lượt hoạt động.

Nếu ta có một hỏa tiễn lên cao được 100 cây số chẳng hạn, ta có thể ghép cho nó một chiếc nữa khả dĩ đưa cả hai lên tới một độ cao nào đó trước khi chiếc hỏa tiễn mới trên mở máy chạy để lên thêm 100km nữa, tầm hoạt động như vậy cộng lại với nhau.

Theo phương pháp này người ta có thể làm những hỏa tiễn nhiều tầng, và trong lý thuyết, lên đến độ cao nào cũng được.

Trong thực tế, vẫn còn một trở lực đáng kể đó là những tầng dưới phải rất lớn, mà chỉ đưa lên một độ cao tầm thường, vì nó không những tự đưa lên cao, mà còn phải mang theo tất cả những tầng trên chồng chất trên nó nữa. Như vậy, thực hiện được những phi ngại tồn chí.

CÓ ĐI CẦN PHẢI CÓ VỀ . . .

Nguyên tắc hòa tiền ghép như thế là đã cho ta cái hy vọng một ngày kia có thể tung những phi đình đủ lớn để mang máy móc, nhiên liệu, phi tiêu, bác học v.v... đi thám hiểm hành tinh khác hay đi dần địa cầu sang thế giới mới.

Thực ra từ chiếc hỏa tiễn tung vệ tinh nhỏ xíu hiện tại đến chiếc phi đình này, sai nhau một trời một vực.

Với một ít nhận xét dưới đây, ta sẽ thấy chiếc Spoutnik II dù nặng tới 508 kilô cũng vẫn còn là nhỏ bé không đáng kể.

Chưa kể đến hỏa tiễn, nguyên chiếc phi đình được tung ra khỏi trái đất đã phải rất lớn mới đủ chỗ cho các nhà thám hiểm sống trong một thời gian khá dài không những đủ dụng cụ khoa học để xét nghiệm, để đối phó với những biến cố bất ngờ, mà còn phải có một số tiện nghi và một 'khoảng sống' tối thiểu để các vị ấy tiếp tục sống điều hòa. Không đến nỗi vì cuộc hành trình kéo dài mà suy giảm cả về thể chất lẫn tinh thần. Như vậy cách sống ấy không thể ví với cái sống 'tạm bợ' của một con chó Laika.

Hơn nữa, khi phi đình đến gần mặt hành tinh định hạ xuống, nhà phi hành lại gặp một vấn đề mới cần giải quyết ổn thỏa mới mong sống sót. Nguyên những hành tinh ấy như mặt trăng chẳng hạn, rất có thể không có một khí quyển nào khả dĩ cho ta dùng phương pháp dù để hạ xuống. Và nếu có một khí quyển chẳng nữa, cũng phải làm sao giảm bớt được cái tốc lực vĩ đại của phi đình trong quãng chần không, mới hồng dùng được dù.

Chỉ có nguyên tắc phân lực giúp ta việc đó: các hoa tiêu sẽ mở máy đảo ngược chiều phi đình, cho duỗi quay về phía hành tinh, và mở máy như khi chạy. Chiều máy khi ấy đã ngược với chiều xê dịch của phi đình sẽ hãm dần tốc lực để cho phi đình cuối cùng nhẹ nhàng đổ xuống.

Sau đó, lại đến vấn đề tạo điều kiện sống cho các nhà thám hiểm ngay trên mặt hành tinh. Khí quyển tại đây hoặc không có, hoặc không giống khí quyển trên mặt đất, sẽ không đề cho các nhà thám hiểm an toàn nếu không tạo ra những trụ sở kín mít, có không khí nhân tạo, có nhiệt độ điều hòa, và có một áp lực giống như mặt đất.

Để hạ xuống và để tạo điều kiện sống trên hành tinh, tất nhiên phải mang theo rất nhiều năng lực dự trữ cũng như rất nhiều vật liệu xây cất, nghĩa là hỏa tiễn sẽ to và nặng thêm rất nhiều.

Có bạn sẽ nghĩ ngay đến việc dùng chính chiếc phi đình làm trụ sở, nhưng bạn đó quên mất rằng khoảng sống chật hẹp của nó chỉ thích hợp với

những chuyến đi, mà không thể hợp với cuộc sống lâu dài, vì các nhà thám hiểm của chúng ta sẽ phát điên lên mất phi trạng thái tinh thần sợ nơi vậy kín xuất hiện (claustrophobie). Còn như muốn cho phi đình nở rộng rãi, thời nó phải to lớn gấp bội, và khởi hành ở trái đất sẽ cần không khí rất mạnh, tổn phí rất nhiều năng lực xê dịch!

Một khi tạm định cư trên hành tinh, việc đầu tiên của các nhà thám hiểm sẽ là nghiên cứu các hiện tượng. Họ sẽ cần cả một phòng thí nghiệm tối tân, một thiên văn đài và một viễn vọng kính, một số dụng cụ, máy móc để sửa sang nơi họ đáp xuống cho thích hợp với công cuộc xét nghiệm, chưa kể đến những khí giới đề tự vệ, nếu cần.

Không nói vội đến một cuộc di dân lên hành tinh, chỉ một cuộc thám hiểm của vài chục nhà bác học trong những điều kiện phác qua trên đây đủ cho ta ước tính chiếc phi đình phải lớn đến mực nào, và số năng lực dự trữ cũng như đề tung phi đình ra khỏi tầm hút của trái đất phải vĩ đại đến đâu!

Chính vì thế mà ngay đầu bài này, chúng tôi đã nhận định chỉ có năng lực nguyên tử là có thể làm thỏa mãn sự đòi hỏi ấy mà thôi. Cũng có lẽ vì thế mà nước Mỹ cũng như các nước Anh, Pháp . . . đều gắng sức vượt những nỗi khó khăn hiện tại để có thể xử dụng nguyên tử năng một cách đề dàng hơn là tung một vài chiếc vệ tinh nhân tạo, tuy rất ngoạn mục nhưng ít hứa hẹn so với những thành tựu trong địa hạt nguyên tử năng.

NĂNG-LỰC HÓA-HỌC VÀ NĂNG-LỰC NGUYÊN-TỬ

Tuy hiện có nhiều thuyết về cách xử dụng nguyên tử năng, và nguyên tử năng đã được áp dụng vào một vài địa hạt như bom nguyên tử, nguyên tử cơ dùng cho tàu ngầm, tàu phá tuyết v. v . . . nhưng, nó chưa được dân dị nhệ nhàn và tiện dụng nên phân lực cơ của mọi hỏa tiễn hiện vẫn chỉ dùng được năng lực hóa học mà thôi.

Hóa học năng đối với ta đã quá quen thuộc. Tuy những hóa chất được dùng thay đổi luôn luôn đề tiến tới chỗ có một năng lượng tối đa trong một khối lượng và trọng lượng tối thiểu, nhưng vẫn không ra ngoài lý thuyết sau đây:

Khi hai chất có một áp lực (affinité) đối với nhau, chúng liền nhập lại thành một hợp chất, trong một thể bền (stable). Muốn chúng rời nhau phải dùng đến một số năng lực để phân chất. Và một khi cho những cấu tử gặp nhau, chúng lại và nhả ra số năng lực đã dùng để phân chúng.

Xét như thế các nhà bác học cho rằng vật chất chỉ chứa đựng năng lực mà thôi. Cũng vì vậy từ xưa đã vững lòng tin ở sự bảo toàn trọng khối (conservation de la masse).

Từ ngày thuyết của Einstein ra đời, quan niệm trên kia đã bị lung lay đến tận gốc.

Theo Einstein, năng lực cũng có trọng lượng, và vật chất chỉ là năng lực đọng lại rất đặc mà thành.

Hiện nay khoa học nguyên tử đã chứng tỏ quan niệm mới này rất đúng.

Khi 12 giờ râm các bon cháy lên, hợp với 32 giờ râm ốc xy liền biến thành than khí và nhả ra một số nhiệt năng. Theo thuyết Einstein, mất một số năng lượng tức là mất một phần trọng lượng, nghĩa là không phải $12 + 32 = 44$ giờ râm nữa. Thực thể nó chỉ còn lại 43,9999999956 giờ râm mà thôi.

Nói một cách khác, khi than cháy trong dưỡng khí, có 3.10.000.000.000 khối lượng biến thành nhiệt năng. Thực là một nguồn năng lượng cực kỳ yếu ớt, tuy thế mà nó đã thay đổi cả cục diện thế-giới và mở ra một kỷ nguyên kỹ nghệ chạy bằng hơi nước hoặc bằng dầu hỏa, đưa nòi nhân loại tới mực sinh hoạt rất cao hiện tại.

Nếu dùng được toàn khối vật chất cho biến thành năng lượng thời khoa học và kỹ nghệ của nhân loại tiến bộ biết đến bực nào!

Năng lực hóa học của một giờ râm các bon là 7.800 ca lo, nếu cả một giờ râm đó biến đi thành năng lượng, ta sẽ có tới 21.500.000.000 ca lo!

Một chiếc tàu thủy cập bến, lấy lên tàu 3.000.000 kí lô than để chạy máy, thực ra chỉ dùng hết có 1 giờ râm, còn lại tới 2.999.999 kí lô 999 giờ râm vô dụng dưới hình thức than khí.

Tất các bạn cũng như chúng tôi đều không ai bằng lòng về cái tỷ lệ nhỏ bé có 3/10 tỷ nói trên, và lấy làm lạ sao các nhà bác học không tìm cách tăng nó lên. Các nhà bác học thực cũng đã cố gắng rất nhiều về phương diện ấy, nhưng những kết quả đẹp đẽ nhất cũng còn cách rất xa cái tỷ lệ lý tưởng 100%: Chất xăng cháy nóng hơn than với tỷ lệ 5, 5 phần tỷ (tức đã gần gấp 20 lần). Chất nitroglycerine là một thứ thuốc nổ mạnh nhất, mạnh đến nỗi không tài nào chế được một chiếc máy với những bộ phận đủ bền bỉ khả dĩ lợi dụng sức nổ ấy để chuyển động, thế mà khối lượng bị biến đi thành năng lượng cũng không quá 29 phần tỷ (29/1.000.000.000).

Như ta thấy, chính tỷ lệ này chỉ cái phần hữu ích trong một khối lượng vật chất. Nếu nó đã quan hệ đối với những chiếc máy đặt trên mặt đất hay xe dịch trên mặt biển, gây khó khăn trong vấn đề chuyên chở và cung cấp nhiên liệu, thời đây sẽ là vấn đề sinh tử đối với những chiếc hỏa tiễn. Thực vậy, nếu dùng được những chiếc máy nhẹ nhàng biến toàn khối lượng vật chất ra năng lượng thời những chiếc hỏa tiễn sẽ thu gọn lại biết bao, và tầm hoạt động của nó thực gần như không có giới hạn nữa.

Hiện nay, với hóa học năng, người ta phải dùng tới một trọng lượng tổng quát 1.000 kí lô về hỏa tiễn mới tung nổi một kí lô vật chất lên tới quỹ đạo để nó biến thành vệ tinh, và nhiều hơn nữa mới tung được nó ra khỏi dẫn lực của trái đất.

Đó là kẻ trong trường hợp thuận tiện nhất, và cùng với những nhiên liệu đặc biệt, tất nhiên, cũng tốn kém nhất.

Như vậy, dùng năng lực hóa học để di dân sang hành tinh khác không sao thực hiện được, và tất cả các thứ kim khí khai thác nổi trên địa cầu khó lòng

đủ làm những chiếc hỏa tiễn vĩ đại ấy!

Rất có thể, rồi ra nhân loại sẽ tìm thấy nhiều kho năng lực khác tiện dụng hơn, nhưng hiện nay, thực chỉ có nguyên tử năng là hứa hẹn cho chúng ta nhiều hơn cả.

SỰ BÍ MẬT CỦA CHỊ HẰNG

Trong khi chờ đợi tìm ra những bộ máy khai thác nguyên tử năng đủ nhẹ để dùng vào hỏa tiễn, hiện nay với nhiên liệu hóa học sẵn có, người ta tưởng cũng có quyền tin chắc một ngày gần đây tung nổi những chiếc máy nhẹ nhàng nhưng đủ tinh xảo, để thay các nhà bác học vượt khỏi tầm hút trái đất đi khám phá một số bí mật trong quang không...

Một trong những bí mật làm cho nhân loại bực dọc nhất chính là chị Hằng.

Từ thượng cổ tới nay, người ta chỉ được biết có một mặt của trăng. Tuy chưa được hiểu đích xác những điều kiện vật chất trên cái mặt trăng lốm đốm những hình tựa núi lửa tắt kia, nhưng ít ra người ta cũng đã thỏa mãn phần nào khi được quyền tin rằng nó có thể chẳng khác gì trên mặt đất ta về hình thù, và có thể là một thế giới «chết» (nếu ta gán cho sự «sống» cái ý nghĩa đặc biệt của thế giới sinh vật tại trái đất, vì biết đâu trong đó chẳng có một «sự sống» khác hẳn nơi chúng ta?)

Duy có cái «mặt sau» của trăng là bí mật hoàn toàn.

Đã từ lâu các nhà bác học trừ tính khám phá cái mặt đó bằng phương pháp sau đây:

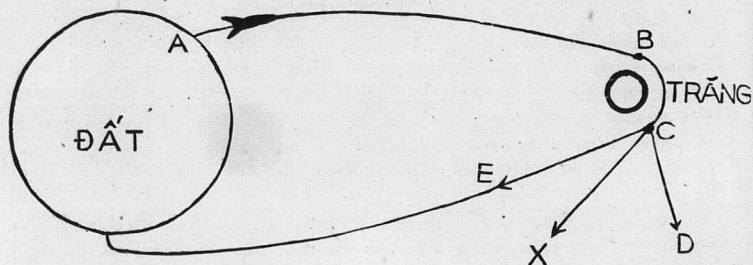
Người ta sẽ dùng một chiếc hỏa tiễn cực lớn, đem đủ mấy mớc tinh vi, cho phóng lên nhằm thẳng một điểm nào rất gần cạnh mặt trăng, để cho nó khỏi đâm bõ vào mặt trăng. Máy của hỏa tiễn sẽ chạy cho tới khi đạt được tốc độ giải phóng khối trọng lực là khoảng 10 cây số mỗi giây. Khi đó nó đã ra khỏi tầng khí quyển khá đặc, và sức cản của không khí quá loãng gần như không đáng kể, máy sẽ ngừng chạy. Với đà sẵn có, hỏa tiễn vẫn lao đi. Theo nguyên tắc thời tốc độ đó bị giảm dần, vì quả đất hút trở lại, và nó sẽ chỉ mất hết tốc độ khi tới một nơi... vô tận nào đó.

Nhưng đây là trên lý thuyết, nó chỉ đúng đối với một vũ trụ không có tinh tú nào khác. Đàng này nó sẽ lọt vào khu vực ảnh hưởng của trăng và rơi xuống phía trăng mỗi lúc một nhanh thêm.

Vì đường đi của nó không chiếu thẳng chị Hằng, nên nó chỉ chạy tới phía cạnh chị Hằng thôi, với một tốc độ tiếp tuyến khoảng 2 cây số mỗi giây, đủ biến nó thành một vệ tinh tí hon của chị Hằng. Trong một quãng ngắn (từ B tới C (coi hình I), nó sẽ chạy vòng qua phía sau mặt trăng rồi vượt trở lại nhưng đây mới là nỗi khó: làm sao cho nó trở về trái đất?)

Theo định luật của cơ học, nó sẽ văng đi theo đường CX và bao nhiêu tài liệu khảo sát sẽ cùng với hỏa tiễn mất đi trong quang không vô tận.

HÌNH I



Người ta sẽ hoặc dùng những luồng sóng vô tuyến điện điều khiển hỏa tiễn cho máy nó lại chạy và lái trở về trái đất, hoặc giả điều khiển một bộ phận nào của hỏa tiễn, làm văng đi theo CD, một phần vô hỏa tiễn trở nên vô dụng vì hết nhiên liệu, để lái phần hỏa tiễn còn lại theo chiều CE cho trở về trái đất. Một khi lọt vào tầm hút của trái đất, nó chắc chắn sẽ không thể văng đi đâu mất nữa, nhưng việc lái hỏa tiễn này cũng vẫn cực kỳ khó khăn và phải hết sức chính xác, vì nếu nó không tiến tới trái đất theo một đường tiếp tuyến mà lại lao thẳng vào quả đất, thì khi đó nó sẽ chung số phận với các vấn thạch nghĩa là tiêu tan.

Nếu hỏa tiễn trở về với một số tốc độ tiếp tuyến thì trái lại tốc độ ấy gây cho hỏa tiễn một ly tâm lúc nó làm giảm bớt ảnh hưởng dẫn lực của trái đất, và cho phép người ta điều khiển bộ phận mở ra một hoặc nhiều chiếc dù để giảm dần độ rơi nhanh của hỏa tiễn, cho nó yên ổn về mặt đất.

Tất nhiên là hỏa tiễn phải rất kín, bền bỉ và có thể nổi được vì địa cầu có 3 phần bề, một phần đất, nó sẽ rơi xuống bề hơn là rơi vào mặt đất liền.

KHÁM PHÁ MẶT SAU CỦA TRĂNG ...

Trong khi chạy vòng mặt sau của trăng, có một lúc hỏa tiễn sẽ xuống rất sát mặt trăng. Theo lý thuyết thì người ta có thể tính rất đúng độ thấp ấy ngay từ khi tung hỏa tiễn lên. Nhưng tính là một truyện, mà thực hiện lại là một truyện.

Trong thực tế, người ta phải đề phòng những sự sai xuyến, nhất là trong công cuộc tung hỏa tiễn trên một đường đi cực dài này; chỉ sai một ly lúc khởi hành là sẽ chệch đi đến bao nhiêu dặm.

Mà dù có đủ chính xác để cho hỏa tiễn xuống thấp đến mực cùng được đi nữa, cũng không thể cho xuống thấp khoảng vài cây số được vì, theo sự ước lượng chiều cao những trái núi nơi mặt trăng ta trông thấy, có nhiều trái cao tới 5.000 mét. Nếu mặt kia cũng vậy (mà ta có thể nghi là hai mặt chẳng khác chi nhau) thời hỏa tiễn xuống thấp có thể va núi tan nát như chơi.

Và lại, bay cao đôi chút, nếu không rõ cho lắm về những thung lũng thời it ra cũng vẫn có thể quan sát rõ ràng những khu cao hay những đỉnh núi.

Người ta cũng lại tính rằng: quang đường đi của hỏa tiễn khi tới gần mặt trăng nhất, khoảng 300 cây số sẽ lâu chừng 150 giây đồng hồ, vậy phải làm sao tận dụng 150 giây đồng hồ quý báu ấy.

Tất nhiều hỏa tiễn nếu có thể, sẽ mang theo những máy móc tinh xảo để khảo cứu về địa chất, nhưng đối với mọi người, kể cả bác học lẫn người thường chúng ta, những hình ảnh rõ rệt, vẫn rất quý báu để ta hiểu rõ chị Hằng hơn.

Nếu hỏa tiễn bay cao hơn các mòm núi chừng 3.000 mét, một ống ảnh có lắp viên vật kính (téléobjectif) với bội giác 50 có thể kéo hình ảnh mặt trăng tới gần 40 mét thời, và nếu chụp liên liền những hình ảnh, khi rời mặt ta có thể biết rõ mặt trăng trên suốt đường đi có chụp ảnh của hỏa tiễn.

Máy ảnh tất nhiên phải chụp được hình một cách cực kỳ nhanh chóng, vì khi ta thu hẳn các vật càng gần lại bao nhiêu, thì hình ảnh ấy càng vụt qua nhanh chóng bấy nhiêu. Đàng này hỏa tiễn bay nhanh tới 2 cây số mỗi giây, tức 7.200 cây số mỗi giờ ta có thể tưởng tượng được hình ảnh vụt qua nhanh đến mực nào.

Đề giải quyết vấn đề, người ta đã tìm ra hai giải pháp và có thể đồng thời dùng cả hai được:

Trước hết, máy ảnh sẽ là thứ tối tân hiện nay người ta chế tạo những vật dị chuyển rất nhanh: mỗi giây thu được hàng vạn chiếc bình khác nhau, của một viên đạn bắn đi chẳng hạn.

Sau nữa, để cho hình đó đỡ nhòe vì sự chuyển động của vật trong thời gian máy ảnh mở ống kính, người ta có làm cho máy ảnh cũng chuyển động đồng chiều với mặt trăng, để giảm bớt tốc độ tương đối của vật bị chụp.

Hình dưới đây chỉ rõ phương pháp này:

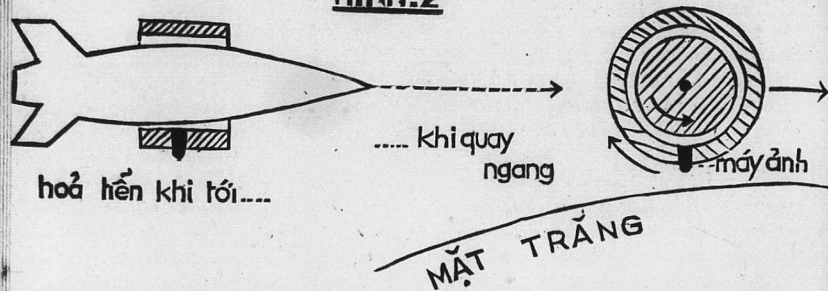
Hỏa tiễn một khi vòng ra sau mặt trăng, liền có bộ phận lái cho quay ngang ra.

Một động cơ khác sẽ làm cho hỏa tiễn cùng với một bộ phận tròn bao ngoài hỏa tiễn, quay ngược chiều nhau. Tất nhiên cả hai vật đó: bộ phận tròn cũng như hỏa tiễn đều quay, đối với mặt trăng.

Người ta có thể tính độ nhanh của sự quay ngược chiều này để cho bộ phận tròn ngoài hỏa tiễn quay đều đặn, cùng tốc độ với hỏa tiễn, hệt như một chiếc bánh xe lăn trên một tấm thảm căng ở khoảng vài nghìn thước trên mặt trăng.

Người ta có thể lắp nhiều máy ảnh trên bộ phận ngoài hỏa tiễn ấy ; mỗi khi chúc đầu ống ảnh xuống mặt trăng thời ống ảnh chụp lấy một hình. Trong khi chụp ấy, máy ảnh cũng như vật bị chụp đều chạy về cùng một phía lễ tất nhiên hình của vật bị chụp sẽ xô dịch rất chậm chạp trên kính ảnh, và trong thời gian mở đóng rất nhanh của ống kính, hình sẽ không kịp nhòe nữa.

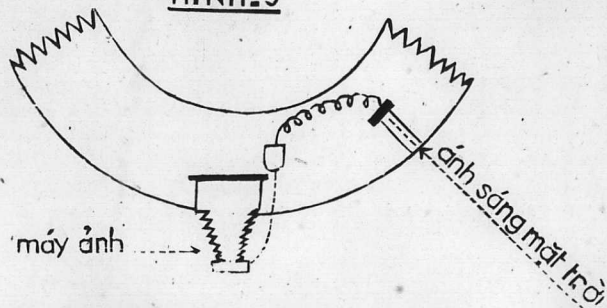
HÌNH.2



Tất cả sự khó khăn là ai có mặt ở đây mà điều khiển ống ảnh chụp đúng lúc ống kính chiếu xuống mặt trăng ?

Các nhà bác học cũng đã sẵn câu trả lời : Chỉ cần lắp một ống điện quang (cellule photoélectrique) tính sao cho khi ống kính quay xuống mặt trăng,

HÌNH.3



là ống điện quang sẽ chiếu thẳng về phía mặt trời. Như vậy mỗi khi ống điện quang quay về phía mặt trời, tia sáng nhận được sẽ phát ra một luồng điện rất nhỏ qua một máy khuếch đại, sẽ đủ mạnh để điều khiển ống ảnh khi đó đang chụp xuống mặt trăng, để chụp lấy một hình (xem hình 3).

oOo

Sơ qua một chút như vậy, dù cho ta thấy mấy móc trên hỏa tiễn phải tinh xảo và chính xác đến mực nào,

Nếu ta nghĩ đến những phương diện khác cần phải khảo sát như : ảnh hưởng của vũ trụ tuyến, các phần tử tàn mát trong quang không liên hành tinh, sức nóng của mặt trời khi không còn bị khí quyển cản v v . . . cùng với mấy móc chịu sự điều khiển bằng vô tuyến điện từ trái đất, ta sẽ hiểu biết : thực hiện được một hỏa tiễn như vậy đòi hỏi biết bao nhiêu công phu, phí tổn, thời gian cùng kinh nghiệm.

Hơn nữa, một hỏa tiễn như vậy sẽ phải cực kỳ nặng lớn .

Nhưng khoa học đã chứng tỏ nhiều lần rằng, khả năng của mình còn vượt lên trên những mơ tưởng phi lý nhất, vậy ta có thể yên tâm chờ đợi.

MỘT DỰ ĐỊNH TÁO BẠO VÀ VĨ ĐẠI

Tất những dự tính trên hiện nay đang bước vào thời kỳ thực hiện : Hiện nay đã chẳng có tới ba vệ tinh thực sự thẳng nối trọng lực của trái đất đây ư ? Và hiện các nhà chuyên môn Mỹ cũng như Nga đã chẳng hứa hẹn trong một thời gian nữa sẽ làm cho một vật của trần gian này lên tới cung Quảng đây sao ?

Nhưng đó vẫn sẽ chỉ là những cuộc thí nghiệm, vất vả và công phu, tốn phí vô cùng mà thôi, chưa phải là những cuộc thành tựu trên địa hạt thám hiểm không gian, nó đòi hỏi sự hiện diện thực sự của những nhà thám hiểm trong các hỏa tiễn.

Hơn nữa, các mục đích tối hậu của loài người là sang hành tinh khác để tìm kiếm nguyên liệu mới hoặc để di cư, sẽ vẫn xa lãng lác, vì lấy đâu ra những hỏa tiễn không lồ để đưa đi từng đoàn người đồng đảo với dụng cụ ?

Một dự định đã được phác họa, chứng tỏ tuy sự rộng lớn của vũ trụ không có bờ, nhưng sự táo bạo của trí khôn loài người cũng không có bến.

Từ năm 1877, ngày 17 tháng 8, giáo sư Asaph Hall nhận thấy ở gần Hỏa tinh có hai hành tinh tí hon. Chúng được đặt tên là Deimos (đường kính 10 cây số) và Phobos (đường kính 12 cây số).

Hồi ấy người ta chỉ để ý đến hai hành tinh này với tính cách là hai mặt trăng của Hỏa tinh mà thôi. Chúng quay quanh Hỏa tinh rất nhanh : một vòng chỉ hết có 30 giờ đối với Deimos và 7 giờ 39 phút đối với Phobos.

Sở dĩ chúng quay nhanh như vậy mà không bị văng ra khỏi tầm hút của hỏa tinh là vì chúng ở rất gần : Phobos cách Hỏa tinh có 6.065 cây số và Deimos 20.275 cây số.

Ngày nay, nhân loại hy vọng lập một căn cứ quan sát vũ trụ (station cosmique) rộng lớn ở gần trái đất, mới nhận thấy là hành tinh tí hon nói trên.

Thực vậy, chúng là những căn cứ thiên nhiên rất thuận tiện cho nhân dân Hỏa tinh (nếu có) lên khảo sát về vũ trụ. Tuy rằng Phobos quay mỗi vòng

phanh hơn Hỏa tinh chừng 4 giờ, nhưng tốc độ góc tương đối của nó (vitesse angulaire apparente) trước con mắt dân cư Hỏa tinh không quá lớn đến nỗi không dùng được làm căn cứ khảo sát. Hơn nữa, quãng cách 6.065 cây số thực là nhỏ bé không đáng kể, bên cạnh những dự định thám hiểm xa hàng bao triệu cây số ngàn!

Một căn cứ tương tự nếu được thiết lập gần trái đất, thì người ta có thể tính cho nó quay cùng một tốc độ góc với trái đất và cùng một chiều. Khi ấy đối với dân cư địa cầu này, nó sẽ là một cái trạm bắt đi bắt dịch, ở trên một điểm nào đấy đã được chọn.

Chiều cao của nó khi ấy phải vào khoảng 8.000 cây số vì một khi tốc độ góc của nó đã ấn định đúng với tốc độ góc của trái đất, thì nếu cho ở gần hơn, ly tâm lực sẽ bé kém trọng lực và nó sẽ sa xuống đất. Trái lại, ở xa hơn, ly tâm lực sẽ lớn hơn trọng lực và nó sẽ văng ra quãng không...

Căn cứ ấy sẽ vô cùng ích lợi. Không nói đến sự lợi dụng nó làm căn cứ bảo vệ an ninh cho xứ sở những kẻ tạo ra, nó sẽ còn cho ta khảo sát những sự bí mật của vũ trụ tuyến (ở đó vũ trụ tuyến sẽ không còn bị khí quyển hút mất tới 99% như ở mặt đất nữa), đoán trước những cơn bão trên mặt địa cầu, v.v. . . Nhất là sẽ thành phi trường rất tốt cho các vũ-trụ đỉnh; chúng chỉ cần tới 1/5 số năng lực cần thiết khi ở trái đất để thắng trọng lực.

Nhân loại, với khả năng nguyên tử, rất có thể một ngày kia đến thăm một hoặc cả hai hành tinh nói trên (nhất là Deimos vì nó ở xa Hỏa tinh và ít chịu ảnh hưởng của Hỏa tinh) dùng năng lực nguyên tử kéo nó ra khỏi oằn lực của Hỏa tinh và đưa về gần trái đất, biến nó thành một căn cứ xét nghiệm vũ trụ của ta.

Nhưng dùng một căn cứ như vậy không phải chuyện dễ dàng. Trước hết, nhân loại không hòng sống trên mặt hành tinh tí hon ấy, vì dẫn lực của nó rất yếu: Mỗi trăm kí lô trên mặt đất lên đây chỉ còn cân nặng chừng sáu chục cà ram (0,60/00). Mỗi bước nhảy của ta trên ấy sẽ vọt lên cao hàng mấy trăm thước và khi rơi xuống vẫn nhẹ nhàng như không. Như vậy "đi" như ở mặt đất sẽ không thể được, mỗi bước sẽ dài tới hàng trăm thước. Sự xê dịch nhanh chóng này chưa chắc đã là cái hay, vì bạn hãy coi chừng, chỉ chạy nhanh quá một chút, hay nhảy cao quá một chút, bạn sẽ có thể vượt qua khu vực thăng bằng giữa hai dẫn lực. Khi đó, bạn sẽ không rơi xuống hành tinh nữa mà sẽ rời xuống mặt đất, tự cái độ cao gần 8.000 cây số ấy. Số phận bạn sẽ ra sao, tượng bất tất phải nói đến nữa!

Vì vậy, người ta đã tính sẽ sống, không phải trên mặt hành tinh, mà ở trong lòng nó.

Người ta sẽ đem lên đủ dụng cụ máy móc, đào những đường hầm chạy vòng trong hành tinh, xây những nhà kiên cố, rồi dùng hai hỏa tiễn nguyên tử mắc ở hai đầu đường kính của hành tinh, cho chạy ngược chiều nhau. Chúng liền làm cho hành tinh xây tròn, và tạo cho những vật chứa ở trong lòng một trọng lực nhân tạo đó là ly tâm lực.

Người ta sẽ có thể sống trong ấy như hết trên mặt địa cầu. Có khác chăng là ở mặt đất, chúng ta đi trên mặt đất, đầu ở phía ngoài, chân về phía trung tâm đất. Trong Hành tinh trái lại, khi ấy người ta sẽ đi trên thành tường, đầu hướng về phía trung tâm hành tinh.

Người ta cũng đã tính; chỉ cần làm tan đi chừng 100 kí lô vật chất cũng đủ số năng lực cần thiết làm cho 1 hành tinh Phobos quay tròn, mỗi vòng chỉ hết có ba phút.

Ly tâm lực, khi ấy sẽ mạnh bằng 1 phần 3 trọng lực ở trái đất. Tất nhiên trên mặt hành tinh, trừ hai khoản nhỏ ở hai cực sẽ không còn một vật gì nằm lại, vì chúng sẽ bị ly tâm lực tung ra quãng không và mặt hành tinh sẽ sạch như có người quét.

Khi ấy, người ta có thể dùng những phi đỉnh nhỏ, muốn bay đi không cần phải mở máy; chỉ cứ việc đưa chúng tới đường xích đạo, và mở cửa cho chúng theo ly tâm lực phóng ra quãng không.

Lúc trở về, chúng có thể hạ xuống phía hai cực, là nơi ly tâm lực không có ảnh hưởng, để vào trong lòng hành tinh.

Nhưng, có thể là người ta sẽ chẳng cần dùng đến phi đỉnh, vì hành tinh một khi nhận đủ người và dụng cụ, có thể chính nó biến thành một phi đỉnh không lồ đưa những kẻ ở trong sang thăm thế giới khác trong cái vũ trụ bao la kia...

KẾT LUẬN

Ít giởng trên đây cho ta nhận thấy rõ nhân loại có rất nhiều hi vọng thực hiện những cuộc du ngoạn trong vũ trụ cũng như di dân sang những thế giới khác.

Đồng thời, ta cũng nhận thấy việc dùng năng lực hóa học để tung vệt tinh nhân tạo lên chỉ mới là những biện pháp thô sơ, tạm bợ, để đưa lại ít nhiều tài liệu về cái quãng không ngoài khí quyển mà thôi, chứ không thể dùng trong những tầm rộng lớn được.

Chỉ có nguyên tử năng mới cho ta hi vọng thành đạt trong công cuộc chinh phục không gian.

Vậy kẻ nào đầu tiên tìm ra phương pháp tiện lợi khai thác khả năng nguyên tử, có thể chế những bộ máy nhẹ nhàng chạy bằng nguyên tử năng, và có thể tiến gần tới mức tận dụng triệt để khối năng lượng vĩ đại nằm trong vật chất, kẻ ấy mới sẽ là người tới đích trước tiên vậy./.



A. — TIN TRONG NƯỚC

1— ỘNG BỘ TRƯỞNG Q.G.G.D. ĐI KINH-LÝ KONTUM VÀ PLEIKU

1— Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục đi kinh-lý Kontum và Pleiku. Sáng 6-1-58, ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục đã từ Sài-gon đi kinh-lý Kontum và Pleiku bằng phi cơ riêng của Quân-đội. Đi theo ông Bộ-Trưởng có các ông Trần-bá-Chức, Tổng-giám-đốc Học-vụ, Nguyễn-đình-Phú, Phó Tổng Thư-Ký, Nguyễn-ngọc-Cư, Giám-đốc Nha Tiểu-học và Bình-dân Giáo-dục, Nguyễn-hữu-Tước, Thanh-tra Trung-học.

Tới Kontum, ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục đã tiếp xúc với các Vị đại-diện chính quyền để thảo luận về những vấn-đề giáo-dục tại địa-phương. Sau ông Bộ-Trưởng và đoàn tùy-tông đã đi thăm trường Tiểu-học người Kinh, trường Bahnar và ký-túc-xá của trường này. Tại đây ông Bộ-Trưởng rất chú ý đến tình-trạng nội trú của học-sinh và hứa sẽ giúp đỡ phương-tiện để nâng cao mức sống của học-sinh Thượng. Buổi chiều, ông Bộ-Trưởng đã đến viếng trường Trung-học tư-thực công-giáo Lasan. Trường Trung-học tư-thực Lasan có đặc-điểm là các học-sinh Kinh Thượng đều học chung. Nhân dịp này ông Bộ-Trưởng cũng đã hỏi thăm các trẻ em học-sinh người Thượng đã được NGÓ Tổng-Thống nhận làm dưỡng-tử. Sau khi ghé qua trường chuyên-nghiệp dành cho nữ-sinh người Thượng, do các bà Phước giòng Saint-Vincent de Paul đảm-trách, Ông Bộ-Trưởng đã đi đến làng Võ-Định các

Kontum 20 cây số về viếng trường Nguyễn-Đỗ thuộc giòng truyền giáo.

Ngày hôm sau 7-1-58 Ông Bộ-trưởng cùng đoàn tùy-tông đã đi Pleiku. Tại tòa Tỉnh-trưởng Pleiku, ông Bộ-trưởng đã được các nhà chức-trách địa-phương trình-bày về mọi vấn-đề giáo-dục. Đoàn ông Bộ-trưởng đi viếng hai trường tiểu-học ở đây cùng các tư-thực Bồ-Đề, Saint Louis và trường tiểu-học định-cư Phú-thọ ở cách Pleiku 10 cây số. Ông Bộ-trưởng và trường tiểu-học rất lâu ở một trường tiểu-học dành riêng cho trẻ em người Thượng và đã nhắc nhở với học sinh rằng tỉnh Pleiku có một tương lai sáng-lạn: chính Tổng-Thống Việt-nam Cộng-hòa đã ước-mong rằng tỉnh này sẽ trở thành một trong những trung-tâm kinh-tế quan-trọng nhất trong nước. Ông Bộ-trưởng khuyên các học-sinh nên nỗ lực học tập để tỏ ra xứng đáng với lòng ưu-ái của Tổng-Thống.

Tại mỗi trường, sau những lời khuyên nhủ quý báu, ông Bộ-trưởng đã ban tặng phẩm cho học sinh. Ông Bộ-trưởng hứa sẽ nghiên-cứu các biện-pháp để làm thỏa-mãn những nhu cầu khẩn yếu của mỗi trường học. Nhiều vấn-đề đã được giải quyết mau lẹ tại chỗ, tránh mọi thủ-tục giấy tờ phiền-phức.

2— LỄ TIẾP-NHẬN 20 XE HƠI DO MỸ-QUỐC VIỆN-TRỢ

Bộ Quốc-Gia Giáo-dục đã tổ-chức lễ tiếp-nhận 20 xe hơi do Mỹ-quốc viện-trợ tại trụ-sở Bộ ngày 9-1-58, dưới sự chủ-tọa của ông Bộ-Trưởng Q.G.G.D. Những chiếc xe này được cung cấp với tính cách trang bị trong khuôn khổ chương-trình phát-triển ngành Tiểu-Học tại các vùng nông thôn. Chương-trình này sẽ bắt đầu thực hiện trên một phương-diện rộng rãi từ đầu năm nay với sự viện-trợ tài chính của Mỹ-quốc cùng sự hợp tác của ban giáo-huấn cơ-quan ngoại-viện Hoa-kỳ.

Nhân dịp này, ông Leland Barrows, Giám-đốc cơ-quan Ngoại-viện Hoa-kỳ và ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục đã đọc diễn-văn.

3— LỄ TẤT-NIÊN TẠI HỘI KHUYẾN-HỌC BỔ-TÚC

Tối 12-2-1958, Hội Khuyến-Học bổ-túc đã tổ-chức lễ tất-niên tại trường Tiểu-học Lê-văn-Duyệt, dưới sự chủ-tọa của Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, Chủ-tịch Hội Khuyến-học bổ-túc và trước sự hiện-diện của một số đồng quan-khách trong đó có ông Bộ-Trưởng, Thông-Tin và Thanh-Niên và nhiều vị Dân-biêu Quốc-Hội.

Ông Bộ-Trưởng đã nhắc tới lòng ưu-ái của Tổng-Thống đối với các anh chị em công-tư-chức vi gia-cảnh mà phải bỏ giờ hay gián-đoạn việc học và nhắc lại mục-đích của Hội K. H. B. T. cũng khuyến anh em nên cố gắng học-tập. Nhiều màn ca-vũ nhạc kịch đã chấm dứt buổi lễ.

4— LỄ PHÁT QUÀ TẾT CHO HỌC-SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG-HỌC SÀI-GÒN

Chiều ngày 13-2-58, hồi 16 giờ, Tổng-liên-đoàn học-sinh Việt-Nam đã tổ-chức lễ phát quà Tết cho học-sinh nghèo thuộc 24 trường trung-học công-tư ở Thủ-đô.

Buổi lễ được đặt dưới sự chủ-tọa của ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục trước sự hiện-diện quý ông Đồng-lý Văn-phòng, Tổng Giám-đốc Học-vụ cùng các vị Hiệu trưởng và các nhân-viên trong Ủy-ban chấp-hành Tổng liên-đoàn học-sinh.

Nhân dịp này, Ông Bộ-Trưởng đã đọc diễn-từ và khuyên các hiệu-đoàn nên cố-gắng thêm để 'xây dựng một thể-hệ thanh-niên hiếu học, trong sạch, lành mạnh biết quý trọng danh-dự, tôn thờ tín nghĩa và quyết tâm phục-vụ chính nghĩa quốc-gia.'

5- CƠ QUAN CỨU-TRỢ HOA-KỲ TẶNG HỌC-PHẨM CHO HỌC-SINH

— Cơ-quan cứu-trợ Hoa-kỳ CARE — (coopérative for American Remittance to Everywhere) đã tặng nhân dịp Xuân Mậu-Tuất, 15000 gói học phẩm cho học-sinh của 45 trường tiểu-học công lập ở Saigon.

Buổi lễ phát quà tượng trưng đã được tổ-chức tại trường Tiểu-học Trương minh-Kỷ hồi 9 giờ sáng ngày 12-2-58 dưới sự chủ-tọa của ông Giám-đốc Nhà Học-chánh Nam-phần. Sau phần nghi thức thường lệ, ông Nguyễn-văn-Hoài, Thanh-tra tiểu-học đô-thành đã nhân danh tất cả học-sinh, ngỏ lời cảm ơn các vị đại-diện Cơ-quan cứu-trợ Hoa-kỳ Care và đã nhấn mạnh về tình hữu-nghị Việ-Mỹ.

6- ỦY-HỘI QUỐC-TẾ UNESCO NHẬT-BẢN GỬI PHIẾU UNESCO TẶNG BỘ Q.G.G.D.

Ủy-hội Quốc-gia UNESCO Nhật-Bản mới gửi tặng Bộ Quốc-gia Giáo-dục 8 tặng-phẩm UNESCO trị-giá 400 Mỹ-Kim trong khuôn-khò dự-án 'Boy's town' để tùy-nghị sử-dụng.

Ông Bộ-trưởng Q. G. G. D. đã chuyển tặng trường 'Saint Vincent tại Banmethuot để giúp học-sinh mua dụng-cụ học-tập.

7- ÔNG BỘ-TRƯỞNG Q.G.G.D. ĐI KINH-LÝ ĐÀ-LẠT

— Ông Bộ Trưởng Q.G.G.D. đi kinh-lý Đà-lạt — Sáng 28-2-58, ông Bộ-Trưởng Q.G.G.D. đã đáp phi-cơ đi Đà-lạt.

Ra nghênh đón ông Bộ-Trưởng tại phi-trường có ông Trưởng-ty Học-chánh Đà-lạt và một số đồng giáo-sư, giáo-viên.

Các học-sinh nam nữ đã tập hợp tại công viên Tòa Đại biểu Chính-phủ tại Cao-nguyên Trung-phần để chào đón ông Bộ-trưởng.

Ông Bộ-trưởng đã cùng các vị đại-diện các cơ-quan quân, dân, chánh thảo-luận về nhiều vấn-đề liên quan đến nền giáo dục tại Cao-nguyên-Trung-phần. Ông Bộ-Trưởng đã lưu tại Đà-lạt 3 ngày để thăm viếng các trường Trung, Tiểu-học.

8- NHỮNG GIẢI THƯỞNG THỂ-THAO DO BỘ Q.G.G.D. TỔ-CHỨC

Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ-chức 9 giải thưởng thể-thao cho các nam-nữ

sinh-viên và học-sinh ở Saigon trong kỳ đệ-nhất tam-cá-nguyệt 1958 :

- 1 giải bóng tròn cho nam học-sinh.
- 2 giải bóng rổ (1 cho nữ học-sinh và 1 cho nam học-sinh).
- 2 giải bóng chuyền (nt).
- 2 giải bóng bàn đánh đêm (nt).
- 2 giải bóng bàn đánh đối (nt).

Các đoàn vô-dịch ở thủ-đô sẽ được tham-dự giải vô-dịch toàn-quốc do Bộ Q.G.G.D. sẽ tổ-chức vào đầu tháng tư tại Saigon.

9- TRIỂN-LÂM VỀ NĂNG-LƯỢNG VÀ NHỮNG BIẾN-DỤNG CỦA NĂNG-LƯỢNG.

— Bộ Quốc gia Giáo-dục tổ-chức Triển-lâm về Năng-lượng và những biến dụng của Năng-lượng.

Thề lời mời của Ủy-hội Quốc-gia Unesco tại Việt-Nam và dưới sự bảo trợ của Bộ Quốc-gia Giáo-dục, cuộc triển-lâm khoa học lưu động thứ V của Tổ-chức văn-hóa quốc-tế Unesco đã khai-mạc tại Hội-chợ Triển-lâm Giải-trí Saigon sáng 27-2-58 dưới sự chủ-tọa của Phó Tổng-Thống Nguyễn-ngọc-Thơ, Đại-diện Tổng-Thống Cộng-Hòa Việt-Nam.

Trong buổi lễ khai mạc, ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo dục, chủ-tịch Ủy-hội Quốc-gia Unesco tại Việt-Nam đã trình bày về tính cách quan trọng của cuộc Triển-lâm và sự ích lợi của mình đối với các sinh-viên học-sinh cũng như đối với đồng-bào các giới.

10- NHỮNG BUỔI NÓI CHUYỆN VỀ VĂN-HÓA

Hồi 18 giờ ngày 3-2-1958, Nhà Văn-Hóa Vụ Bộ Q.G.G.D. tổ-chức một buổi diễn-thuyết tại Giảng-đường Đại-học Văn-khoa (Saigon), đặt dưới quyền chủ-tọa ông Viện-trưởng viện Đại-học Saigon. Diễn-giã là Giáo-sư Nguyễn-Thiệu, Dân-biểu Quốc-Hội nói về 'Âm nhạc, một cửa dẫn đến chân lý'. Sau khi diễn-giã dứt lời, nhiều bản nhạc đã được trình bày đề cử-tọa thưởng-thức.

— Hồi 18 giờ ngày 11-2-1958, ông André Gélina đã diễn-thuyết tại giảng-đường trường Cao-dẳng Sư-phạm về 'khảo-cứu nền Cờ-học Trung-hoa'. Buổi diễn thuyết này đặt dưới sự chủ-tọa của ông Trần-bá-Chức, Tổng Giám-Đốc Học-Vụ.

Hồi 18 giờ ngày 6-3-1958, Hội Nghiên-cứu và Liên-Lạc Văn-Hóa Á-Châu tổ-chức một buổi diễn thuyết tại Giảng-đường Viện Quốc-Gia Âm-Nhạc (Saigon). Diễn-giã là ông Thái-văn-Kiểm, bản-báo chủ-nhiệm, nói về 'Ảnh-hưởng và di tích Chiêm-Thành trong nền Văn-Hóa Việt-Nam'. Diễn-giã đã nhờ nhạc-sư Nguyễn-hữu-Ba độc-tấu nhiều bản đàn Trung-Hoa, Chiêm-Thành và Việt-Nam cùng chiếu nhiều phim ảnh, và đã làm cho cuộc diễn-thuyết thêm phần hào-húng.

B. — TIN NGOẠI NƯỚC

1 — TRIỀN-LÂM MỸ-NGHỆ VIỆT-NAM TẠI BA-LÊ

Hôm 15-2-1958, vị Đại sứ Việt Nam tại Ba-Lê, Bác sĩ Phạm Khắc Hy đã khai mạc một cuộc triển lãm mỹ nghệ Việt-Nam gồm có rất nhiều bức sơn mài và tranh.

Trong các nhân vật đến dự buổi khai mạc cuộc triển lãm này, người ta nhận thấy các ông Albert Sarraut, chủ tịch Hội đồng Liên Hiệp Pháp, Marius Moutet, cựu Bộ-trưởng Bộ Pháp quốc Hải ngoại.

Cuộc triển lãm này do vị cố vấn văn hóa tại Sứ quán Việt-Nam ở Ba-Lê tổ chức, và mở cửa cho đến ngày 15-3-1958.

2 — SỰ GÓP PHẦN CỦA VIỆT-NAM TRONG SỰ HIỂU BIẾT GIỮA ĐÔNG-PHƯƠNG VÀ TÂY-PHƯƠNG

Trong phiên họp chuyên viên 21 nước tại nhà Tờ-chức Văn-hóa Quốc-tế ở Ba-Lê, từ 18-2 đến 27-2 có đề cập đến mối thiện cảm và hiểu biết giữa Đông-phương và Tây-phương.

Hai mươi một vị đại diện các nước họp thành một uỷ ban quốc-tế, làm cố-vấn cho Tờ-chức Văn-hóa Quốc-tế để thực hiện dự án chính yếu giúp đỡ cho sự hiểu biết lẫn nhau về các giá trị văn-hóa Đông-phương và Tây-phương.

Báo cáo của các nhân viên trong Ủy-ban về việc thực hiện dự án này đã có những căn bản của sự nhận chân giá trị lẫn nhau.

Đại diện Việt-Nam, ông Phạm Duy Khiêm, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của công cuộc phiên dịch ra tiếng quốc gia những tác phẩm tượng trưng của các nước và kê ra những công trình đã thực hiện được ở Việt-Nam lâu nay.

3 — QUYỀN VIỆT-SÚ' ĐẦU TIÊN

DO NGƯỜI MỸ VIẾT BẰNG ANH-VĂN

Hội người Mỹ, bạn của người Việt-Nam ngày 14-2-58 đã tổ chức một cuộc tiếp tân tại Câu Lạc Bộ Haward, Nữu Ước, để chào mừng ông Joseph Buttinger, tác giả quyển "Tiêu Long" một sách lịch sử chính trị Việt-Nam đầu tiên viết bằng Anh văn.

Hơn 120 quan khách, chuyên về văn đề Á-châu, nghị sĩ, ngoại-giao, ký giả và nhà kinh doanh, tất cả đều là bạn của Việt-Nam, đã khen ngợi ông Buttinger, một sáng lập viên và là Phó hội trưởng của Hội các người Mỹ bạn của Việt-Nam.

Đại diện cho ông Đại sứ Việt-Nam tại Hoa-Kỳ, ông Cố vấn Nguyễn-duy-Liên và Đệ nhất Tham vụ Nguyễn-phú-Đức, đã gửi đến cho ông Buttinger lời khen tặng về tình hữu nghị và thông cảm đối với Việt-Nam Tự-do.

Quyển «Tiêu Long» dày 535 trang do Hăng Frederick A. Preager xuất bản là một công trình hai năm nghiên cứu, tham khảo các hồ sơ mà Chánh phủ Pháp đã giữ bí mật cho đến 1955.

Đồng thời, cũng là một tác phẩm Anh văn rất quan trọng giúp cho người Mỹ hiểu thêm tình hình của Việt-Nam Tự do.

- Muốn góp phần vào việc phát-huy văn-hóa và xây đắp tương-lai, xin hãy mua :

VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

- Mua dài hạn một năm 240\$. Gửi thư-từ và ngân-phiếu về Ó. Giám-Đốc Nhạ Văn-Hóa (số 266, đường Công-Lý, Saigon).
- Mua dài hạn mỗi năm 10 số, gồm cả các đặc-san.